

**KẾT QUẢ KỲ THI OLYMPIC TRUYỀN THỐNG 10-3 TỈNH ĐẮK LẮK - LẦN THỨ VI - NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-SGDĐT ngày 05/3/2023 của Giám đốc Sở GDĐT)

| STT | SBD    | Họ và tên               | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1   | DI0030 | Phùng Thị Ngọc Huyền    | 25/03/2007 | Địa lí  | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 16.25     | 0.69          | 1      | HCV        |         |
| 2   | DI0007 | Nguyễn Thị Huyền Trinh  | 31/05/2007 | Địa lí  | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 16        | 0.43          | 2      | HCV        |         |
| 3   | DI0072 | Nguyễn Bảo Lam Như      | 09/04/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Chu Văn An            | 15.5      | 0.90          | 3      | HCV        |         |
| 4   | DI0098 | Trần Lê Tiên            | 04/08/2007 | Địa lí  | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 14.75     | 0.29          | 4      | HCV        |         |
| 5   | DI0021 | Nguyễn Thị Hà           | 04/07/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Nguyễn Huệ            | 14.25     | 0.34          | 5      | HCV        |         |
| 6   | DI0095 | Lê Anh Thư              | 04/09/2007 | Địa lí  | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 13.75     | 0.42          | 6      | HCV        |         |
| 7   | DI0018 | Mai Huỳnh Đồng Giao     | 17/02/2007 | Địa lí  | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 13.5      | 0.43          | 7      | HCV        |         |
| 8   | DI0020 | H' Un Niê               | 22/12/2007 | Địa lí  | 10   | THPT DTNT Đam San          | 13.5      | 0.53          | 8      | HCV        |         |
| 9   | DI0038 | Mai Lê Anh Khôi         | 28/04/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Lê Quý Đôn            | 13        | 0.77          | 9      | HCV        |         |
| 10  | DI0013 | Nguyễn Tăng Duy         | 26/10/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Cư M'gar              | 12.75     | 0.83          | 10     | HCV        |         |
| 11  | DI0011 | Nguyễn Thị Kiều Dung    | 28/05/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Võ Văn Kiệt           | 12.5      | 0.71          | 11     | HCV        |         |
| 12  | DI0069 | Trương Thị Mỹ Nguyệt    | 23/04/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Phan Chu Trinh        | 12.5      | 0.88          | 12     | HCV        |         |
| 13  | DI0028 | Ngô Thị Hoa             | 24/04/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Võ Nguyên Giáp        | 12.25     | 0.29          | 13     | HCV        |         |
| 14  | DI0019 | H Nuyễn-Niê             | 19/08/2007 | Địa lí  | 10   | THPT DTNT Đam San          | 12.25     | 0.43          | 14     | HCV        |         |
| 15  | DI0074 | Trương Hà Bảo Ni        | 11/12/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Nguyễn Công Trứ       | 11.75     | 0.41          | 15     | HCV        |         |
| 16  | DI0032 | Nguyễn Thị Thanh Huyền  | 30/06/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Lê Hữu Trác           | 11.75     | 0.49          | 16     | HCV        |         |
| 17  | DI0104 | Nguyễn Ngọc Tú Trân     | 02/03/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Hồng Đức              | 11.25     | 0.65          | 17     | HCB        |         |
| 18  | DI0039 | Nguyễn Hoàng Trung Kiên | 27/01/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Lê Duẩn               | 11        | 0.86          | 18     | HCB        |         |
| 19  | DI0096 | Nông Thị Thư            | 01/01/2007 | Địa lí  | 10   | THPT DTNT Đam San          | 11        | 0.87          | 19     | HCB        |         |
| 20  | DI0040 | Võ Thuý Kiều            | 23/03/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Cư M'gar              | 10.75     | 0.58          | 20     | HCB        |         |
| 21  | DI0059 | Lê Thảo My              | 26/02/2007 | Địa lí  | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 10.75     | 0.64          | 21     | HCB        |         |
| 22  | DI0004 | Nguyễn Như Quỳnh Anh    | 02/10/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Trần Phú              | 10.5      | 0.25          | 22     | HCB        |         |

| STT | SBD    | Họ và tên               | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------------|------------|---------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 23  | DI0087 | Nguyễn Phương Thảo      | 10/06/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên | 10.5      | 0.60          | 23     | HCB        |         |
| 24  | DI0016 | Nguyễn Thái Dương       | 27/12/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Phạm Văn Đồng        | 10.5      | 0.97          | 24     | HCB        |         |
| 25  | DI0083 | Nguyễn Hoàng Sơn        | 13/02/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Chu Văn An           | 10.25     | 0.66          | 25     | HCB        |         |
| 26  | DI0046 | Trần Nguyễn Phương Linh | 08/09/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Chu Văn An           | 10.25     | 0.73          | 26     | HCB        |         |
| 27  | DI0067 | Đặng Hàm Nguyên         | 14/12/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Cư M'gar             | 10.25     | 0.83          | 27     | HCB        |         |
| 28  | DI0062 | Trần Thị Kim Nga        | 12/01/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Phạm Văn Đồng        | 10.25     | 1.18          | 28     | HCB        |         |
| 29  | DI0010 | Hoàng Thị Ngọc Dịu      | 23/01/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng     | 10        | 0.69          | 29     | HCB        |         |
| 30  | DI0063 | Trần Thị Khánh Ngân     | 23/07/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Ea Rôk               | 9.75      | 0.97          | 30     | HCB        |         |
| 31  | DI0009 | Nguyễn Linh Chi         | 12/11/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Trường Chinh         | 9.75      | 0.99          | 31     | HCB        |         |
| 32  | DI0045 | Bùi Phương Linh         | 25/02/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Ngô Gia Tự           | 9.5       | 0.90          | 32     | HCB        |         |
| 33  | DI0058 | Dương Quỳnh My          | 02/10/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Lý Tự Trọng          | 9.5       | 1.19          | 33     | HCB        |         |
| 34  | DI0014 | Hồ Hà Hoàng Duyên       | 23/11/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Trần Phú             | 9.25      | 0.51          | 34     | HCB        |         |
| 35  | DI0079 | Đinh Thị Hồng Quyên     | 11/02/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Tôn Đức Thắng        | 9.25      | 0.68          | 35     | HCB        |         |
| 36  | DI0092 | Trần Thị Khánh Thiện    | 01/10/2007 | Địa lí  | 10   | PTDTNT Tây Nguyên         | 9.25      | 0.72          | 36     | HCB        |         |
| 37  | DI0097 | Nguyễn Thiên Thương     | 27/01/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên | 9.25      | 0.85          | 37     | HCB        |         |
| 38  | DI0022 | Nguyễn Anh Hào          | 02/02/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Cao Bá Quát          | 9.25      | 0.86          | 38     | HCB        |         |
| 39  | DI0051 | Vũ Thị Lưu Ly           | 11/06/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Krông Ana            | 9         | 0.73          | 39     | HCB        |         |
| 40  | DI0055 | Vương Thị Minh          | 03/06/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Trần Đại Nghĩa       | 9         | 0.80          | 40     | HCB        |         |
| 41  | DI0053 | Nguyễn Thị Xuân Mai     | 03/12/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Võ Nguyên Giáp       | 9         | 0.87          | 41     | HCB        |         |
| 42  | DI0035 | Nguyễn Việt Hưng        | 01/01/2007 | Địa lí  | 10   | THPT DTNT N' Trang Long   | 8.75      | 0.65          | 42     | HCB        |         |
| 43  | DI0071 | Nguyễn Thị Uyên Nhi     | 16/07/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Ea Súp               | 8.75      | 0.65          | 42     | HCB        |         |
| 44  | DI0054 | Nguyễn Thanh Minh       | 25/03/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Lê Quý Đôn           | 8.5       | 0.51          | 44     | HCB        |         |
| 45  | DI0065 | Vũ Thị Hồng Ngọc        | 29/04/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Krông Bông           | 8.5       | 0.87          | 45     | HCB        |         |
| 46  | DI0088 | Phan Thị Thanh Thảo     | 11/04/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Trần Quang Khải      | 8.25      | 0.86          | 46     | HCB        |         |
| 47  | DI0027 | Vũ Thị Quỳnh Hoa        | 09/05/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Trần Quốc Toản       | 8         | 0.60          | 47     | HCB        |         |
| 48  | DI0073 | Nguyễn Thị Thuỳ Như     | 28/09/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Trần Nhân Tông       | 8         | 0.78          | 48     | HCB        |         |
| 49  | DI0068 | Trần Thị Thảo Nguyên    | 02/06/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Buôn Hồ              | 8         | 0.85          | 49     | HCB        |         |
| 50  | DI0102 | Thân Thị Thùy Trang     | 05/03/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Trường Chinh         | 8         | 0.97          | 50     | HCB        |         |

| STT | SBD    | Họ và tên             | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường              | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|-----------------------|------------|---------|------|-------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 51  | DI0091 | Hồ Hoàng Thiện        | 16/02/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Lê Quý Đôn         | 7.5       | 0.57          | 51     | HCB        |         |
| 52  | DI0061 | Trần Thị Lê Na        | 30/08/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Nguyễn Công Trứ    | 7.5       | 0.69          | 52     | HCB        |         |
| 53  | DI0085 | Nguyễn Thị Thái       | 07/10/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Trần Quốc Toản     | 7.5       | 0.71          | 53     | HCB        |         |
| 54  | DI0086 | Phạm Thành Thắng      | 16/05/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Y Jut              | 7.25      | 0.37          | 54     | HCB        |         |
| 55  | DI0066 | Triệu Phương Ngọc     | 19/06/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng   | 7.25      | 0.66          | 55     | HCB        |         |
| 56  | DI0082 | Bùi Thị Như Quỳnh     | 14/03/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Krông Bông         | 7.25      | 0.81          | 56     | HCB        |         |
| 57  | DI0077 | Phan Phước Quốc       | 14/07/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Trường Chinh       | 7.25      | 1.14          | 57     | HCB        |         |
| 58  | DI0001 | Bùi Thị Thúy An       | 22/12/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Buôn Ma Thuột      | 7         | 0.70          | 58     | HCB        |         |
| 59  | DI0048 | Trần Thị Cẩm Ly       | 28/02/2007 | Địa lí  | 10   | THPT DTNT N' Trang Long | 7         | 0.72          | 59     |            |         |
| 60  | DI0090 | Y Thiết Luk           | 24/03/2007 | Địa lí  | 10   | THPT DTNT N' Trang Long | 7         | 0.93          | 60     |            |         |
| 61  | DI0044 | Lương Thị Ngọc Linh   | 16/05/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Việt Đức           | 6.75      | 0.46          | 61     |            |         |
| 62  | DI0033 | Bùi Thị Thu Huyền     | 26/11/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm  | 6.75      | 0.49          | 62     |            |         |
| 63  | DI0026 | Mông Gia Hiên         | 07/11/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Tôn Đức Thắng      | 6.75      | 0.51          | 63     |            |         |
| 64  | DI0094 | Bùi Nguyễn Thanh Thu  | 11/10/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Buôn Hồ            | 6.75      | 0.54          | 64     |            |         |
| 65  | DI0101 | Nguyễn Thị Thùy Trang | 24/03/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Phan Đình Phùng    | 6.75      | 0.56          | 65     |            |         |
| 66  | DI0060 | Nguyễn Ngọc Xuân My   | 16/11/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng   | 6.75      | 0.68          | 66     |            |         |
| 67  | DI0080 | Lò Thị Phương Quyên   | 18/03/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Tôn Đức Thắng      | 6.75      | 0.90          | 67     |            |         |
| 68  | DI0015 | Dương Thị Duyên       | 09/04/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Nguyễn Tất Thành   | 6.5       | 0.33          | 68     |            |         |
| 69  | DI0023 | Dương Gia Hân         | 04/03/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Quang Trung        | 6.5       | 0.53          | 69     |            |         |
| 70  | DI0031 | Hứa Thị Thanh Huyền   | 13/10/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm  | 6.5       | 0.58          | 70     |            |         |
| 71  | DI0006 | Lê Nguyễn Nguyên Bảo  | 17/09/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Quang Trung        | 6         | 0.48          | 71     |            |         |
| 72  | DI0056 | H MiRiam KBuôr        | 03/02/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Quang Trung        | 6         | 0.48          | 71     |            |         |
| 73  | DI0034 | Đinh Phùng Thế Hùng   | 13/09/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Phan Chu Trinh     | 6         | 0.64          | 73     |            |         |
| 74  | DI0076 | Trần Thị Thanh Phương | 02/12/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Buôn Đôn           | 6         | 1.07          | 74     |            |         |
| 75  | DI0057 | Huỳnh Thị Diễm My     | 31/05/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Hồng Đức           | 5.75      | 0.44          | 75     |            |         |
| 76  | DI0107 | Lê Thị Mỹ Vân         | 03/02/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Hùng Vương         | 5.75      | 0.60          | 76     |            |         |
| 77  | DI0017 | Mông Thị Dương        | 14/11/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Ea Súp             | 5.5       | 0.51          | 77     |            |         |
| 78  | DI0105 | Lê Viết Minh Trí      | 05/11/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Nguyễn Công Trứ    | 5.25      | 0.53          | 78     |            |         |

| STT | SBD    | Họ và tên               | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường             | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------------|------------|---------|------|------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 79  | DI0106 | Nguyễn Ngô Sang Trọng   | 06/05/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm | 5.25      | 0.60          | 79     |            |         |
| 80  | DI0005 | Nguyễn Thị Minh Ánh     | 19/11/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Lê Hồng Phong     | 5.25      | 0.66          | 80     |            |         |
| 81  | DI0084 | Nguyễn Văn Tâm          | 10/07/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Ea Súp            | 5.25      | 0.70          | 81     |            |         |
| 82  | DI0052 | Nguyễn Thị Phương Mai   | 23/02/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Buôn Đôn          | 5.25      | 0.91          | 82     |            |         |
| 83  | DI0103 | Nguyễn Thị Ái Trâm      | 18/08/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Lê Hữu Trác       | 5         | 0.27          | 83     |            |         |
| 84  | DI0099 | Đặng Anh Tiến           | 16/04/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Phan Đình Phùng   | 5         | 0.74          | 84     |            |         |
| 85  | DI0003 | Hồ Diệp Anh             | 13/11/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Cao Bá Quát       | 5         | 0.89          | 85     |            |         |
| 86  | DI0043 | Nguyễn Thị Mai Linh     | 28/06/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Buôn Ma Thuột     | 4.75      | 0.33          | 86     |            |         |
| 87  | DI0024 | Lê Lang Diệu Hằng       | 09/05/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Buôn Ma Thuột     | 4.75      | 0.43          | 87     |            |         |
| 88  | DI0070 | Cao Khả Nhật            | 01/10/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Trần Quang Khải   | 4.75      | 0.70          | 88     |            |         |
| 89  | DI0008 | Trần Khánh Chi          | 30/08/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Lăk               | 4.5       | 0.37          | 89     |            |         |
| 90  | DI0037 | Đỗ Thị Ngọc Khánh       | 28/06/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Lăk               | 3.75      | 0.39          | 90     |            |         |
| 91  | DI0012 | Trần Phương Dung        | 01/01/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Cao Bá Quát       | 3.75      | 0.84          | 91     |            |         |
| 92  | DI0100 | Trần Nguyễn Tiến        | 20/09/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Lê Duẩn           | 3.5       | 0.37          | 92     |            |         |
| 93  | DI0108 | Hoàng Thị Ngọc Yến      | 16/06/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Lê Duẩn           | 3.25      | 0.25          | 93     |            |         |
| 94  | DI0049 | Phạm Hà Ly              | 18/11/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Nguyễn Thái Bình  | 3.25      | 0.44          | 94     |            |         |
| 95  | DI0050 | Đậu Thị Khánh Ly        | 17/09/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Trần Quang Khải   | 3         | 0.30          | 95     |            |         |
| 96  | DI0047 | Phạm Thùy Linh          | 10/02/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Võ Văn Kiệt       | 3         | 0.34          | 96     |            |         |
| 97  | DI0078 | Nguyễn Đỗ Bảo Quyên     | 30/12/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Hồng Đức          | 2.75      | 0.19          | 97     |            |         |
| 98  | DI0002 | Nguyễn Phùng Thúy An    | 22/01/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Buôn Đôn          | 2.75      | 0.60          | 98     |            |         |
| 99  | DI0041 | Nguyễn Thị Thúy Kiều    | 08/08/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Krông Ana         | 2.5       | 0.00          | 99     |            |         |
| 100 | DI0029 | Lê Hoàng Gia Hòa        | 16/03/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Việt Đức          | 2.5       | 0.27          | 100    |            |         |
| 101 | DI0025 | Đinh Thị Thúy Hằng      | 31/03/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Trần Đại Nghĩa    | 2.5       | 0.52          | 101    |            |         |
| 102 | DI0042 | Võ Thị Khánh Linh       | 16/12/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Nguyễn Tất Thành  | 2.25      | 0.29          | 102    |            |         |
| 103 | DI0064 | Nguyễn Thị Đan Nghi     | 21/11/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Krông Ana         | 2         | 0.25          | 103    |            |         |
| 104 | DI0093 | Nông Thị Kim Thoa       | 25/10/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Trần Đại Nghĩa    | 2         | 0.34          | 104    |            |         |
| 105 | DI0036 | Nguyễn Đặng Quỳnh Hương | 19/03/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Lăk               | 2         | 0.41          | 105    |            |         |
| 106 | DI0089 | Trần Lê Thiên Thảo      | 08/06/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Buôn Hồ           | 2         | 0.46          | 106    |            |         |

| STT | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|------------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 107 | DI0081 | Hoàng Diễm Quỳnh       | 20/12/2007 | Địa lí  | 10   | THPT Lê Hữu Trác           | 1.75      | 0.49          | 107    |            |         |
| 108 | GD0089 | Lê Thị Ngọc Trâm       | 27/02/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Chu Văn An            | 14.75     | 0.24          | 1      | HCV        |         |
| 109 | GD0002 | Đặng Thị Ngọc Anh      | 22/01/2007 | GDKT-PL | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 14.25     | 0.64          | 2      | HCV        |         |
| 110 | GD0074 | Châu Thị Hiền Thanh    | 28/01/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Chu Văn An            | 13.5      | 0.40          | 3      | HCV        |         |
| 111 | GD0076 | Hoàng Thị Phương Thảo  | 27/10/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Hùng Vương            | 13.25     | 0.58          | 4      | HCV        |         |
| 112 | GD0021 | H Li Na Niê            | 05/02/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT DTNT Đam San          | 13        | 0.25          | 5      | HCV        |         |
| 113 | GD0022 | H' Trinh Niê           | 10/03/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT DTNT Đam San          | 13        | 0.46          | 6      | HCV        |         |
| 114 | GD0015 | Phạm Thị Ngọc Diệp     | 01/01/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Buôn Ma Thuột         | 12.5      | 0.16          | 7      | HCV        |         |
| 115 | GD0078 | Nguyễn Ngọc Thanh Thảo | 29/12/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Buôn Ma Thuột         | 12.5      | 0.27          | 8      | HCV        |         |
| 116 | GD0008 | Hoàng Thị Ngọc Bích    | 01/08/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Nguyễn Trãi           | 12.5      | 0.42          | 9      | HCV        |         |
| 117 | GD0044 | Hoàng Xuân Thảo Ly     | 21/01/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Phan Bội Châu         | 12.25     | 0.37          | 10     | HCV        |         |
| 118 | GD0010 | Dương Thị Hoàng Châu   | 08/10/2007 | GDKT-PL | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 12.25     | 0.40          | 11     | HCV        |         |
| 119 | GD0097 | Đinh Nguyễn Phương Vy  | 22/02/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Trần Quốc Toản        | 12.25     | 0.48          | 12     | HCV        |         |
| 120 | GD0013 | Nguyễn Hoàng Mai Chi   | 19/07/2007 | GDKT-PL | 10   | THCS & THPT Đông Du        | 12.25     | 0.70          | 13     | HCV        |         |
| 121 | GD0040 | RChăm Nguyễn Trúc Linh | 30/08/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Chu Văn An            | 12        | 0.51          | 14     | HCV        |         |
| 122 | GD0058 | Đỗ Thị Yên Nhi         | 25/09/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Nguyễn Công Trứ       | 11.75     | 0.37          | 15     | HCV        |         |
| 123 | GD0017 | Hoàng Thị Dưa          | 12/03/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT DTNT N' Trang Long    | 11.75     | 0.49          | 16     | HCB        |         |
| 124 | GD0024 | Nguyễn Thị Cẩm Hà      | 25/11/2007 | GDKT-PL | 10   | THCS & THPT Đông Du        | 11.75     | 0.51          | 17     | HCB        |         |
| 125 | GD0003 | Nguyễn Thị Ngọc Anh    | 07/09/2007 | GDKT-PL | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 11.75     | 0.64          | 18     | HCB        |         |
| 126 | GD0057 | Cao Nguyễn Uyên Nhi    | 10/12/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Buôn Ma Thuột         | 11.5      | 0.10          | 19     | HCB        |         |
| 127 | GD0009 | H Hoan Byă             | 15/03/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Ngô Gia Tự            | 11.25     | 0.22          | 20     | HCB        |         |
| 128 | GD0033 | Trần Thị Diệu Huyền    | 14/07/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Nguyễn Công Trứ       | 11.25     | 0.35          | 21     | HCB        |         |
| 129 | GD0047 | Đinh Nguyệt Minh       | 07/12/2008 | GDKT-PL | 10   | THPT Lê Quý Đôn            | 11.25     | 0.47          | 22     | HCB        |         |
| 130 | GD0005 | Huỳnh Gia Bảo          | 25/07/2007 | GDKT-PL | 10   | PTDTNT Tây Nguyên          | 11.25     | 0.65          | 23     | HCB        |         |
| 131 | GD0066 | Nguyễn Hoàng Như Phúc  | 04/05/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Lê Quý Đôn            | 11        | 0.40          | 24     | HCB        |         |
| 132 | GD0095 | Nguyễn Trần Hồng Vy    | 12/07/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Ngô Gia Tự            | 11        | 0.66          | 25     | HCB        |         |
| 133 | GD0067 | Hoàng Thị Phương       | 22/03/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT DTNT N' Trang Long    | 10.75     | 0.20          | 26     | HCB        |         |
| 134 | GD0081 | Trần Thanh Thủy        | 08/09/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Nguyễn Thái Bình      | 10.75     | 0.34          | 27     | HCB        |         |

| STT | SBD    | Họ và tên                | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường              | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|--------------------------|------------|---------|------|-------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 135 | GD0030 | Chung Mỹ Hoa             | 16/10/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Phan Chu Trinh     | 10.5      | 0.30          | 28     | HCB        |         |
| 136 | GD0083 | Lê Vũ Anh Thư            | 02/03/2007 | GDKT-PL | 10   | TH, THCS & THPT Victory | 10.25     | 0.48          | 29     | HCB        |         |
| 137 | GD0061 | Phan Yến Nhi             | 18/10/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Krông Ana          | 10.25     | 0.56          | 30     | HCB        |         |
| 138 | GD0096 | Trương Nhật Vy           | 06/07/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Phạm Văn Đồng      | 10.25     | 0.58          | 31     | HCB        |         |
| 139 | GD0036 | H' An Niê Kdăm           | 21/01/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Hồng Đức           | 10.25     | 0.60          | 32     | HCB        |         |
| 140 | GD0098 | Võ Thị Thanh Xuân        | 16/10/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Lê Duẩn            | 10        | 0.39          | 33     | HCB        |         |
| 141 | GD0038 | H' Kuin Bya              | 10/04/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT DTNT N' Trang Long | 10        | 0.50          | 34     | HCB        |         |
| 142 | GD0060 | Nguyễn Phan Yến Nhi      | 09/05/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Nguyễn Trãi        | 10        | 0.61          | 35     | HCB        |         |
| 143 | GD0079 | Lê Đào Bảo Thơ           | 15/10/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Lê Quý Đôn         | 9.75      | 0.33          | 36     | HCB        |         |
| 144 | GD0056 | Chê Thị Tuyết Nhi        | 16/03/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Tôn Đức Thắng      | 9.75      | 0.51          | 37     | HCB        |         |
| 145 | GD0050 | Bùi Lê Kim Ngân          | 15/09/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Cư M'gar           | 9.75      | 0.60          | 38     | HCB        |         |
| 146 | GD0094 | Mai Thị Hồng Vân         | 14/05/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Nguyễn Thái Bình   | 9.5       | 0.34          | 39     | HCB        |         |
| 147 | GD0019 | H Hiêng Byă              | 13/06/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT DTNT Đam San       | 9.5       | 0.64          | 40     | HCB        |         |
| 148 | GD0039 | Nguyễn Phan Khánh Linh   | 01/01/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Trần Quốc Toản     | 9.25      | 0.34          | 41     | HCB        |         |
| 149 | GD0052 | Nguyễn Hoàng Thảo Nguyên | 20/08/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng   | 9.25      | 0.34          | 41     | HCB        |         |
| 150 | GD0018 | Hoàng Ngọc Đan Đan       | 04/01/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng   | 9         | 0.24          | 43     | HCB        |         |
| 151 | GD0072 | Nguyễn Mai Sương         | 07/01/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Trần Quốc Toản     | 9         | 0.66          | 44     | HCB        |         |
| 152 | GD0087 | Trần Thị Thùy Trang      | 22/05/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Lê Duẩn            | 9         | 0.68          | 45     | HCB        |         |
| 153 | GD0012 | Trần Khánh Chi           | 02/01/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Cư M'gar           | 8.75      | 0.45          | 46     | HCB        |         |
| 154 | GD0032 | Đoàn Dương Việt Huy      | 04/11/2007 | GDKT-PL | 10   | PTDTNT Tây Nguyên       | 8.75      | 0.76          | 47     | HCB        |         |
| 155 | GD0049 | Lê Thị Trà My            | 20/02/2004 | GDKT-PL | 10   | THPT Ngô Gia Tự         | 8.5       | 0.24          | 48     | HCB        |         |
| 156 | GD0090 | Trần Thị Thanh Trúc      | 04/09/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Phan Đình Phùng    | 8.5       | 0.56          | 49     | HCB        |         |
| 157 | GD0075 | Cao Văn Thái             | 22/09/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Ea Rôk             | 8.5       | 0.56          | 49     | HCB        |         |
| 158 | GD0051 | Lê Diễm Ngọc             | 15/11/2007 | GDKT-PL | 10   | THCS & THPT Đông Du     | 8.5       | 0.80          | 51     | HCB        |         |
| 159 | GD0086 | Nguyễn Thị Thủy Tiên     | 21/01/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Y Jut              | 8.25      | 0.46          | 52     | HCB        |         |
| 160 | GD0055 | Võ Lê Đông Nhi           | 25/05/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Phan Đình Phùng    | 8         | 0.34          | 53     | HCB        |         |
| 161 | GD0077 | Lê Ngọc Phương Thảo      | 27/03/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm  | 8         | 0.34          | 53     | HCB        |         |
| 162 | GD0043 | Trương Thị Ly Ly         | 19/08/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Phạm Văn Đồng      | 8         | 0.58          | 55     | HCB        |         |

| STT | SBD    | Họ và tên            | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|----------------------|------------|---------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 163 | GD0064 | Nguyễn Thị Kiều Oanh | 25/12/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Phan Đăng Lưu        | 7.75      | 0.43          | 56     |            |         |
| 164 | GD0071 | Đỗ Thị Ngọc Quyên    | 14/01/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Phạm Văn Đồng        | 7.75      | 0.48          | 57     |            |         |
| 165 | GD0099 | Ênuôl Y Khương       | 10/11/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Việt Đức             | 7.75      | 0.66          | 58     |            |         |
| 166 | GD0014 | Cao Thị Kiều Diễm    | 22/03/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Trần Đại Nghĩa       | 7.75      | 0.70          | 59     |            |         |
| 167 | GD0016 | Lê Hoàng Diệu        | 21/01/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Buôn Hồ              | 7.5       | 0.42          | 60     |            |         |
| 168 | GD0082 | Phạm Thị Thu Thủy    | 24/11/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Krông Ana            | 7.5       | 0.50          | 61     |            |         |
| 169 | GD0027 | Y Hậu Yôk R'la       | 02/12/2006 | GDKT-PL | 10   | THPT Nguyễn Chí Thanh     | 7.5       | 0.69          | 62     |            |         |
| 170 | GD0048 | Nguyễn Thị Huyền My  | 13/05/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Hồng Đức             | 7.25      | 0.40          | 63     |            |         |
| 171 | GD0093 | Nguyễn Thị Bích Vân  | 01/01/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Trần Đại Nghĩa       | 7.25      | 0.48          | 64     |            |         |
| 172 | GD0065 | Đỗ Phi Phi           | 22/10/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Nguyễn Công Trứ      | 7.25      | 0.68          | 65     |            |         |
| 173 | GD0025 | Lê Ngọc Bảo Hân      | 09/08/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Cao Bá Quát          | 7         | 0.34          | 66     |            |         |
| 174 | GD0069 | Lê Thị Thu Phương    | 25/02/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Nguyễn Văn Cừ        | 7         | 0.51          | 67     |            |         |
| 175 | GD0023 | Bya H Vuot           | 06/09/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Lê Duẩn              | 7         | 0.86          | 68     |            |         |
| 176 | GD0029 | Đàm Thị Hiệu         | 11/10/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Ea Rôk               | 7         | 0.93          | 69     |            |         |
| 177 | GD0088 | Nguyễn Thị Thanh Trà | 09/09/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Krông Bông           | 6.75      | 0.37          | 70     |            |         |
| 178 | GD0011 | H Châu Niê           | 11/04/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Nguyễn Trãi          | 6.75      | 0.46          | 71     |            |         |
| 179 | GD0041 | Ngô Thị Kiều Loan    | 31/12/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng     | 6.75      | 0.87          | 72     |            |         |
| 180 | GD0045 | Phạm Thị Tuyết Mai   | 21/08/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên | 6.5       | 0.43          | 73     |            |         |
| 181 | GD0085 | Trần Thị Anh Thư     | 17/11/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Trần Đại Nghĩa       | 6.5       | 0.53          | 74     |            |         |
| 182 | GD0035 | Lương Thị Thu Hương  | 15/04/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Phan Chu Trinh       | 6.5       | 0.73          | 75     |            |         |
| 183 | GD0073 | Hoàng Văn Tài        | 20/02/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Nguyễn Thái Bình     | 6.5       | 0.91          | 76     |            |         |
| 184 | GD0080 | Nguyễn Như Minh Thùy | 12/04/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Quang Trung          | 6         | 0.68          | 77     |            |         |
| 185 | GD0063 | Lầu A Nóng           | 13/05/2006 | GDKT-PL | 10   | THPT Nguyễn Chí Thanh     | 5.75      | 0.70          | 78     |            |         |
| 186 | GD0059 | Nguyễn Thị Yến Nhi   | 08/01/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Ea Rôk               | 5.5       | 0.30          | 79     |            |         |
| 187 | GD0006 | Nguyễn Duy Quang Bảo | 22/03/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Trường Chinh         | 5.5       | 0.37          | 80     |            |         |
| 188 | GD0062 | Lê Thị Hồng Nhung    | 20/11/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Lê Hữu Trác          | 5.5       | 0.44          | 81     |            |         |
| 189 | GD0037 | Võ Anh Kiệt          | 14/08/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Lê Hữu Trác          | 5.5       | 0.46          | 82     |            |         |
| 190 | GD0070 | Lê Thị Kim Phượng    | 17/03/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Y Jut                | 5.5       | 0.51          | 83     |            |         |

| STT | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|------------------------|------------|---------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 191 | GD0054 | Nguyễn Ngọc Thanh Nhân | 05/03/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm    | 5.25      | 0.43          | 84     |            |         |
| 192 | GD0026 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh     | 29/03/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm    | 5.25      | 0.78          | 85     |            |         |
| 193 | GD0068 | Lữ Thị Phương          | 30/03/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Trần Quang Khải      | 5.25      | 0.97          | 86     |            |         |
| 194 | GD0028 | Đồng Viết Đại Hiệp     | 02/07/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Nguyễn Văn Cừ        | 4.75      | 0.43          | 87     |            |         |
| 195 | GD0001 | Nông Thị An Na         | 15/02/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Nguyễn Chí Thanh     | 4.75      | 0.48          | 88     |            |         |
| 196 | GD0042 | Nguyễn Thị Lộc         | 31/08/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Lăk                  | 4.75      | 0.62          | 89     |            |         |
| 197 | GD0007 | Nguyễn Thị Ngọc Bích   | 20/12/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Lăk                  | 4.75      | 0.80          | 90     |            |         |
| 198 | GD0031 | Đặng Thị Như Hoài      | 13/05/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên | 4.5       | 0.34          | 91     |            |         |
| 199 | GD0034 | Hoàng Thị Mỹ Huyền     | 01/02/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Tôn Đức Thắng        | 4.5       | 0.60          | 92     |            |         |
| 200 | GD0091 | Trần Thị Thảo Uyên     | 08/05/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Cao Bá Quát          | 4.5       | 0.66          | 93     |            |         |
| 201 | GD0020 | Êban H Lêm             | 16/04/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Việt Đức             | 4         | 0.40          | 94     |            |         |
| 202 | GD0046 | H' Ming Byă            | 03/10/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Cao Bá Quát          | 4         | 0.43          | 95     |            |         |
| 203 | GD0004 | Đặng Ngọc Bách         | 11/11/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Krông Ana            | 3.5       | 0.29          | 96     |            |         |
| 204 | GD0084 | Trần Thị Anh Thư       | 16/09/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Lăk                  | 3.5       | 0.43          | 97     |            |         |
| 205 | GD0092 | Dương Thị Bảo Vân      | 24/11/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Hồng Đức             | 2.5       | 0.42          | 98     |            |         |
| 206 | GD0053 | Trần Thị Nguyên        | 25/11/2007 | GDKT-PL | 10   | THPT Trần Quang Khải      | 2.25      | 0.33          | 99     |            |         |
| 207 | HO0032 | Võ Chí Hùng            | 28/03/2007 | Hoá học | 10   | THCS & THPT Đông Du       | 17.5      | 0.52          | 1      | HCV        |         |
| 208 | HO0048 | Phu Mỹ Lan             | 23/01/2007 | Hoá học | 10   | THCS & THPT Đông Du       | 16.675    | 0.56          | 2      | HCV        |         |
| 209 | HO0040 | Hồ Công Khánh          | 06/02/2007 | Hoá học | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du     | 16        | 0.65          | 3      | HCV        |         |
| 210 | HO0091 | Hoàng Minh Sơn         | 30/05/2007 | Hoá học | 10   | THPT Trần Đại Nghĩa       | 15.225    | 0.91          | 4      | HCV        |         |
| 211 | HO0107 | Phan Thị Ngọc Trâm     | 27/10/2007 | Hoá học | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du     | 14.9      | 0.60          | 5      | HCV        |         |
| 212 | HO0097 | Bùi Hữu Thắng          | 03/11/2007 | Hoá học | 10   | THPT Y Jut                | 14.85     | 0.84          | 6      | HCV        |         |
| 213 | HO0043 | Mai Đình Khoa          | 23/02/2007 | Hoá học | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du     | 14.725    | 0.95          | 7      | HCV        |         |
| 214 | HO0103 | Hoàng Hà Tiên          | 27/10/2007 | Hoá học | 10   | THCS & THPT Đông Du       | 14.675    | 1.05          | 8      | HCV        |         |
| 215 | HO0063 | Lê Trần Bảo Ngọc       | 22/09/2007 | Hoá học | 10   | THPT Phan Chu Trinh       | 14.2      | 1.07          | 9      | HCV        |         |
| 216 | HO0031 | Lê Phước Sỹ Huy        | 24/10/2007 | Hoá học | 10   | THPT Buôn Đôn             | 13.75     | 1.34          | 10     | HCV        |         |
| 217 | HO0041 | Võ Văn Khải            | 11/11/2007 | Hoá học | 10   | THPT Krông Ana            | 13.65     | 1.09          | 11     | HCV        |         |
| 218 | HO0128 | Trịnh Thị Kim Xuân     | 05/02/2007 | Hoá học | 10   | THPT Cư M'gar             | 13.425    | 0.72          | 12     | HCV        |         |



| STT | SBD    | Họ và tên               | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 219 | HO0099 | Nguyễn Thị Hoàng Thùy   | 17/03/2007 | Hoá học | 10   | THPT Ngô Gia Tự            | 13.15     | 0.98          | 13     | HCV        |         |
| 220 | HO0065 | Lê Đình Nguyên          | 18/10/2007 | Hoá học | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 12.9      | 1.16          | 14     | HCV        |         |
| 221 | HO0086 | Phạm Ngọc Như Quỳnh     | 10/03/2007 | Hoá học | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 12.675    | 0.66          | 15     | HCV        |         |
| 222 | HO0024 | Hồ Trung Hiếu           | 25/02/2007 | Hoá học | 10   | THPT Võ Văn Kiệt           | 12.55     | 0.94          | 16     | HCV        |         |
| 223 | HO0098 | Vũ Hữu Thắng            | 16/11/2007 | Hoá học | 10   | THPT Cư M'gar              | 12.525    | 0.49          | 17     | HCV        |         |
| 224 | HO0033 | Nguyễn Công Hùng        | 13/01/2007 | Hoá học | 10   | THPT Việt Đức              | 12.45     | 1.18          | 18     | HCV        |         |
| 225 | HO0076 | Nguyễn Đình Phát        | 15/10/2007 | Hoá học | 10   | THPT Ngô Gia Tự            | 12.425    | 0.76          | 19     | HCV        |         |
| 226 | HO0077 | Trần Tiến Phát          | 22/08/2007 | Hoá học | 10   | THPT Ea H'leo              | 12.175    | 0.87          | 20     | HCB        |         |
| 227 | HO0071 | Nguyễn Đoàn Trung Nhân  | 02/07/2007 | Hoá học | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 12.15     | 0.80          | 21     | HCB        |         |
| 228 | HO0044 | Nguyễn Hàm Nguyên Khôi  | 06/02/2007 | Hoá học | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 11.95     | 0.74          | 22     | HCB        |         |
| 229 | HO0051 | Trương Nguyễn Thục Linh | 06/01/2007 | Hoá học | 10   | THPT Buôn Hồ               | 11.375    | 1.11          | 23     | HCB        |         |
| 230 | HO0125 | Hoàng Vũ                | 03/11/2007 | Hoá học | 10   | THPT Việt Đức              | 11.3      | 0.53          | 24     | HCB        |         |
| 231 | HO0023 | Lê Thanh Hiếu           | 04/07/2007 | Hoá học | 10   | TH, THCS & THPT Victory    | 11.25     | 1.01          | 25     | HCB        |         |
| 232 | HO0073 | Tô Nữ Yến Nhi           | 16/05/2007 | Hoá học | 10   | THPT Ea H'leo              | 11.225    | 0.72          | 26     | HCB        |         |
| 233 | HO0067 | Đàm Trung Nguyên        | 15/07/2007 | Hoá học | 10   | THPT Cư M'gar              | 11.05     | 0.68          | 27     | HCB        |         |
| 234 | HO0049 | Trần Đức Lâm            | 23/02/2007 | Hoá học | 10   | THPT Trần Nhân Tông        | 10.875    | 0.70          | 28     | HCB        |         |
| 235 | HO0104 | Trần Nguyễn Thanh Trang | 15/01/2007 | Hoá học | 10   | THPT Nguyễn Huệ            | 10.75     | 0.76          | 29     | HCB        |         |
| 236 | HO0072 | Đặng Thị Tuyết Nhi      | 12/01/2007 | Hoá học | 10   | THPT Phan Bội Châu         | 10.55     | 1.32          | 30     | HCB        |         |
| 237 | HO0106 | Trần Phương Trà         | 22/11/2007 | Hoá học | 10   | TH, THCS & THPT Victory    | 10.425    | 0.86          | 31     | HCB        |         |
| 238 | HO0064 | Nguyễn Bảo Ngọc         | 29/01/2007 | Hoá học | 10   | THPT Phan Đăng Lưu         | 10.375    | 0.94          | 32     | HCB        |         |
| 239 | HO0011 | Trần Gia Bảo            | 07/07/2007 | Hoá học | 10   | THPT Phạm Văn Đồng         | 10.25     | 0.87          | 33     | HCB        |         |
| 240 | HO0050 | Nguyễn Trần Hồng Linh   | 2007       | Hoá học | 10   | THPT Nguyễn Thái Bình      | 10.125    | 0.75          | 34     | HCB        |         |
| 241 | HO0058 | Dương Duy Minh          | 23/01/2007 | Hoá học | 10   | THPT Hùng Vương            | 10.05     | 1.02          | 35     | HCB        |         |
| 242 | HO0070 | Huỳnh Thiện Nhân        | 01/11/2007 | Hoá học | 10   | THPT Ngô Gia Tự            | 10        | 0.88          | 36     | HCB        |         |
| 243 | HO0034 | Nguyễn Sỹ Hùng          | 13/06/2007 | Hoá học | 10   | THPT Lý Tự Trọng           | 9.9       | 0.84          | 37     | HCB        |         |
| 244 | HO0056 | Nguyễn Thị Mai          | 02/07/2007 | Hoá học | 10   | THPT DTNT Đam San          | 9.825     | 0.97          | 38     | HCB        |         |
| 245 | HO0021 | Bùi Chí Giang           | 21/03/2007 | Hoá học | 10   | THPT Krông Bông            | 9.75      | 1.21          | 39     | HCB        |         |
| 246 | HO0020 | Lê Minh Đức             | 17/04/2007 | Hoá học | 10   | THPT Buôn Đôn              | 9.75      | 1.58          | 40     | HCB        |         |

| STT | SBD    | Họ và tên                | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường              | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|--------------------------|------------|---------|------|-------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 247 | HO0015 | Nguyễn Võ Thành Danh     | 14/07/2007 | Hoá học | 10   | THPT Lê Hồng Phong      | 9.7       | 1.02          | 41     | HCB        |         |
| 248 | HO0042 | Kiều Anh Khoa            | 28/02/2007 | Hoá học | 10   | THPT Hùng Vương         | 9.525     | 0.89          | 42     | HCB        |         |
| 249 | HO0045 | Lê Đình Kiên             | 29/10/2007 | Hoá học | 10   | THPT Lăk                | 9.5       | 0.79          | 43     | HCB        |         |
| 250 | HO0060 | Nguyễn Thị Quỳnh My      | 08/06/2007 | Hoá học | 10   | THPT Nguyễn Công Trứ    | 9.4       | 0.81          | 44     | HCB        |         |
| 251 | HO0089 | Nguyễn Đình Sơn          | 17/04/2007 | Hoá học | 10   | THPT Buôn Ma Thuột      | 9.4       | 1.17          | 45     | HCB        |         |
| 252 | HO0112 | Nguyễn Đình Minh Tuấn    | 26/03/2007 | Hoá học | 10   | THPT Phạm Văn Đồng      | 9.3       | 1.03          | 46     | HCB        |         |
| 253 | HO0075 | Cao Bá Phát              | 10/12/2007 | Hoá học | 10   | THPT Krông Ana          | 9.125     | 0.84          | 47     | HCB        |         |
| 254 | HO0028 | Đặng Thế Hoàng           | 18/02/2007 | Hoá học | 10   | THPT Krông Bông         | 9.05      | 0.98          | 48     | HCB        |         |
| 255 | HO0061 | Hoàng Bùi Trà My         | 03/03/2007 | Hoá học | 10   | THPT Nguyễn Huệ         | 8.9       | 1.08          | 49     | HCB        |         |
| 256 | HO0008 | Nguyễn Ngọc Ánh          | 24/04/2007 | Hoá học | 10   | THPT Chu Văn An         | 8.75      | 1.06          | 50     | HCB        |         |
| 257 | HO0003 | Hà Thị Ngọc Anh          | 02/07/2007 | Hoá học | 10   | PTDTNT Tây Nguyên       | 8.625     | 0.94          | 51     | HCB        |         |
| 258 | HO0026 | Đào Ngọc Thúy Hiền       | 24/06/2007 | Hoá học | 10   | THPT Lê Hồng Phong      | 8.525     | 0.63          | 52     | HCB        |         |
| 259 | HO0105 | Trần Thị Hồng Trà        | 14/03/2007 | Hoá học | 10   | THPT Chu Văn An         | 8.5       | 0.98          | 53     | HCB        |         |
| 260 | HO0078 | Võ Hoàng Minh Phú        | 22/10/2007 | Hoá học | 10   | TH, THCS & THPT Victory | 8.15      | 0.88          | 54     | HCB        |         |
| 261 | HO0012 | Nguyễn Gia Bình          | 24/02/2007 | Hoá học | 10   | THPT Trần Quốc Toản     | 8.15      | 0.98          | 55     | HCB        |         |
| 262 | HO0009 | Nguyễn Trần Thị Ngọc Ánh | 11/11/2007 | Hoá học | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm  | 8.1       | 1.28          | 56     | HCB        |         |
| 263 | HO0006 | Nguyễn Võ Tuấn Anh       | 28/09/2007 | Hoá học | 10   | THPT Krông Bông         | 8.05      | 1.23          | 57     | HCB        |         |
| 264 | HO0007 | Mai Thị Diệu Ánh         | 09/10/2007 | Hoá học | 10   | THPT Buôn Hồ            | 7.925     | 1.01          | 58     | HCB        |         |
| 265 | HO0068 | Hồ Vĩnh Nguyên           | 17/09/2007 | Hoá học | 10   | THPT Trần Đại Nghĩa     | 7.9       | 1.00          | 59     | HCB        |         |
| 266 | HO0019 | Nguyễn Thành Đạt         | 27/10/2007 | Hoá học | 10   | THPT Trần Đại Nghĩa     | 7.875     | 1.19          | 60     | HCB        |         |
| 267 | HO0036 | Nguyễn Đức Duy Hưng      | 06/05/2007 | Hoá học | 10   | PTDTNT Tây Nguyên       | 7.75      | 0.73          | 61     | HCB        |         |
| 268 | HO0127 | Phan Thị Hà Vy           | 16/05/2007 | Hoá học | 10   | THPT Nguyễn Tất Thành   | 7.65      | 0.68          | 62     | HCB        |         |
| 269 | HO0115 | Trịnh Ngọc Thanh Tú      | 04/09/2007 | Hoá học | 10   | THPT Lê Quý Đôn         | 7.625     | 0.85          | 63     | HCB        |         |
| 270 | HO0054 | Nguyễn Chính Lộc         | 17/09/2007 | Hoá học | 10   | THPT Nguyễn Huệ         | 7.55      | 0.78          | 64     | HCB        |         |
| 271 | HO0102 | Trần Anh Thư             | 14/08/2007 | Hoá học | 10   | THPT Nguyễn Công Trứ    | 7.5       | 1.10          | 65     | HCB        |         |
| 272 | HO0039 | Đoàn Thị Thu Hương       | 10/03/2007 | Hoá học | 10   | THPT Lê Hữu Trác        | 7.375     | 1.11          | 66     | HCB        |         |
| 273 | HO0069 | Nguyễn Thành Nhân        | 26/09/2007 | Hoá học | 10   | THPT DTNT Đam San       | 7.2       | 0.55          | 67     | HCB        |         |
| 274 | HO0080 | Đặng Thị Mai Phương      | 15/01/2007 | Hoá học | 10   | THPT Quang Trung        | 7.15      | 0.81          | 68     | HCB        |         |

| STT | SBD    | Họ và tên               | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------------|------------|---------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 275 | HO0052 | Nguyễn Thị Thùy Linh    | 06/11/2007 | Hoá học | 10   | THPT Chu Văn An           | 7.125     | 0.89          | 69     | HCB        |         |
| 276 | HO0100 | Nguyễn Thị Mai Thùy     | 10/11/2007 | Hoá học | 10   | THPT Việt Đức             | 7.125     | 0.93          | 70     |            |         |
| 277 | HO0101 | Trịnh Phương Thùy       | 13/07/2007 | Hoá học | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm    | 7.025     | 0.94          | 71     |            |         |
| 278 | HO0114 | Lê Đặng Cẩm Tú          | 05/01/2007 | Hoá học | 10   | THPT Lê Hồng Phong        | 6.975     | 0.94          | 72     |            |         |
| 279 | HO0053 | Vũ Hoàng Long           | 16/08/2007 | Hoá học | 10   | THPT Buôn Ma Thuột        | 6.95      | 1.05          | 73     |            |         |
| 280 | HO0004 | Lăng Thị Ngọc Anh       | 09/08/2007 | Hoá học | 10   | THPT DTNT N' Trang Long   | 6.925     | 0.67          | 74     |            |         |
| 281 | HO0083 | Hồ Ngọc Hoàng Quân      | 04/01/2007 | Hoá học | 10   | THPT Hồng Đức             | 6.9       | 0.76          | 75     |            |         |
| 282 | HO0109 | Nguyễn Minh Trí         | 28/08/2007 | Hoá học | 10   | THPT Buôn Hồ              | 6.825     | 1.31          | 76     |            |         |
| 283 | HO0066 | Hàng Lê Nhật Nguyên     | 06/08/2007 | Hoá học | 10   | THPT Buôn Ma Thuột        | 6.75      | 0.70          | 77     |            |         |
| 284 | HO0093 | Bùi Thị Ngọc Thảo       | 12/09/2007 | Hoá học | 10   | THPT Lăk                  | 6.7       | 0.90          | 78     |            |         |
| 285 | HO0025 | Hoàng Văn Hiếu          | 05/07/2007 | Hoá học | 10   | THPT Trần Nhân Tông       | 6.55      | 1.16          | 79     |            |         |
| 286 | HO0079 | Nguyễn Hữu Phương       | 28/05/2007 | Hoá học | 10   | THPT Quang Trung          | 6.45      | 0.69          | 80     |            |         |
| 287 | HO0110 | Võ Thành Trí            | 14/03/2007 | Hoá học | 10   | THPT Trần Hưng Đạo        | 6.45      | 0.74          | 81     |            |         |
| 288 | HO0092 | Phan Lê Quốc Tâm        | 16/03/2007 | Hoá học | 10   | THPT Phạm Văn Đồng        | 6.375     | 0.90          | 82     |            |         |
| 289 | HO0001 | Nguyễn Đình An          | 21/09/2007 | Hoá học | 10   | THPT Trần Hưng Đạo        | 6.375     | 0.94          | 83     |            |         |
| 290 | HO0055 | Đình Ngọc Bích Ly       | 24/05/2007 | Hoá học | 10   | THPT Hồng Đức             | 6.275     | 1.13          | 84     |            |         |
| 291 | HO0005 | Hồ Trần Tú Anh          | 27/11/2007 | Hoá học | 10   | THPT Lê Quý Đôn           | 6.225     | 0.92          | 85     |            |         |
| 292 | HO0062 | Bùi Hiếu Nghĩa          | 18/09/2007 | Hoá học | 10   | THPT Krông Ana            | 6         | 1.16          | 86     |            |         |
| 293 | HO0120 | Nguyễn Tổ Uyên          | 26/02/2007 | Hoá học | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên | 5.85      | 0.79          | 87     |            |         |
| 294 | HO0126 | Lê Trần Minh Vương      | 28/12/2007 | Hoá học | 10   | THPT Buôn Đôn             | 5.75      | 1.00          | 88     |            |         |
| 295 | HO0074 | Nguyễn Ngọc Gia Ny      | 01/11/2007 | Hoá học | 10   | THPT Lê Quý Đôn           | 5.45      | 0.73          | 89     |            |         |
| 296 | HO0010 | Trần Hoàng Gia Bảo      | 26/12/2007 | Hoá học | 10   | PTDTNT Tây Nguyên         | 5.35      | 1.28          | 90     |            |         |
| 297 | HO0087 | Nguyễn Thị Phương Quỳnh | 16/06/2007 | Hoá học | 10   | THPT Hùng Vương           | 5.25      | 0.58          | 91     |            |         |
| 298 | HO0084 | Nguyễn Hồng Quân        | 07/08/2007 | Hoá học | 10   | THPT Trần Quốc Toản       | 5.225     | 1.02          | 92     |            |         |
| 299 | HO0002 | Trần Đặng Hải Anh       | 05/02/2007 | Hoá học | 10   | THPT Lê Hữu Trác          | 5.2       | 0.76          | 93     |            |         |
| 300 | HO0113 | Hoàng Thị Mai Tuyết     | 28/09/2007 | Hoá học | 10   | THPT DTNT Đam San         | 5.15      | 0.63          | 94     |            |         |
| 301 | HO0022 | Nguyễn Quỳnh Giang      | 15/05/2007 | Hoá học | 10   | THPT Hai Bà Trưng         | 5.1       | 0.97          | 95     |            |         |
| 302 | HO0030 | Đỗ Việt Hoàng           | 23/04/2007 | Hoá học | 10   | THPT DTNT N' Trang Long   | 5.075     | 0.92          | 96     |            |         |

| STT | SBD    | Họ và tên               | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------------|------------|---------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 303 | HO0016 | Đặng Hồng Ngọc Diệp     | 24/11/2007 | Hoá học | 10   | THPT Hai Bà Trưng         | 5.05      | 0.49          | 97     |            |         |
| 304 | HO0088 | Phạm Thành Nguyên Sinh  | 13/12/2007 | Hoá học | 10   | THPT Trần Quang Khải      | 4.95      | 0.94          | 98     |            |         |
| 305 | HO0035 | Lý Duy Hưng             | 09/03/2007 | Hoá học | 10   | THPT DTNT N' Trang Long   | 4.9       | 1.10          | 99     |            |         |
| 306 | HO0096 | Nguyễn Văn Thành        | 10/12/2007 | Hoá học | 10   | THPT Lê Hữu Trác          | 4.625     | 0.53          | 100    |            |         |
| 307 | HO0116 | Hoàng Xuân Tứ           | 05/03/2007 | Hoá học | 10   | THPT Trường Chinh         | 4.45      | 0.57          | 101    |            |         |
| 308 | HO0018 | Nguyễn Trần Đình Dương  | 30/11/2007 | Hoá học | 10   | THPT Trần Quang Khải      | 4.425     | 1.00          | 102    |            |         |
| 309 | HO0085 | Võ Hoàng Thục Quyên     | 23/03/2007 | Hoá học | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng     | 4.25      | 0.46          | 103    |            |         |
| 310 | HO0059 | Nguyễn Thị Phương Minh  | 03/08/2007 | Hoá học | 10   | THPT Võ Văn Kiệt          | 4.125     | 0.76          | 104    |            |         |
| 311 | HO0037 | Phạm Tuấn Hưng          | 17/06/2007 | Hoá học | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên | 4         | 0.73          | 105    |            |         |
| 312 | HO0094 | Đỗ Hồng Thái            | 08/02/2007 | Hoá học | 10   | THPT Phan Đăng Lưu        | 3.975     | 0.56          | 106    |            |         |
| 313 | HO0057 | Nguyễn Trọng Mạnh       | 08/12/2007 | Hoá học | 10   | THPT Quang Trung          | 3.925     | 0.70          | 107    |            |         |
| 314 | HO0014 | Lê Hồ Quốc Chuẩn        | 11/07/2007 | Hoá học | 10   | THPT Trường Chinh         | 3.875     | 0.58          | 108    |            |         |
| 315 | HO0121 | Nguyễn Thị Bích Vân     | 25/08/2007 | Hoá học | 10   | THPT Võ Văn Kiệt          | 3.85      | 0.57          | 109    |            |         |
| 316 | HO0122 | Nguyễn Ngọc Khánh Vân   | 08/08/2007 | Hoá học | 10   | THPT Võ Nguyên Giáp       | 3.625     | 0.78          | 110    |            |         |
| 317 | HO0017 | Nguyễn Ánh Dương        | 31/07/2007 | Hoá học | 10   | THPT Võ Nguyên Giáp       | 3.575     | 0.65          | 111    |            |         |
| 318 | HO0119 | Trần Thị Thu Uyên       | 17/09/2007 | Hoá học | 10   | THPT Ea Rôk               | 3.525     | 0.56          | 112    |            |         |
| 319 | HO0081 | Nguyễn Hoài Thảo Phương | 26/11/2007 | Hoá học | 10   | THPT Phan Đình Phùng      | 3.15      | 0.51          | 113    |            |         |
| 320 | HO0027 | Nguyễn Quang Hiệp       | 16/09/2007 | Hoá học | 10   | THPT Y Jut                | 3.125     | 0.67          | 114    |            |         |
| 321 | HO0095 | Hoàng Nguyễn Thái       | 08/01/2007 | Hoá học | 10   | THPT Hồng Đức             | 3.05      | 0.77          | 115    |            |         |
| 322 | HO0118 | Hoàng Thị Thu Uyên      | 13/06/2007 | Hoá học | 10   | THPT Lý Tự Trọng          | 2.875     | 0.52          | 116    |            |         |
| 323 | HO0038 | Bùi Phan Quỳnh Hương    | 14/10/2007 | Hoá học | 10   | THPT Phan Đình Phùng      | 2.375     | 0.49          | 117    |            |         |
| 324 | HO0111 | Nguyễn Thiện Trung      | 22/09/2007 | Hoá học | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên | 2.325     | 0.28          | 118    |            |         |
| 325 | HO0029 | Đặng Việt Hoàng         | 14/07/2007 | Hoá học | 10   | THPT Nguyễn Công Trứ      | 2         | 0.56          | 119    |            |         |
| 326 | HO0090 | Nguyễn Hồng Sơn         | 27/02/2007 | Hoá học | 10   | THPT Ea Rôk               | 1.925     | 0.53          | 120    |            |         |
| 327 | HO0108 | Lê Thị Tú Trinh         | 24/01/2007 | Hoá học | 10   | THPT Trần Phú             | 1.325     | 0.13          | 121    |            |         |
| 328 | HO0082 | Lê Vinh Quang           | 17/09/2007 | Hoá học | 10   | THPT Trần Hưng Đạo        | 1.325     | 0.26          | 122    |            |         |
| 329 | HO0047 | Nông Tuấn Kiệt          | 21/06/2007 | Hoá học | 10   | THPT Ea Rôk               | 0.475     | 0.14          | 123    |            |         |
| 330 | HO0046 | Ngô Tuấn Kiệt           | 24/06/2007 | Hoá học | 10   | THPT Hai Bà Trưng         | 0         | 0.00          | 124    |            | Vắng    |

| STT | SBD    | Họ và tên            | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|----------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 331 | SU0105 | Hồ Đăng Khoa         | 06/04/2007 | Lịch sử | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 19.5      | 0.12          | 1      | HCV        |         |
| 332 | SU0065 | Lê Thị Yến Nhi       | 29/07/2007 | Lịch sử | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 19.25     | 0.12          | 2      | HCV        |         |
| 333 | SU0102 | Trần Thị Minh Thi    | 13/12/2007 | Lịch sử | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 18.5      | 0.37          | 3      | HCV        |         |
| 334 | SU0064 | Lại Yến Nhi          | 02/03/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Hùng Vương            | 15.5      | 0.70          | 4      | HCV        |         |
| 335 | SU0113 | Phan Hoàng Ngọc Vy   | 01/09/2007 | Lịch sử | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 13.75     | 0.79          | 5      | HCV        |         |
| 336 | SU0003 | Dương Thị Ngọc Anh   | 04/07/2007 | Lịch sử | 10   | THPT DTNT Đam San          | 12.75     | 0.62          | 6      | HCV        |         |
| 337 | SU0066 | Trần Quý Nhiên       | 16/06/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Hùng Vương            | 12.5      | 0.59          | 7      | HCV        |         |
| 338 | SU0107 | Hứa Thị Thảo Vân     | 29/11/2007 | Lịch sử | 10   | THPT DTNT N' Trang Long    | 12.5      | 0.79          | 8      | HCV        |         |
| 339 | SU0099 | Nguyễn Thị Bảo Trâm  | 20/09/2007 | Lịch sử | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 12        | 0.99          | 9      | HCV        |         |
| 340 | SU0060 | Cần Ngọc Tuyết Nhi   | 10/12/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Lê Quý Đôn            | 12        | 1.21          | 10     | HCV        |         |
| 341 | SU0046 | Hoàng Lê Thùy Linh   | 02/10/2007 | Lịch sử | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 11.75     | 0.41          | 11     | HCV        |         |
| 342 | SU0032 | Hoàng Thiên Kim      | 27/06/2007 | Lịch sử | 10   | THCS & THPT Đông Du        | 11.75     | 0.46          | 12     | HCV        |         |
| 343 | SU0108 | Nguyễn Ngọc Thảo Vân | 13/03/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Trần Quốc Toàn        | 11.75     | 0.58          | 13     | HCV        |         |
| 344 | SU0045 | Dư Thị Thùy Linh     | 17/04/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Ea Rók                | 11.75     | 0.75          | 14     | HCV        |         |
| 345 | SU0111 | Nguyễn An Vương      | 13/03/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Hồng Đức              | 11.5      | 0.37          | 15     | HCV        |         |
| 346 | SU0006 | Nguyễn Ngọc Trâm Anh | 03/02/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Buôn Ma Thuột         | 11.5      | 0.80          | 16     | HCV        |         |
| 347 | SU0035 | Lê Thị Lành Ê ban    | 17/02/2007 | Lịch sử | 10   | THPT DTNT N' Trang Long    | 11.5      | 1.05          | 17     | HCV        |         |
| 348 | SU0090 | Nguyễn Thị Minh Thư  | 21/09/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Ngô Gia Tự            | 11.25     | 0.45          | 18     | HCV        |         |
| 349 | SU0089 | Nguyễn Đặng Anh Thư  | 15/03/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Hồng Đức              | 11.25     | 0.61          | 19     | HCB        |         |
| 350 | SU0087 | Bùi Thị Anh Thư      | 22/06/2007 | Lịch sử | 10   | THPT DTNT N' Trang Long    | 11        | 0.60          | 20     | HCB        |         |
| 351 | SU0072 | Hà Thị Hồng Phương   | 10/12/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Tôn Đức Thắng         | 11        | 0.78          | 21     | HCB        |         |
| 352 | SU0018 | Đinh Minh Gun        | 01/06/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Ea Rók                | 11        | 0.97          | 22     | HCB        |         |
| 353 | SU0048 | Lý Thị Yến Linh      | 03/11/2007 | Lịch sử | 10   | THPT DTNT Đam San          | 10.75     | 0.66          | 23     | HCB        |         |
| 354 | SU0059 | Hoàng Quỳnh Nhi      | 31/01/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Ngô Gia Tự            | 10.75     | 0.89          | 24     | HCB        |         |
| 355 | SU0070 | Hoàng Trần Hồng Phúc | 08/02/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Chu Văn An            | 10.5      | 0.56          | 25     | HCB        |         |
| 356 | SU0062 | Nguyễn Ý Nhi         | 24/06/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Nguyễn Thái Bình      | 10.5      | 0.62          | 26     | HCB        |         |
| 357 | SU0068 | Văn Thị Ngọc Oanh    | 25/06/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Trần Quốc Toàn        | 10.5      | 0.66          | 27     | HCB        |         |
| 358 | SU0020 | Đặng Thanh Hà        | 13/06/2007 | Lịch sử | 10   | THCS & THPT Đông Du        | 10.5      | 0.90          | 28     | HCB        |         |

| STT | SBD    | Họ và tên               | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------------|------------|---------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 359 | SU0052 | Nguyễn Thị Hồng Nga     | 25/03/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm    | 10.5      | 1.08          | 29     | HCB        |         |
| 360 | SU0071 | Hồ Phạm Hồng Phúc       | 13/02/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Hùng Vương           | 10.25     | 0.53          | 30     | HCB        |         |
| 361 | SU0083 | Trần Thị Ái Thơ         | 10/02/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Trần Quốc Toàn       | 10.25     | 0.70          | 31     | HCB        |         |
| 362 | SU0117 | Nguyễn Hải Yên          | 21/07/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Quang Trung          | 10.25     | 0.75          | 32     | HCB        |         |
| 363 | SU0002 | Nguyễn Văn An           | 22/02/2007 | Lịch sử | 10   | THPT DTNT Đam San         | 10.25     | 0.75          | 32     | HCB        |         |
| 364 | SU0024 | Trần Văn Hiếu           | 29/05/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Krông Ana            | 10.25     | 1.04          | 34     | HCB        |         |
| 365 | SU0054 | Lê Bích Ngân            | 31/03/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Cư M'gar             | 10        | 0.52          | 35     | HCB        |         |
| 366 | SU0042 | Đặng Ngô Phương Linh    | 14/01/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Cư M'gar             | 10        | 0.88          | 36     | HCB        |         |
| 367 | SU0096 | Lâm Minh Tiến           | 29/01/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Lê Quý Đôn           | 10        | 1.29          | 37     | HCB        |         |
| 368 | SU0063 | Lã Thị Yên Nhi          | 19/07/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Lăk                  | 9.75      | 0.66          | 38     | HCB        |         |
| 369 | SU0104 | Lã Thị Bích Vân         | 20/12/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Phan Đình Phùng      | 9.5       | 0.37          | 39     | HCB        |         |
| 370 | SU0112 | Nông Thị Hải Vy         | 23/02/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Võ Nguyên Giáp       | 9.25      | 0.60          | 40     | HCB        |         |
| 371 | SU0027 | Nguyễn Phúc Bảo Huy     | 07/07/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Krông Bông           | 9.25      | 0.80          | 41     | HCB        |         |
| 372 | SU0110 | Nguyễn Hoàng Vũ         | 09/08/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Ngô Gia Tự           | 9.25      | 1.06          | 42     | HCB        |         |
| 373 | SU0036 | Nguyễn Thị Nhật Lê      | 10/01/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Trần Đại Nghĩa       | 9         | 0.43          | 43     | HCB        |         |
| 374 | SU0109 | Hồ Lê Anh Vũ            | 04/06/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Nguyễn Văn Cừ        | 9         | 0.91          | 44     | HCB        |         |
| 375 | SU0047 | Đinh Tiểu Linh          | 28/09/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Lê Quý Đôn           | 9         | 1.09          | 45     | HCB        |         |
| 376 | SU0023 | Ngô Đức Hiếu            | 09/05/2007 | Lịch Sử | 10   | THPT Phan Đăng Lưu        | 9         | 1.09          | 45     | HCB        |         |
| 377 | SU0025 | Lê Thị Ngọc Hoa         | 17/12/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Lý Tự Trọng          | 8.75      | 0.65          | 47     | HCB        |         |
| 378 | SU0069 | Nguyễn Lê Tấn Phát      | 20/11/2007 | Lịch sử | 10   | PTDTNT Tây Nguyên         | 8.75      | 0.76          | 48     | HCB        |         |
| 379 | SU0013 | Vũ Thị Xuân Diệu        | 24/05/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Lý Tự Trọng          | 8.75      | 0.76          | 48     | HCB        |         |
| 380 | SU0073 | Trần Nguyễn Minh Phương | 13/02/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Cư M'gar             | 8.75      | 0.85          | 50     | HCB        |         |
| 381 | SU0034 | Phan Thị Mĩ Lành        | 02/01/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Nguyễn Thái Bình     | 8.75      | 1.06          | 51     | HCB        |         |
| 382 | SU0094 | Hà Lê Thùy Tiên         | 20/06/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Nguyễn Thái Bình     | 8.5       | 0.83          | 52     | HCB        |         |
| 383 | SU0116 | Hoàng Hải Yên           | 09/09/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Lăk                  | 8.5       | 0.89          | 53     | HCB        |         |
| 384 | SU0081 | Nguyễn Phương Thảo      | 10/08/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Lý Tự Trọng          | 8.5       | 0.90          | 54     | HCB        |         |
| 385 | SU0079 | Nguyễn Ngọc Tấn Tài     | 15/02/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Trần Quang Khải      | 8.5       | 1.00          | 55     | HCB        |         |
| 386 | SU0114 | Mai Nhật Vy             | 14/12/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Nguyễn Thị Minh Khai | 8.25      | 0.80          | 56     | HCB        |         |

| STT | SBD    | Họ và tên               | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường              | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------------|------------|---------|------|-------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 387 | SU0098 | Nguyễn Hoàng Thùy Trang | 10/06/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Ea Súp             | 8.25      | 0.89          | 57     | HCB        |         |
| 388 | SU0106 | Ngô Thanh Vân           | 21/09/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Trần Phú           | 8.25      | 1.06          | 58     | HCB        |         |
| 389 | SU0031 | Đinh Nam Khánh          | 11/02/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Trần Quang Khải    | 8.25      | 1.19          | 59     | HCB        |         |
| 390 | SU0085 | Phạm Thị Thu            | 07/02/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Trường Chinh       | 7.75      | 0.29          | 60     | HCB        |         |
| 391 | SU0061 | Nguyễn Thị Tuyết Nhi    | 07/07/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Tôn Đức Thắng      | 7.75      | 0.81          | 61     | HCB        |         |
| 392 | SU0049 | Hòa Thị Khánh Ly        | 27/09/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Phạm Văn Đồng      | 7.75      | 0.93          | 62     | HCB        |         |
| 393 | SU0057 | Dương Thị Nguyên        | 11/02/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Trần Nhân Tông     | 7.75      | 1.22          | 63     | HCB        |         |
| 394 | SU0033 | Trương Thị Lanh         | 08/09/2007 | Lịch sử | 10   | PTDTNT Tây Nguyên       | 7.75      | 1.23          | 64     | HCB        |         |
| 395 | SU0041 | Trần Ngọc Khánh Linh    | 15/11/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Ea Rók             | 7.5       | 0.65          | 65     |            |         |
| 396 | SU0074 | Đoàn Thanh Quan         | 11/08/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Nguyễn Văn Cừ      | 7.5       | 0.77          | 66     |            |         |
| 397 | SU0088 | Lê Nguyễn Anh Thư       | 06/05/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Nguyễn Tất Thành   | 7.5       | 0.89          | 67     |            |         |
| 398 | SU0056 | Trịnh Minh Ngọc         | 29/11/2006 | Lịch sử | 10   | THPT Buôn Đôn           | 7.5       | 0.91          | 68     |            |         |
| 399 | SU0012 | Dương Thị Dang          | 15/03/2003 | Lịch sử | 10   | THPT Chu Văn An         | 7.5       | 0.96          | 69     |            |         |
| 400 | SU0039 | Trần Hoàng Gia Linh     | 31/05/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Buôn Ma Thuột      | 7.5       | 1.05          | 70     |            |         |
| 401 | SU0008 | Hoàng Minh Gia Bảo      | 02/09/2007 | Lịch sử | 10   | TH, THCS & THPT Victory | 7.5       | 1.15          | 71     |            |         |
| 402 | SU0004 | Trần Phương Anh         | 17/11/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Phạm Văn Đồng      | 7.25      | 0.70          | 72     |            |         |
| 403 | SU0005 | Nguyễn Lê Quỳnh Anh     | 24/06/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Lê Hữu Trác        | 7.25      | 0.70          | 72     |            |         |
| 404 | SU0044 | Nguyễn Thị Thuỳ Linh    | 16/01/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Nguyễn Trãi        | 7.25      | 0.87          | 74     |            |         |
| 405 | SU0097 | Nguyễn Thị Quỳnh Trang  | 12/04/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng   | 7.25      | 0.94          | 75     |            |         |
| 406 | SU0076 | Trần Nữ Như Quỳnh       | 26/10/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng   | 7.25      | 0.97          | 76     |            |         |
| 407 | SU0011 | Trần Quang Bình         | 19/02/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Nguyễn Trãi        | 7         | 0.75          | 77     |            |         |
| 408 | SU0022 | Nguyễn Hữu Hải          | 15/12/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng   | 7         | 0.85          | 78     |            |         |
| 409 | SU0029 | Lâu Thúy Hương          | 28/11/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Nguyễn Chí Thanh   | 7         | 0.87          | 79     |            |         |
| 410 | SU0055 | Triệu Bàn Doanh Nghiệp  | 17/11/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Nguyễn Tất Thành   | 6.75      | 1.08          | 80     |            |         |
| 411 | SU0091 | Trần Hoài Thương        | 26/11/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Nguyễn Trường Tộ   | 6.5       | 0.43          | 81     |            |         |
| 412 | SU0058 | Ngô Thị Minh Nguyệt     | 25/06/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Hồng Đức           | 6.5       | 0.46          | 82     |            |         |
| 413 | SU0078 | Ksor H' Sa Nhị          | 23/02/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Trường Chinh       | 6.5       | 0.64          | 83     |            |         |
| 414 | SU0038 | Bùi Lê Diệu Linh        | 27/09/2007 | Lịch sử | 10   | PTDTNT Tây Nguyên       | 6.5       | 1.07          | 84     |            |         |

| STT | SBD    | Họ và tên                | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường             | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|--------------------------|------------|---------|------|------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 415 | SU0118 | Lương Thị Thuận Yến      | 08/10/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Trần Nhân Tông    | 6.25      | 0.82          | 85     |            |         |
| 416 | SU0080 | Lê Quốc Thái             | 24/09/2007 | Lịch Sử | 10   | THPT Lê Duẩn           | 6         | 0.78          | 86     |            |         |
| 417 | SU0040 | Phạm Thị Khánh Linh      | 18/12/2006 | Lịch sử | 10   | THPT Chu Văn An        | 6         | 0.93          | 87     |            |         |
| 418 | SU0016 | Trần Quang Đạt           | 04/11/2007 | Lịch sử | 10   | THCS & THPT Đông Du    | 5.75      | 0.60          | 88     |            |         |
| 419 | SU0030 | Đình An Khang            | 24/08/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Nguyễn Trãi       | 5.75      | 0.64          | 89     |            |         |
| 420 | SU0075 | Trương Văn Anh Quân      | 23/02/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Buôn Ma Thuột     | 5.75      | 0.98          | 90     |            |         |
| 421 | SU0101 | Đỗ Thị Thu Trâm          | 30/07/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Krông Bông        | 5.5       | 0.51          | 91     |            |         |
| 422 | SU0037 | Nguyễn Hữu Liêm          | 13/08/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm | 5.25      | 0.48          | 92     |            |         |
| 423 | SU0001 | Phạm Trần Hiếu An        | 26/09/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Quang Trung       | 5.25      | 0.60          | 93     |            |         |
| 424 | SU0084 | Lý Thị Thu               | 18/09/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Trần Nhân Tông    | 5.25      | 0.73          | 94     |            |         |
| 425 | SU0028 | Trương Quang Huy         | 29/04/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Nguyễn Công Trứ   | 5.25      | 0.76          | 95     |            |         |
| 426 | SU0082 | Ninh Thị Thu Thảo        | 15/03/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Trần Phú          | 5.25      | 0.78          | 96     |            |         |
| 427 | SU0010 | Bùi Thị Hải Bình         | 19/09/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Quang Trung       | 5         | 0.88          | 97     |            |         |
| 428 | SU0100 | Phùng Thị Ngọc Trâm      | 24/01/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Trần Đại Nghĩa    | 4.75      | 0.37          | 98     |            |         |
| 429 | SU0017 | H' Nê Ly ÊBan            | 05/11/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Lê Hữu Trác       | 4.75      | 0.80          | 99     |            |         |
| 430 | SU0050 | Nguyễn Thị Mỹ            | 17/04/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Phan Đình Phùng   | 4.5       | 0.46          | 100    |            |         |
| 431 | SU0015 | H' Duyên Byă             | 18/07/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Nguyễn Công Trứ   | 4.5       | 0.80          | 101    |            |         |
| 432 | SU0051 | Hoàng Thành Nam          | 17/11/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Trần Quang Khải   | 4.5       | 0.82          | 102    |            |         |
| 433 | SU0086 | Nguyễn Thị Thanh Thùy    | 07/07/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Krông Ana         | 4.5       | 0.87          | 103    |            |         |
| 434 | SU0053 | Nguyễn Thị Thanh Nga     | 11/01/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Y Jut             | 4.5       | 0.87          | 103    |            |         |
| 435 | SU0021 | Dương Thị Diễm Hằng      | 21/02/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Nguyễn Văn Cừ     | 4.25      | 0.25          | 105    |            |         |
| 436 | SU0019 | Knul H Djon              | 28/05/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Việt Đức          | 4         | 0.73          | 106    |            |         |
| 437 | SU0095 | Nguyễn Ngọc Thùy Tiên    | 14/02/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Ea Súp            | 3.5       | 0.33          | 107    |            |         |
| 438 | SU0115 | Võ Dương Nhật Vy         | 20/09/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm | 3.5       | 0.51          | 108    |            |         |
| 439 | SU0007 | Bùi Tuấn Anh             | 02/01/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Phú Xuân          | 3.5       | 0.53          | 109    |            |         |
| 440 | SU0043 | Nguyễn Hoàng Phương Linh | 08/06/2007 | Lịch Sử | 10   | THPT Lê Duẩn           | 3.5       | 0.81          | 110    |            |         |
| 441 | SU0009 | Trần Tạ Thiên Bảo        | 03/02/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Phú Xuân          | 3.25      | 0.51          | 111    |            |         |
| 442 | SU0092 | Trần Thị Hoài Thương     | 15/09/2007 | Lịch Sử | 10   | THPT Phan Chu Trinh    | 3.25      | 0.60          | 112    |            |         |



| STT | SBD    | Họ và tên               | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường              | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------------|------------|---------|------|-------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 443 | SU0103 | Trần Thị Thanh Trúc     | 12/10/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Nguyễn Công Trứ    | 3.25      | 0.62          | 113    |            |         |
| 444 | SU0077 | Triệu Thị Như Quỳnh     | 15/04/2007 | Lịch Sử | 10   | THPT Phan Chu Trinh     | 2.75      | 0.19          | 114    |            |         |
| 445 | SU0026 | Phùng Thế Hoàn          | 17/10/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Trần Đại Nghĩa     | 0         | 0.00          | 115    |            | Vắng    |
| 446 | SU0067 | H Ríp Niê               | 28/11/2006 | Lịch Sử | 10   | THPT Phan Đăng Lưu      | 0         | 0.00          | 115    |            | Vắng    |
| 447 | SU0093 | Nguyễn Ngọc Thường      | 27/06/2007 | Lịch sử | 10   | THPT Lê Hữu Trác        | 0         | 0.00          | 115    |            | Vắng    |
| 448 | VA0136 | Hoàng Thị Xinh          | 10/05/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT DTNT Đam San       | 14        | 0.50          | 1      | HCV        |         |
| 449 | VA0019 | Phan Nguyễn Hương Giang | 03/02/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du   | 14        | 2.50          | 2      | HCV        |         |
| 450 | VA0014 | Phạm Tiến Dũng          | 09/07/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du   | 13.75     | 1.88          | 3      | HCV        |         |
| 451 | VA0107 | Lê Thị Phương Thúy      | 09/01/2007 | Ngữ văn | 10   | THCS & THPT Đông Du     | 13        | 1.00          | 4      | HCV        |         |
| 452 | VA0135 | Phan Yến Vy             | 26/05/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Ea H'leo           | 13        | 1.25          | 5      | HCV        |         |
| 453 | VA0012 | Bùi Thị Mỹ Duyên        | 29/03/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du   | 13        | 2.00          | 6      | HCV        |         |
| 454 | VA0001 | Nguyễn Thanh An         | 15/06/2007 | Ngữ văn | 10   | THCS & THPT Đông Du     | 12.5      | 1.75          | 7      | HCV        |         |
| 455 | VA0132 | Nguyễn Mai Phương Vy    | 22/11/2007 | Ngữ văn | 10   | TH, THCS & THPT Victory | 12        | 1.50          | 8      | HCV        |         |
| 456 | VA0089 | Phạm Nam Phúc           | 25/09/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Ngô Gia Tự         | 11.75     | 1.13          | 9      | HCV        |         |
| 457 | VA0126 | Bế Thị Thu Uyên         | 30/07/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT DTNT Đam San       | 11.5      | 0.25          | 10     | HCV        |         |
| 458 | VA0052 | Hoàng Thị Thanh Kiều    | 17/04/2007 | Ngữ Văn | 10   | THPT Phan Chu Trinh     | 11.25     | 0.13          | 11     | HCV        |         |
| 459 | VA0088 | Phan Thị Mai Oanh       | 02/09/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng   | 11        | 0.00          | 12     | HCV        |         |
| 460 | VA0130 | Nguyễn Nhật Vĩnh        | 23/01/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Hồng Đức           | 11        | 1.00          | 13     | HCV        |         |
| 461 | VA0028 | Nguyễn Diệp Hân         | 02/01/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Chu Văn An         | 11        | 1.50          | 14     | HCV        |         |
| 462 | VA0034 | Lã Nguyễn Ngân Hạ       | 30/03/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Ngô Gia Tự         | 10.75     | 0.13          | 15     | HCV        |         |
| 463 | VA0051 | Lê Nguyễn Ngọc Khánh    | 10/03/2007 | Ngữ văn | 10   | THCS & THPT Đông Du     | 10.75     | 0.38          | 16     | HCV        |         |
| 464 | VA0015 | Nguyễn Hồng Dương       | 02/12/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Phan Đăng Lưu      | 10.75     | 0.88          | 17     | HCV        |         |
| 465 | VA0105 | Y Thuyết BKrông         | 15/05/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Trần Nhân Tông     | 10.75     | 1.38          | 18     | HCV        |         |
| 466 | VA0070 | Trần Thị Kim Ngân       | 01/05/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng   | 10.5      | 0.75          | 19     | HCV        |         |
| 467 | VA0073 | Võ Thị Thanh Ngân       | 24/01/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Cư M'gar           | 10.5      | 1.25          | 20     | HCV        |         |
| 468 | VA0086 | Nguyễn Thị Hồng Nhung   | 06/06/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Hùng Vương         | 10.25     | 1.88          | 21     | HCB        |         |
| 469 | VA0026 | Vũ Thu Hà               | 15/06/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Ngô Gia Tự         | 10        | 0.00          | 22     | HCB        |         |
| 470 | VA0114 | Nguyễn Thị Thu Trang    | 21/11/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Nguyễn Huệ         | 10        | 2.00          | 23     | HCB        |         |

| STT | SBD    | Họ và tên               | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 471 | VA0042 | Lâm Thị Thúy Hiền       | 13/03/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Lê Quý Đôn            | 9.75      | 0.63          | 24     | HCB        |         |
| 472 | VA0101 | Lê Ngọc Bảo Thi         | 12/09/2007 | Ngữ văn | 10   | PTDTNT Tây Nguyên          | 9.75      | 0.63          | 24     | HCB        |         |
| 473 | VA0128 | Mai Thị Ngọc Vân        | 04/11/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Phan Đình Phùng       | 9.75      | 2.13          | 26     | HCB        |         |
| 474 | VA0040 | Trần Thị Hiền           | 19/08/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Nguyễn Văn Cừ         | 9.5       | 0.75          | 27     | HCB        |         |
| 475 | VA0100 | Nguyễn Thị Tâm          | 15/11/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Cư M'gar              | 9.5       | 1.25          | 28     | HCB        |         |
| 476 | VA0134 | Phạm Thị Tường Vy       | 07/02/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Nguyễn Văn Cừ         | 9.5       | 1.75          | 29     | HCB        |         |
| 477 | VA0118 | Trần Thị Lan Trinh      | 25/02/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT DTNT Đam San          | 9.25      | 0.38          | 30     | HCB        |         |
| 478 | VA0082 | Phạm Nguyễn Tường Nhi   | 04/12/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 9.25      | 0.38          | 30     | HCB        |         |
| 479 | VA0037 | Đoàn Hiếu               | 02/03/2007 | Ngữ văn | 10   | TH, THCS & THPT Victory    | 9.25      | 0.63          | 32     | HCB        |         |
| 480 | VA0076 | Trương Thị Bảo Nguyên   | 10/02/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 9.25      | 1.38          | 33     | HCB        |         |
| 481 | VA0041 | Hoàng Thị Thu Hiền      | 01/10/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng      | 9.25      | 1.38          | 33     | HCB        |         |
| 482 | VA0065 | Nguyễn Thảo My          | 18/05/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Hồng Đức              | 9.25      | 1.63          | 35     | HCB        |         |
| 483 | VA0038 | Vũ Minh Hiếu            | 04/04/2007 | Ngữ văn | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 9         | 0.25          | 36     | HCB        |         |
| 484 | VA0011 | Hoàng Thị Dung          | 20/02/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Nguyễn Văn Cừ         | 9         | 0.50          | 37     | HCB        |         |
| 485 | VA0064 | Ngô Lê Mai              | 22/01/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Nguyễn Tất Thành      | 9         | 0.50          | 37     | HCB        |         |
| 486 | VA0023 | Nguyễn Ngọc Hà          | 14/02/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Lăk                   | 9         | 1.00          | 39     | HCB        |         |
| 487 | VA0103 | Phan Châu Phương Thi    | 7 /06/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Quang Trung           | 9         | 2.00          | 40     | HCB        |         |
| 488 | VA0032 | Lăng Thị Thu Hằng       | 04/03/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT DTNT N' Trang Long    | 8.75      | 0.38          | 41     | HCB        |         |
| 489 | VA0081 | Trần Tuệ Nhi            | 24/08/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Trần Nhân Tông        | 8.75      | 0.63          | 42     | HCB        |         |
| 490 | VA0008 | Đặng Trần Bích Chi      | 14/01/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Lê Duẩn               | 8.75      | 0.88          | 43     | HCB        |         |
| 491 | VA0003 | Lê Trần Minh Anh        | 01/12/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Phan Đăng Lưu         | 8.75      | 1.38          | 44     | HCB        |         |
| 492 | VA0078 | Lê Trần Phương Nguyên   | 02/01/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Chu Văn An            | 8.75      | 1.63          | 45     | HCB        |         |
| 493 | VA0004 | Nguyễn Hoàng Phương Anh | 10/01/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Lê Duẩn               | 8.5       | 0.25          | 46     | HCB        |         |
| 494 | VA0016 | H Daly Êban             | 24/01/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT DTNT N' Trang Long    | 8.5       | 0.25          | 46     | HCB        |         |
| 495 | VA0053 | Nguyễn Hồ Quang Lam     | 20/02/2007 | Ngữ văn | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 8.5       | 0.25          | 46     | HCB        |         |
| 496 | VA0108 | Ban Hồ Anh Thư          | 05/11/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Buôn Ma Thuột         | 8.5       | 0.25          | 46     | HCB        |         |
| 497 | VA0010 | Hồ Thị Mỹ Dung          | 02/08/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Nguyễn Thị Minh Khai  | 8.5       | 0.75          | 50     | HCB        |         |
| 498 | VA0009 | Ngô Đình Đan Chi        | 15/10/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Buôn Ma Thuột         | 8.5       | 1.25          | 51     | HCB        |         |

| STT | SBD    | Họ và tên            | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|----------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 499 | VA0035 | Nguyễn Thị Hồng Hạnh | 10/05/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Lý Tự Trọng           | 8.25      | 0.13          | 52     | HCB        |         |
| 500 | VA0054 | Nguyễn Thụy Vi Lam   | 25/01/2007 | Ngữ văn | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 8.25      | 0.13          | 52     | HCB        |         |
| 501 | VA0060 | Lê Võ Yến Linh       | 24/12/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Lăk                   | 8.25      | 0.63          | 54     | HCB        |         |
| 502 | VA0059 | Phạm Bùi Thủy Linh   | 26/01/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Y Jut                 | 8.25      | 1.63          | 55     | HCB        |         |
| 503 | VA0027 | Nguyễn Anh Hào       | 12/09/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Trần Đại Nghĩa        | 8         | 0.00          | 56     | HCB        |         |
| 504 | VA0074 | Vũ Minh Ngọc         | 05/10/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Lê Quý Đôn            | 8         | 0.00          | 56     | HCB        |         |
| 505 | VA0047 | Trần Thị Khánh Huyền | 22/01/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Cư M'gar              | 8         | 1.00          | 58     | HCB        |         |
| 506 | VA0061 | Trần Thị Cẩm Ly      | 11/06/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Nguyễn Tất Thành      | 8         | 1.50          | 59     | HCB        |         |
| 507 | VA0138 | Phạm Lê Khả Yến      | 08/11/2007 | Ngữ Văn | 10   | THPT Phan Chu Trinh        | 7.75      | 0.13          | 60     | HCB        |         |
| 508 | VA0048 | Trần Phạm Mai Hương  | 07/01/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Lê Hữu Trác           | 7.75      | 0.63          | 61     | HCB        |         |
| 509 | VA0080 | Trương Hồ Ái Nhi     | 18/03/2007 | Ngữ Văn | 10   | THPT Trường Chinh          | 7.75      | 1.13          | 62     | HCB        |         |
| 510 | VA0050 | Nguyễn Thu Hường     | 28/11/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Trần Quang Khải       | 7.75      | 1.38          | 63     | HCB        |         |
| 511 | VA0043 | Đặng Đình Hoàng      | 08/11/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Phan Đình Phùng       | 7.75      | 1.63          | 64     | HCB        |         |
| 512 | VA0058 | Mai Thùy Linh        | 20/02/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Y Jut                 | 7.5       | 0.75          | 65     | HCB        |         |
| 513 | VA0129 | Mai Hà Thảo Vân      | 12/04/2007 | Ngữ Văn | 10   | THPT Trường Chinh          | 7.5       | 0.75          | 65     | HCB        |         |
| 514 | VA0133 | Hoàng Thị Vy         | 29/03/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Lý Tự Trọng           | 7.5       | 0.75          | 65     | HCB        |         |
| 515 | VA0020 | Lê Thị Kiều Giang    | 25/02/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Hùng Vương            | 7.5       | 1.75          | 68     | HCB        |         |
| 516 | VA0002 | Bùi Nguyễn Ý An      | 28/04/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT DTNT N' Trang Long    | 7.25      | 0.38          | 69     | HCB        |         |
| 517 | VA0092 | Đỗ Thị Ngọc Phượng   | 19/02/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Trần Quốc Toản        | 7.25      | 0.38          | 69     | HCB        |         |
| 518 | VA0025 | Trần Thu Hà          | 30/09/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Quang Trung           | 7.25      | 0.63          | 71     | HCB        |         |
| 519 | VA0069 | Nguyễn Thị Thúy Nga  | 20/09/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Phan Bội Châu         | 7.25      | 0.88          | 72     |            |         |
| 520 | VA0115 | Trần Thu Trang       | 09/02/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Buôn Đôn              | 7.25      | 0.88          | 72     |            |         |
| 521 | VA0031 | Phan Thanh Hằng      | 30/09/2006 | Ngữ văn | 10   | THPT Ea Súp                | 7         | 0.00          | 74     |            |         |
| 522 | VA0075 | Nguyễn Thị Yến Ngọc  | 04/02/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Buôn Hồ               | 7         | 0.00          | 74     |            |         |
| 523 | VA0036 | Trần Kim Phúc Hậu    | 18/10/2007 | Ngữ văn | 10   | PTDTNT Tây Nguyên          | 7         | 0.50          | 76     |            |         |
| 524 | VA0005 | Lê Thị Vân Anh       | 31/01/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Trần Quang Khải       | 7         | 0.50          | 76     |            |         |
| 525 | VA0006 | Ngô Đình Nhật Ánh    | 31/03/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Lê Hữu Trác           | 7         | 0.50          | 76     |            |         |
| 526 | VA0110 | Tổng Mai Thy         | 04/12/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 7         | 0.50          | 76     |            |         |

| STT | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|------------------------|------------|---------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 527 | VA0099 | Nguyễn Thị Minh Sang   | 26/12/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Lê Quý Đôn           | 7         | 0.50          | 76     |            |         |
| 528 | VA0017 | Trần Doãn Linh Đan     | 18/09/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm    | 7         | 0.75          | 81     |            |         |
| 529 | VA0062 | Lữ Khánh Ly            | 16/06/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Võ Văn Kiệt          | 7         | 0.75          | 81     |            |         |
| 530 | VA0044 | Nguyễn Xuân Hoàng      | 20/04/2007 | Ngữ Văn | 10   | THPT Trường Chinh         | 7         | 0.75          | 81     |            |         |
| 531 | VA0007 | Hoàng Minh Châu        | 17/02/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Krông Ana            | 7         | 1.00          | 84     |            |         |
| 532 | VA0109 | Nguyễn Hoàng Anh Thư   | 25/08/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Chu Văn An           | 6.75      | 0.38          | 85     |            |         |
| 533 | VA0094 | Nguyễn Thị Thoại Quyên | 03/05/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Nguyễn Công Trứ      | 6.75      | 0.38          | 85     |            |         |
| 534 | VA0093 | Bùi Hoàng Quyên        | 29/07/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Buôn Ma Thuột        | 6.75      | 0.63          | 87     |            |         |
| 535 | VA0077 | Lâm Ngọc Khôi Nguyên   | 20/09/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Phan Đình Phùng      | 6.5       | 0.00          | 88     |            |         |
| 536 | VA0106 | Lê Hồng Thúy           | 03/07/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Võ Văn Kiệt          | 6.5       | 0.00          | 88     |            |         |
| 537 | VA0072 | Trần Thị Thanh Ngân    | 03/10/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Ea Súp               | 6.5       | 0.25          | 90     |            |         |
| 538 | VA0113 | Lê Ngọc Thu Trang      | 07/03/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Cao Bá Quát          | 6.5       | 0.50          | 91     |            |         |
| 539 | VA0039 | Dương Thị Thanh Hiền   | 21/10/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Phạm Văn Đồng        | 6.5       | 0.75          | 92     |            |         |
| 540 | VA0127 | Nguyễn Vương Uyên      | 02/03/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Buôn Hồ              | 6.5       | 0.75          | 92     |            |         |
| 541 | VA0116 | Nguyễn Đỗ Bảo Trâm     | 28/06/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Trần Phú             | 6.25      | 0.13          | 94     |            |         |
| 542 | VA0098 | Võ Ngọc Như Quỳnh      | 04/07/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Nguyễn Trãi          | 6.25      | 0.38          | 95     |            |         |
| 543 | VA0067 | Đoàn Thị Hoàn Mỹ       | 08/07/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Phạm Văn Đồng        | 6.25      | 1.13          | 96     |            |         |
| 544 | VA0084 | Ngô Thị Yến Nhi        | 19/06/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Nguyễn Thị Minh Khai | 6         | 0.00          | 97     |            |         |
| 545 | VA0104 | Chu Thị Bích Thuận     | 11/05/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Trần Quốc Toản       | 6         | 1.50          | 98     |            |         |
| 546 | VA0024 | Dương Phụng Hà         | 27/06/2007 | Ngữ văn | 10   | PTDTNT Tây Nguyên         | 5.75      | 0.13          | 99     |            |         |
| 547 | VA0063 | Lều Thị Nhật Ly        | 21/12/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Phan Bội Châu        | 5.75      | 0.13          | 99     |            |         |
| 548 | VA0046 | Võ Thị Kim Huệ         | 23/08/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Lý Tự Trọng          | 5.75      | 0.38          | 101    |            |         |
| 549 | VA0125 | Nguyễn Hoàng Thảo Uyên | 27/06/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Trần Phú             | 5.75      | 0.38          | 101    |            |         |
| 550 | VA0066 | Nguyễn Trà My          | 13/01/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Lăk                  | 5.75      | 0.88          | 103    |            |         |
| 551 | VA0013 | Nguyễn Thị Ngọc Duyên  | 14/08/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Trần Quang Khải      | 5.5       | 0.00          | 104    |            |         |
| 552 | VA0049 | Nguyễn Thị Quỳnh Hương | 05/06/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Hồng Đức             | 5.5       | 0.00          | 104    |            |         |
| 553 | VA0033 | Trần Thu Hằng          | 15/11/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Lê Hữu Trác          | 5.5       | 0.25          | 106    |            |         |
| 554 | VA0029 | Trần Dương Hân         | 30/10/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm    | 5.5       | 0.75          | 107    |            |         |

| STT | SBD    | Họ và tên             | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường            | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|-----------------------|------------|---------|------|-----------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 555 | VA0112 | Hứa Quỳnh Trang       | 03/11/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Trần Quốc Toản   | 5.5       | 0.75          | 107    |            |         |
| 556 | VA0090 | Bùi Thị Thu Phương    | 22/07/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Ea Rók           | 5.5       | 1.25          | 109    |            |         |
| 557 | VA0079 | Trần Đình Thanh Nhân  | 01/02/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Lê Duẩn          | 5.5       | 1.75          | 110    |            |         |
| 558 | VA0124 | Phạm Phương Uyên      | 05/07/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Buôn Hồ          | 5.25      | 0.38          | 111    |            |         |
| 559 | VA0097 | Trần Thị Như Quỳnh    | 02/02/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Krông Ana        | 5.25      | 0.63          | 112    |            |         |
| 560 | VA0111 | Lý Huỳnh Phương Trang | 15/11/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Phú Xuân         | 5.25      | 0.88          | 113    |            |         |
| 561 | VA0055 | Võ Lương Bảo Lan      | 31/08/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Ea Rók           | 5         | 0.00          | 114    |            |         |
| 562 | VA0123 | Nguyễn Lưu Bảo Uyên   | 06/04/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Hai Bà Trưng     | 5         | 0.00          | 114    |            |         |
| 563 | VA0022 | Phạm Thị Trà Giang    | 14/04/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Ea Rók           | 5         | 0.50          | 116    |            |         |
| 564 | VA0102 | Hoàng Minh Thi        | 28/06/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Nguyễn Huệ       | 5         | 0.50          | 116    |            |         |
| 565 | VA0137 | Hoàng Thị Xuyên       | 04/08/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Tôn Đức Thắng    | 5         | 0.50          | 116    |            |         |
| 566 | VA0119 | Nguyễn Ngọc Yến Trinh | 06/09/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Lê Hồng Phong    | 4.75      | 0.13          | 119    |            |         |
| 567 | VA0057 | Trần Thị Lan          | 20/11/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Ea Súp           | 4.75      | 0.38          | 120    |            |         |
| 568 | VA0018 | Nguyễn Thị Hà Giang   | 13/05/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Tôn Đức Thắng    | 4.75      | 0.63          | 121    |            |         |
| 569 | VA0117 | Bùi Thị Bảo Trân      | 08/05/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Buôn Đôn         | 4.75      | 0.88          | 122    |            |         |
| 570 | VA0087 | Nguyễn Thị Hồng Oanh  | 02/12/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Việt Đức         | 4.5       | 0.25          | 123    |            |         |
| 571 | VA0131 | Trương Cẩm Vy         | 06/12/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Lê Hồng Phong    | 4.5       | 0.25          | 123    |            |         |
| 572 | VA0120 | Vũ Quốc Trung         | 30/05/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Phan Đăng Lưu    | 4.5       | 0.75          | 125    |            |         |
| 573 | VA0083 | Đồng Thị Yến Nhi      | 27/02/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Buôn Đôn         | 4.5       | 1.75          | 126    |            |         |
| 574 | VA0068 | Trần Thị Lê Na        | 17/01/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Y Jut            | 4.25      | 0.38          | 127    |            |         |
| 575 | VA0121 | Vi Thị Hồng Trúc      | 09/07/2006 | Ngữ văn | 10   | THPT Nguyễn Chí Thanh | 4         | 0.00          | 128    |            |         |
| 576 | VA0071 | Mai Thị Thanh Ngân    | 12/01/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Cao Bá Quát      | 3.75      | 0.63          | 129    |            |         |
| 577 | VA0045 | Vương Thị Thu Hồng    | 22/08/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Nguyễn Chí Thanh | 3.75      | 1.13          | 130    |            |         |
| 578 | VA0095 | Trần Hữu Thành        | 21/02/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Việt Đức         | 3.5       | 0.50          | 131    |            |         |
| 579 | VA0021 | Nguyễn Lê Trà Giang   | 02/05/2006 | Ngữ văn | 10   | THPT Phú Xuân         | 2.75      | 0.13          | 132    |            |         |
| 580 | VA0030 | Lê Thị Gia Hân        | 08/04/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Krông Ana        | 2.25      | 0.38          | 133    |            |         |
| 581 | VA0091 | Đàm Thị Bích Phượng   | 03/04/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Nguyễn Chí Thanh | 0         | 0.00          | 134    |            | Vắng    |
| 582 | VA0096 | Lê Như Quỳnh          | 26/08/2007 | Ngữ văn | 10   | THPT Nguyễn Tất Thành | 0         | 0.00          | 134    |            | Vắng    |

| STT | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi  | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|------------------------|------------|----------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 583 | SI0041 | Phan Ý Lan             | 20/10/2007 | Sinh học | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 16.625    | 0.60          | 1      | HCV        |         |
| 584 | SI0090 | Võ Anh Tú              | 07/03/2007 | Sinh học | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 16.1      | 0.71          | 2      | HCV        |         |
| 585 | SI0020 | Đỗ Thị Minh Hiền       | 26/01/2007 | Sinh học | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 14.85     | 0.68          | 3      | HCV        |         |
| 586 | SI0089 | Nguyễn Đoàn Ngọc Tuệ   | 17/12/2007 | Sinh học | 10   | THPT Nguyễn Công Trứ       | 12.65     | 0.72          | 4      | HCV        |         |
| 587 | SI0006 | Trương Thị Ngọc Diễm   | 09/06/2007 | Sinh học | 10   | THPT Buôn Ma Thuột         | 11.725    | 1.11          | 5      | HCV        |         |
| 588 | SI0022 | Nguyễn Thị Hoàng Hoa   | 08/12/2007 | Sinh học | 10   | THPT Buôn Ma Thuột         | 11.425    | 0.87          | 6      | HCV        |         |
| 589 | SI0017 | Lê Thị Thu Hằng        | 01/01/2007 | Sinh học | 10   | THPT Ngô Gia Tự            | 11.05     | 0.76          | 7      | HCV        |         |
| 590 | SI0079 | Đinh Thị Huyền Thoại   | 24/02/2007 | Sinh học | 10   | THPT DTNT Đam San          | 10.85     | 0.73          | 8      | HCV        |         |
| 591 | SI0009 | Hà Thị Mỹ Duyên        | 22/10/2007 | Sinh học | 10   | THPT Krông Bông            | 10.65     | 0.66          | 9      | HCV        |         |
| 592 | SI0035 | Lê Minh Khang          | 25/07/2007 | Sinh học | 10   | THPT Quang Trung           | 10.65     | 0.73          | 10     | HCV        |         |
| 593 | SI0036 | Ngô Quang Khải         | 27/10/2007 | Sinh học | 10   | THCS & THPT Đông Du        | 10.65     | 1.25          | 11     | HCV        |         |
| 594 | SI0048 | Trần Khánh Ly          | 06/07/2007 | Sinh học | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 10.225    | 0.64          | 12     | HCV        |         |
| 595 | SI0099 | Lương Nguyễn Hà Vy     | 28/02/2007 | Sinh học | 10   | THPT Cư M'gar              | 9.875     | 0.77          | 13     | HCV        |         |
| 596 | SI0055 | Hoàng Bảo Ngọc         | 13/02/2007 | Sinh học | 10   | THPT Ngô Gia Tự            | 9.725     | 0.93          | 14     | HCV        |         |
| 597 | SI0038 | Tạ Thanh Ngọc Kim      | 22/12/2007 | Sinh học | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 9.675     | 0.55          | 15     | HCV        |         |
| 598 | SI0005 | Lương Trần Minh Chiến  | 16/10/2007 | Sinh học | 10   | PTDTNT Tây Nguyên          | 9.5       | 0.60          | 16     | HCB        |         |
| 599 | SI0063 | Trịnh Thị Yến Nhi      | 20/08/2007 | Sinh học | 10   | THPT Phạm Văn Đồng         | 9.475     | 0.87          | 17     | HCB        |         |
| 600 | SI0077 | Lại Trường Thành       | 07/01/2007 | Sinh học | 10   | THPT Hùng Vương            | 9.45      | 0.58          | 18     | HCB        |         |
| 601 | SI0019 | Lê Minh Hiếu           | 08/09/2007 | Sinh học | 10   | THCS & THPT Đông Du        | 9.25      | 0.87          | 19     | HCB        |         |
| 602 | SI0018 | Nguyễn Thị Hồng Hạnh   | 22/03/2007 | Sinh học | 10   | THPT Phạm Văn Đồng         | 9.2       | 0.71          | 20     | HCB        |         |
| 603 | SI0002 | Đoàn Thị Ngọc Ánh      | 03/10/2007 | Sinh học | 10   | THPT Trần Quang Khải       | 9.2       | 1.07          | 21     | HCB        |         |
| 604 | SI0069 | Đặng Nhị Phong         | 28/08/2007 | Sinh học | 10   | THPT Nguyễn Huệ            | 9.125     | 0.97          | 22     | HCB        |         |
| 605 | SI0043 | Liên Ngọc Lâm          | 17/09/2007 | Sinh học | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 8.9       | 0.51          | 23     | HCB        |         |
| 606 | SI0028 | Vũ Thu Hoi             | 26/11/2007 | Sinh học | 10   | THPT Trần Đại Nghĩa        | 8.75      | 0.98          | 24     | HCB        |         |
| 607 | SI0062 | Huỳnh Thị Uyên Nhi     | 05/06/2007 | Sinh học | 10   | THPT Hùng Vương            | 8.625     | 1.08          | 25     | HCB        |         |
| 608 | SI0010 | Nguyễn Lê Phương Duyên | 30/09/2007 | Sinh học | 10   | THPT Buôn Hồ               | 8.6       | 0.39          | 26     | HCB        |         |
| 609 | SI0014 | Khúc Thị Thu Hà        | 02/01/2007 | Sinh học | 10   | THPT Trần Quốc Toàn        | 8.45      | 1.13          | 27     | HCB        |         |
| 610 | SI0023 | Nguyễn Thị Quỳnh Hoa   | 29/01/2007 | Sinh học | 10   | THPT Trần Nhân Tông        | 8.4       | 0.80          | 28     | HCB        |         |

| STT | SBD    | Họ và tên            | Ngày sinh  | Môn thi  | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|----------------------|------------|----------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 611 | SI0037 | Nguyễn Bảo Anh Khôi  | 07/08/2007 | Sinh học | 10   | THPT Lê Duẩn               | 8.15      | 0.67          | 29     | HCB        |         |
| 612 | SI0029 | Lê Gia Huy           | 10/03/2007 | Sinh học | 10   | THPT Cư M'gar              | 8.125     | 0.79          | 30     | HCB        |         |
| 613 | SI0033 | Trần Nguyễn Phi Hùng | 20/07/2007 | Sinh học | 10   | THPT Buôn Hồ               | 8.05      | 0.68          | 31     | HCB        |         |
| 614 | SI0044 | Dương Quế Lâm        | 02/12/2007 | Sinh học | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 7.95      | 0.99          | 32     | HCB        |         |
| 615 | SI0008 | Nguyễn Cao Kỳ Duyên  | 19/03/2007 | Sinh học | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 7.8       | 0.24          | 33     | HCB        |         |
| 616 | SI0064 | Vi Thị Hồng Nhung    | 07/07/2007 | Sinh học | 10   | THPT Trần Đại Nghĩa        | 7.725     | 0.81          | 34     | HCB        |         |
| 617 | SI0086 | Phạm Đức Trọng       | 09/12/2007 | Sinh học | 10   | THPT Trần Quốc Toàn        | 7.655     | 0.51          | 35     | HCB        |         |
| 618 | SI0026 | Trần Phi Hoàng       | 31/08/2007 | Sinh học | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 7.625     | 0.89          | 36     | HCB        |         |
| 619 | SI0030 | Nguyễn Văn Gia Huy   | 06/10/2007 | Sinh học | 10   | THPT Phạm Văn Đồng         | 7.525     | 0.47          | 37     | HCB        |         |
| 620 | SI0095 | Nguyễn Hòa Uyên      | 05/11/2007 | Sinh học | 10   | THPT Phan Bội Châu         | 7.4       | 0.49          | 38     | HCB        |         |
| 621 | SI0049 | Nông Thị Thanh Mai   | 17/03/2007 | Sinh học | 10   | THPT Võ Nguyên Giáp        | 7.25      | 0.99          | 39     | HCB        |         |
| 622 | SI0067 | Nguyễn Lê Kim Phác   | 30/08/2007 | Sinh Học | 10   | THPT Phan Chu Trinh        | 7.075     | 0.72          | 40     | HCB        |         |
| 623 | SI0004 | Trịnh Ngọc Như Bảo   | 07/12/2007 | Sinh học | 10   | THPT Nguyễn Tất Thành      | 7.025     | 0.98          | 41     | HCB        |         |
| 624 | SI0034 | Nguyễn Thụy Kha      | 08/04/2007 | Sinh học | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng      | 6.975     | 0.54          | 42     | HCB        |         |
| 625 | SI0078 | Võ Thị Phương Thảo   | 07/06/2007 | Sinh học | 10   | PTDTNT Tây Nguyên          | 6.95      | 0.59          | 43     | HCB        |         |
| 626 | SI0081 | Đào Thị Thùy Trang   | 13/04/2007 | Sinh học | 10   | THPT Nguyễn Công Trứ       | 6.9       | 0.51          | 44     | HCB        |         |
| 627 | SI0080 | Phạm Anh Thương      | 14/02/2007 | Sinh học | 10   | THPT Ea Súp                | 6.8       | 0.53          | 45     | HCB        |         |
| 628 | SI0061 | Nguyễn Tuệ Nhi       | 30/11/2007 | Sinh học | 10   | THPT Hồng Đức              | 6.75      | 0.86          | 46     | HCB        |         |
| 629 | SI0094 | Lê Hữu Diệu Uyên     | 22/01/2007 | Sinh học | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 6.7       | 0.73          | 47     | HCB        |         |
| 630 | SI0059 | Võ Ngân Nhi          | 19/05/2007 | Sinh học | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng      | 6.65      | 0.43          | 48     | HCB        |         |
| 631 | SI0065 | Phạm Quỳnh Như       | 27/09/2007 | Sinh học | 10   | THPT Hồng Đức              | 6.625     | 1.24          | 49     | HCB        |         |
| 632 | SI0031 | Đặng Nhật Huy        | 25/07/2007 | Sinh học | 10   | THPT Trần Nhân Tông        | 6.5       | 0.67          | 50     | HCB        |         |
| 633 | SI0007 | Võ Thị Diễm          | 28/02/2007 | Sinh học | 10   | THPT Phan Bội Châu         | 6.5       | 0.70          | 51     | HCB        |         |
| 634 | SI0013 | Cao Thị Hà           | 26/10/2007 | Sinh học | 10   | THPT Nguyễn Trãi           | 6.475     | 1.15          | 52     | HCB        |         |
| 635 | SI0039 | Triệu Thị Kính       | 21/09/2007 | Sinh học | 10   | THPT Nguyễn Thái Bình      | 6.45      | 0.79          | 53     | HCB        |         |
| 636 | SI0088 | Đoàn Ái Trục         | 18/01/2007 | Sinh học | 10   | THPT Chu Văn An            | 6.4       | 0.43          | 54     | HCB        |         |
| 637 | SI0072 | Nguyễn Hồng Quân     | 25/11/2007 | Sinh học | 10   | THPT Cư M'gar              | 6.325     | 0.67          | 55     | HCB        |         |
| 638 | SI0011 | Huỳnh Thị Thuý Duyên | 17/12/2007 | Sinh học | 10   | THPT Hồng Đức              | 6.225     | 0.53          | 56     |            |         |

| STT | SBD    | Họ và tên            | Ngày sinh  | Môn thi  | Khối | Tên trường             | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|----------------------|------------|----------|------|------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 639 | SI0083 | Triệu Thị Ngọc Trâm  | 05/05/2007 | Sinh học | 10   | THPT DTNT Đam San      | 6.2       | 0.94          | 57     |            |         |
| 640 | SI0025 | Nguyễn Huy Hoàng     | 27/10/2007 | Sinh học | 10   | THPT Trần Quốc Toàn    | 6.1       | 0.60          | 58     |            |         |
| 641 | SI0027 | Phạm Thanh Hoi       | 11/05/2007 | Sinh học | 10   | THPT Krông Ana         | 6.05      | 0.67          | 59     |            |         |
| 642 | SI0053 | Trần Bảo Ngân        | 12/07/2007 | Sinh học | 10   | THPT Y Jut             | 5.9       | 0.93          | 60     |            |         |
| 643 | SI0057 | Nguyễn Trần Kim Ngọc | 08/08/2007 | Sinh Học | 10   | THPT Phan Chu Trinh    | 5.875     | 0.56          | 61     |            |         |
| 644 | SI0050 | Nguyễn Thị Xuân Mai  | 24/02/2007 | Sinh học | 10   | THPT Lê Duẩn           | 5.8       | 0.75          | 62     |            |         |
| 645 | SI0100 | Phạm Thị Thảo vy     | 08/05/2007 | Sinh học | 10   | THPT Quang Trung       | 5.8       | 0.98          | 63     |            |         |
| 646 | SI0001 | Đàm Thị Quỳnh Anh    | 27/07/2007 | Sinh học | 10   | THPT Lê Hữu Trác       | 5.725     | 0.62          | 64     |            |         |
| 647 | SI0092 | Phan Đình Tuấn Tú    | 22/04/2007 | Sinh học | 10   | PTDTNT Tây Nguyên      | 5.7       | 0.67          | 65     |            |         |
| 648 | SI0040 | Nguyễn Thị Lan       | 18/10/2007 | Sinh học | 10   | THPT Võ Nguyên Giáp    | 5.6       | 0.43          | 66     |            |         |
| 649 | SI0096 | Nghiêm Thị Thảo Vân  | 14/01/2007 | Sinh học | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm | 5.525     | 0.43          | 67     |            |         |
| 650 | SI0093 | Đặng Ngọc Tứ         | 08/10/2007 | Sinh học | 10   | THPT Lê Hồng Phong     | 5.525     | 1.35          | 68     |            |         |
| 651 | SI0024 | Hoàng Thị Hoa        | 01/01/2007 | Sinh học | 10   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | 5.425     | 0.68          | 69     |            |         |
| 652 | SI0058 | Trần Thị Minh Ngọc   | 16/06/2007 | Sinh học | 10   | THPT Hai Bà Trưng      | 5.425     | 0.69          | 70     |            |         |
| 653 | SI0076 | Nguyễn Ngọc Mỹ Tâm   | 20/04/2007 | Sinh học | 10   | THPT Lê Hữu Trác       | 5.275     | 0.61          | 71     |            |         |
| 654 | SI0085 | Bùi Đức Trí          | 26/04/2007 | Sinh học | 10   | THPT Krông Bông        | 5.2       | 0.50          | 72     |            |         |
| 655 | SI0098 | Nguyễn Cao Thụy Vũ   | 29/09/2007 | Sinh học | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng  | 5.175     | 0.61          | 73     |            |         |
| 656 | SI0032 | Hoàng Thị Thu Huyền  | 14/01/2007 | Sinh học | 10   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | 5.1       | 0.89          | 74     |            |         |
| 657 | SI0101 | Nguyễn Trần Bảo Yên  | 08/08/2007 | Sinh học | 10   | THPT Krông Bông        | 5.075     | 0.96          | 75     |            |         |
| 658 | SI0070 | Ngô Thị Ngọc Phúc    | 14/02/2007 | Sinh học | 10   | THPT Krông Ana         | 4.975     | 0.36          | 76     |            |         |
| 659 | SI0015 | Nguyễn ngọc Hân      | 09/09/2007 | Sinh học | 10   | THPT Nguyễn Tất Thành  | 4.9       | 0.67          | 77     |            |         |
| 660 | SI0021 | Hoàng Thị Hiền       | 05/04/2007 | Sinh học | 10   | THPT Ea Súp            | 4.625     | 0.71          | 78     |            |         |
| 661 | SI0046 | Nguyễn Quốc Long     | 05/11/2007 | Sinh học | 10   | THPT Trần Quang Khải   | 4.5       | 0.57          | 79     |            |         |
| 662 | SI0051 | Lâm Thị Ngọc Nga     | 10/01/2007 | Sinh học | 10   | THPT DTNT Đam San      | 4.5       | 0.74          | 80     |            |         |
| 663 | SI0091 | Nguyễn Lân Cẩm Tú    | 27/09/2007 | Sinh học | 10   | THPT Lê Quý Đôn        | 4.475     | 0.54          | 81     |            |         |
| 664 | SI0071 | Nguyễn Đức Phước     | 09/12/2007 | Sinh học | 10   | THPT Buôn Đôn          | 4.425     | 0.74          | 82     |            |         |
| 665 | SI0103 | Phạm Hồ Nhật Yên     | 23/01/2007 | Sinh học | 10   | THPT Phú Xuân          | 4.125     | 0.84          | 83     |            |         |
| 666 | SI0052 | Nguyễn Thúy Bảo Ngân | 07/07/2007 | Sinh học | 10   | THPT Quang Trung       | 4.025     | 0.62          | 84     |            |         |



| STT | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi   | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|------------------------|------------|-----------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 667 | SI0056 | Phan Thị Hồng Ngọc     | 05/10/2007 | Sinh học  | 10   | THPT Lê Hồng Phong         | 4         | 0.62          | 85     |            |         |
| 668 | SI0102 | Trần Thị Hải Yến       | 26/10/2007 | Sinh học  | 10   | THPT Hùng Vương            | 3.975     | 0.47          | 86     |            |         |
| 669 | SI0082 | Nguyễn Thị Bích Trâm   | 23/12/2007 | Sinh học  | 10   | THPT Nguyễn Công Trứ       | 3.975     | 0.49          | 87     |            |         |
| 670 | SI0097 | Trần Thị Ngọc Viên     | 29/11/2007 | Sinh học  | 10   | THPT Phú Xuân              | 3.975     | 0.79          | 88     |            |         |
| 671 | SI0060 | Nguyễn Yến Ngọc Nhi    | 07/10/2007 | Sinh học  | 10   | THPT Chu Văn An            | 3.8       | 0.29          | 89     |            |         |
| 672 | SI0012 | Lê Phước Đại           | 12/01/2007 | Sinh học  | 10   | THPT Nguyễn Trãi           | 3.775     | 0.45          | 90     |            |         |
| 673 | SI0003 | Lê Nguyễn Hải Âu       | 30/07/2007 | Sinh học  | 10   | THPT Lê Quý Đôn            | 3.7       | 0.59          | 91     |            |         |
| 674 | SI0054 | Ngô Thùy Ngân          | 10/10/2007 | Sinh học  | 10   | THPT Ngô Gia Tự            | 3.538     | 0.59          | 92     |            |         |
| 675 | SI0066 | Trương Thị Như         | 07/07/2007 | Sinh học  | 10   | THPT Krông Ana             | 3.475     | 0.44          | 93     |            |         |
| 676 | SI0016 | Phạm Thị Thanh Hằng    | 16/10/2007 | Sinh học  | 10   | THPT Hai Bà Trưng          | 3.45      | 0.49          | 94     |            |         |
| 677 | SI0047 | Đoàn Ngọc Khánh Ly     | 05/06/2007 | Sinh học  | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 3.375     | 0.60          | 95     |            |         |
| 678 | SI0074 | Nguyễn Thị Như Quỳnh   | 26/03/2007 | Sinh học  | 10   | THPT Nguyễn Trường Tộ      | 3.35      | 0.56          | 96     |            |         |
| 679 | SI0087 | Trần Thị Thanh Trúc    | 14/08/2007 | Sinh học  | 10   | THPT Buôn Đôn              | 2.85      | 0.49          | 97     |            |         |
| 680 | SI0068 | Trần Văn Pháp          | 22/05/2007 | Sinh học  | 10   | THPT Lê Hữu Trác           | 2.8       | 0.38          | 98     |            |         |
| 681 | SI0084 | Nguyễn Hoàng Châu Trân | 25/03/2007 | Sinh học  | 10   | THPT Y Jut                 | 1.65      | 0.37          | 99     |            |         |
| 682 | SI0042 | Phan Ý Lan             | 25/10/2007 | Sinh học  | 10   | THPT Trường Chinh          | 0         | 0.00          | 100    |            | Vắng    |
| 683 | TA0042 | Phan Phương Linh       | 21/06/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 74        | 6.69          | 1      | HCV        |         |
| 684 | TA0083 | Nguyễn Sỹ Sơn          | 16/09/2007 | Tiếng Anh | 10   | THCS & THPT Đông Du        | 72        | 9.38          | 2      | HCV        |         |
| 685 | TA0036 | Nguyễn Minh Kiệt       | 21/04/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 70        | 8.08          | 3      | HCV        |         |
| 686 | TA0028 | Dương Đình Huy Hoàng   | 16/10/2007 | Tiếng Anh | 10   | THCS & THPT Đông Du        | 68.5      | 8.49          | 4      | HCV        |         |
| 687 | TA0044 | Trần Việt Long         | 21/10/2007 | Tiếng Anh | 10   | TH, THCS & THPT Victory    | 64.5      | 8.37          | 5      | HCV        |         |
| 688 | TA0102 | Lê Thị Khánh Vi        | 17/11/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 61        | 8.64          | 6      | HCV        |         |
| 689 | TA0050 | Nguyễn Lê Quang Minh   | 12/09/2007 | Tiếng Anh | 10   | THCS & THPT Đông Du        | 60        | 9.62          | 7      | HCV        |         |
| 690 | TA0058 | Phạm Nam Nguyên        | 21/01/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Lê Quý Đôn            | 49        | 8.07          | 8      | HCV        |         |
| 691 | TA0107 | Đỗ Hải Yến             | 30/01/2007 | Tiếng Anh | 10   | TH, THCS & THPT Victory    | 45.5      | 8.23          | 9      | HCV        |         |
| 692 | TA0092 | Vũ Anh Thư             | 28/10/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Trần Quốc Toản        | 44        | 9.35          | 10     | HCV        |         |
| 693 | TA0012 | Nguyễn Anh Bảo         | 11/09/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Krông Bông            | 43.5      | 8.37          | 11     | HCV        |         |
| 694 | TA0049 | Nguyễn Hoàng Minh      | 28/02/2007 | Tiếng Anh | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 43        | 8.26          | 12     | HCV        |         |

| STT | SBD    | Họ và tên             | Ngày sinh  | Môn thi   | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|-----------------------|------------|-----------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 695 | TA0043 | Bùi Quỳnh Linh        | 18/04/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Krông Ana             | 42.5      | 5.89          | 13     | HCV        |         |
| 696 | TA0039 | Nguyễn Thế Lâm        | 08/11/2007 | Tiếng Anh | 10   | TH, THCS & THPT Victory    | 42        | 8.20          | 14     | HCV        |         |
| 697 | TA0040 | Mai Diệu Linh         | 09/05/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Cư M'gar              | 42        | 9.55          | 15     | HCV        |         |
| 698 | TA0027 | Nguyễn Thị Thu Hiền   | 22/11/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Phan Bội Châu         | 40.5      | 8.37          | 16     | HCV        |         |
| 699 | TA0048 | Lê Đăng Minh          | 03/12/2007 | Tiếng Anh | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 39        | 7.22          | 17     | HCB        |         |
| 700 | TA0011 | Trần Thị Hồng Ân      | 23/06/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Chu Văn An            | 39        | 8.61          | 18     | HCB        |         |
| 701 | TA0002 | Đoàn Nam An           | 04/09/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Ngô Gia Tự            | 38.5      | 7.01          | 19     | HCB        |         |
| 702 | TA0061 | Lê Nguyễn Trí Nguyễn  | 15/06/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 36.5      | 7.59          | 20     | HCB        |         |
| 703 | TA0076 | Nguyễn Đức Phú        | 09/04/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Buôn Hồ               | 36.5      | 8.50          | 21     | HCB        |         |
| 704 | TA0104 | Nguyễn Hoàng Vũ       | 11/04/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 36        | 7.55          | 22     | HCB        |         |
| 705 | TA0078 | Đào Huy Quân          | 10/04/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Cư M'gar              | 35.5      | 8.65          | 23     | HCB        |         |
| 706 | TA0033 | Trần Khắc Minh Khang  | 08/01/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Lê Hồng Phong         | 35        | 5.54          | 24     | HCB        |         |
| 707 | TA0090 | Trần Nguyễn Anh Thơ   | 06/01/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Buôn Hồ               | 35        | 6.53          | 25     | HCB        |         |
| 708 | TA0017 | Nguyễn Thị Kim Chi    | 23/06/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Buôn Ma Thuột         | 35        | 7.63          | 26     | HCB        |         |
| 709 | TA0055 | Trương Tiên Nga       | 06/09/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Quang Trung           | 34        | 4.33          | 27     | HCB        |         |
| 710 | TA0065 | Hồ Nguyễn Quỳnh Nhi   | 18/01/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Nguyễn Huệ            | 34        | 6.42          | 28     | HCB        |         |
| 711 | TA0038 | Đoàn Cao Kỳ           | 24/06/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Nguyễn Tất Thành      | 34        | 8.73          | 29     | HCB        |         |
| 712 | TA0067 | Trịnh Thị Uyển Nhi    | 22/10/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Ea H'leo              | 34        | 9.60          | 30     | HCB        |         |
| 713 | TA0001 | Trần Lê Bảo An        | 10/06/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Lê Quý Đôn            | 33.5      | 6.78          | 31     | HCB        |         |
| 714 | TA0005 | Phạm Bùi Minh Anh     | 27/12/2007 | Tiếng Anh | 10   | PTDTNT Tây Nguyên          | 33        | 5.93          | 32     | HCB        |         |
| 715 | TA0071 | Nguyễn Thị Tổ Như     | 13/02/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Hồng Đức              | 33        | 6.02          | 33     | HCB        |         |
| 716 | TA0010 | Trần Thị Thúy Anh     | 23/03/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 32.5      | 7.28          | 34     | HCB        |         |
| 717 | TA0023 | Nguyễn Hà Gia Hân     | 16/07/2007 | Tiếng Anh | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 32        | 5.96          | 35     | HCB        |         |
| 718 | TA0099 | Nông Thị Kim Uyên     | 07/11/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT DTNT Đam San          | 32        | 7.04          | 36     | HCB        |         |
| 719 | TA0089 | Trần Hoàng Nhật Thông | 26/07/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Y Jut                 | 31.5      | 5.59          | 37     | HCB        |         |
| 720 | TA0004 | Trịnh Mai Anh         | 27/07/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Ngô Gia Tự            | 31        | 6.18          | 38     | HCB        |         |
| 721 | TA0020 | Nông Thị Vân Giang    | 02/01/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Phan Bội Châu         | 31        | 6.94          | 39     | HCB        |         |
| 722 | TA0106 | Lê Thảo Vy            | 26/03/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Lê Hồng Phong         | 30        | 6.95          | 40     | HCB        |         |

| STT | SBD    | Họ và tên               | Ngày sinh  | Môn thi   | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------------|------------|-----------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 723 | TA0097 | Phan Hương Trúc         | 13/02/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Phan Bội Châu        | 29.5      | 7.08          | 41     | HCB        |         |
| 724 | TA0098 | Nguyễn Đình Tuấn        | 02/07/2007 | Tiếng Anh | 10   | PTDTNT Tây Nguyên         | 29.5      | 8.80          | 42     | HCB        |         |
| 725 | TA0064 | Võ Trần Thu Nhận        | 20/02/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Lê Hữu Trác          | 28.5      | 6.23          | 43     | HCB        |         |
| 726 | TA0094 | Nguyễn Thị Trà          | 24/03/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Hùng Vương           | 28.5      | 6.95          | 44     | HCB        |         |
| 727 | TA0016 | Vũ Nguyễn Minh Châu     | 02/08/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Hồng Đức             | 28.5      | 7.92          | 45     | HCB        |         |
| 728 | TA0029 | Huỳnh Hoàng Hưng        | 09/05/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Buôn Ma Thuột        | 28        | 6.40          | 46     | HCB        |         |
| 729 | TA0031 | Đỗ Mai Hương            | 20/06/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Chu Văn An           | 28        | 6.96          | 47     | HCB        |         |
| 730 | TA0015 | Phạm Ngọc Bảo Châu      | 02/12/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Hồng Đức             | 27.5      | 5.66          | 48     | HCB        |         |
| 731 | TA0074 | Lộ Quốc Thanh Phong     | 05/10/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Nguyễn Trãi          | 27        | 5.80          | 49     | HCB        |         |
| 732 | TA0035 | Võ Nhật Anh Khoa        | 24/03/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Trần Quốc Toản       | 27        | 6.30          | 50     | HCB        |         |
| 733 | TA0021 | Phạm Thanh Hà           | 16/09/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Lê Quý Đôn           | 26.5      | 6.32          | 51     | HCB        |         |
| 734 | TA0087 | Nguyễn Phương Thảo      | 18/08/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Nguyễn Công Trứ      | 26.5      | 6.78          | 52     | HCB        |         |
| 735 | TA0019 | Nguyễn Trần Hải Đăng    | 07/01/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng     | 26.5      | 7.96          | 53     | HCB        |         |
| 736 | TA0075 | Trần Trí Phong          | 15/02/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Nguyễn Trãi          | 26        | 6.98          | 54     | HCB        |         |
| 737 | TA0025 | Lại Huỳnh Minh Hiền     | 29/09/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên | 25.5      | 6.59          | 55     | HCB        |         |
| 738 | TA0080 | Lê Hoàng Bảo Quyên      | 15/05/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Buôn Ma Thuột        | 25        | 7.60          | 56     | HCB        |         |
| 739 | TA0052 | Nguyễn Đức Nam          | 28/04/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Krông Ana            | 24        | 6.75          | 57     | HCB        |         |
| 740 | TA0063 | Nguyễn Thiện Nhân       | 28/11/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Trần Nhân Tông       | 23.5      | 6.39          | 58     |            |         |
| 741 | TA0051 | Nguyễn Vũ Quỳnh My      | 20/09/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Hùng Vương           | 23.5      | 6.39          | 58     |            |         |
| 742 | TA0069 | Nguyễn Ngọc Thanh Nhung | 15/11/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Lê Duẩn              | 23        | 4.76          | 60     |            |         |
| 743 | TA0081 | Hoàng Thị Ngọc Quyên    | 23/05/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Trần Nhân Tông       | 23        | 5.63          | 61     |            |         |
| 744 | TA0084 | Trần Khả Tâm            | 27/01/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Nguyễn Tất Thành     | 23        | 6.02          | 62     |            |         |
| 745 | TA0053 | Đặng Hoàng Nam          | 27/08/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Trần Quốc Toản       | 22.5      | 5.56          | 63     |            |         |
| 746 | TA0096 | Bùi Thị Bảo Trân        | 24/02/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm    | 22.5      | 6.32          | 64     |            |         |
| 747 | TA0014 | Lê Thái Bảo             | 24/04/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Trần Đại Nghĩa       | 22        | 4.50          | 65     |            |         |
| 748 | TA0091 | Trần Anh Thư            | 21/10/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Võ Văn Kiệt          | 22        | 5.02          | 66     |            |         |
| 749 | TA0030 | Trần Khả Hưng           | 12/11/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Krông Bông           | 22        | 6.54          | 67     |            |         |
| 750 | TA0062 | Đỗ Phú Thành Nhân       | 25/05/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Trần Đại Nghĩa       | 21.5      | 5.38          | 68     |            |         |

| STT | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi   | Khối | Tên trường             | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|------------------------|------------|-----------|------|------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 751 | TA0007 | Mai Phương Anh         | 16/07/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Buôn Hồ           | 21        | 5.17          | 69     |            |         |
| 752 | TA0032 | H Ja Lê Knul           | 02/04/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | 21        | 5.76          | 70     |            |         |
| 753 | TA0056 | Phan Thanh Ngân        | 01/05/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Hùng Vương        | 21        | 6.53          | 71     |            |         |
| 754 | TA0046 | Vũ Hữu Lương           | 22/11/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Phạm Văn Đồng     | 20.5      | 6.17          | 72     |            |         |
| 755 | TA0093 | Trần Bảo Kim Thư       | 04/10/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Ea H'leo          | 20.5      | 6.17          | 72     |            |         |
| 756 | TA0082 | Phạm Thị Anh Quỳnh     | 15/09/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Lý Tự Trọng       | 20.5      | 6.33          | 74     |            |         |
| 757 | TA0088 | Nguyễn Bảo Thi         | 22/04/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm | 20.5      | 6.62          | 75     |            |         |
| 758 | TA0079 | Nguyễn Đan Quế         | 11/10/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Lê Hồng Phong     | 19.5      | 6.23          | 76     |            |         |
| 759 | TA0008 | Nguyễn Ngọc Phương Anh | 21/04/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Chu Văn An        | 19        | 4.97          | 77     |            |         |
| 760 | TA0026 | Nguyễn Thị Hiền        | 25/11/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Buôn Đôn          | 19        | 5.12          | 78     |            |         |
| 761 | TA0095 | Võ Nguyễn Thùy Trâm    | 02/02/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Y Jut             | 19        | 5.97          | 79     |            |         |
| 762 | TA0105 | Trần Minh Vũ           | 28/08/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Phạm Văn Đồng     | 18.5      | 4.35          | 80     |            |         |
| 763 | TA0057 | Trương Bích Ngọc       | 07/12/2007 | Tiếng Anh | 10   | PTDTNT Tây Nguyên      | 18.5      | 4.76          | 81     |            |         |
| 764 | TA0072 | Đoàn Thị Kim Oanh      | 01/02/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Quang Trung       | 18.5      | 5.76          | 82     |            |         |
| 765 | TA0085 | Nguyễn Lưu Thắng       | 01/11/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Trần Quang Khải   | 18.5      | 6.40          | 83     |            |         |
| 766 | TA0054 | Không Nam              | 01/01/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Nguyễn Công Trứ   | 18        | 6.18          | 84     |            |         |
| 767 | TA0009 | Nguyễn Thị Phương Anh  | 26/07/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Lăk               | 17.5      | 4.17          | 85     |            |         |
| 768 | TA0006 | Phạm Nguyên Ngọc Anh   | 20/10/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Ea H'leo          | 17.5      | 4.29          | 86     |            |         |
| 769 | TA0059 | Trịnh Văn Quốc Nguyên  | 14/02/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Lê Hữu Trác       | 17.5      | 4.55          | 87     |            |         |
| 770 | TA0073 | Niê Nguyễn Hải Phong   | 27/05/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Cư M'gar          | 17.5      | 4.92          | 88     |            |         |
| 771 | TA0070 | Trần Thị Quỳnh Như     | 12/03/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Lê Hữu Trác       | 17        | 5.67          | 89     |            |         |
| 772 | TA0034 | Đào Vũ Bảo Khánh       | 20/07/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Lý Tự Trọng       | 16.5      | 5.46          | 90     |            |         |
| 773 | TA0024 | Nguyễn Thị Hồng Hạnh   | 27/01/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Buôn Đôn          | 16        | 4.53          | 91     |            |         |
| 774 | TA0013 | Trần Gia Bảo           | 10/05/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng  | 16        | 4.74          | 92     |            |         |
| 775 | TA0018 | Nguyễn Thị Đào         | 29/08/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Ngô Gia Tự        | 16        | 4.74          | 92     |            |         |
| 776 | TA0047 | Nguyễn Như Mai         | 25/01/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng  | 16        | 5.34          | 94     |            |         |
| 777 | TA0060 | Nguyễn Kim Thảo Nguyên | 27/02/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Việt Đức          | 15.5      | 4.48          | 95     |            |         |
| 778 | TA0103 | Vũ Thiệp Vinh          | 31/01/2007 | Tiếng Anh | 10   | THPT Trường Chinh      | 15.5      | 4.70          | 96     |            |         |

| STT | SBD    | Họ và tên             | Ngày sinh  | Môn thi    | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|-----------------------|------------|------------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 779 | TA0066 | Nguyễn Thị Uyên Nhi   | 13/09/2007 | Tiếng Anh  | 10   | THPT Krông Ana             | 15        | 3.27          | 97     |            |         |
| 780 | TA0100 | Nguyễn Trần Thảo Uyên | 24/11/2006 | Tiếng Anh  | 10   | THPT Nguyễn Văn Cừ         | 14        | 4.50          | 98     |            |         |
| 781 | TA0041 | Tôn Nguyễn Hoài Linh  | 26/06/2007 | Tiếng Anh  | 10   | THPT Trần Quang Khải       | 13.5      | 4.76          | 99     |            |         |
| 782 | TA0077 | Đỗ Phan Anh Quân      | 13/09/2007 | Tiếng Anh  | 10   | THPT Lê Duẩn               | 13        | 3.96          | 100    |            |         |
| 783 | TA0086 | Vũ Thị Như Thảo       | 12/09/2007 | Tiếng Anh  | 10   | THPT Nguyễn Văn Cừ         | 12.5      | 4.34          | 101    |            |         |
| 784 | TA0101 | Trương Tổ Uyên        | 25/02/2007 | Tiếng Anh  | 10   | THPT Nguyễn Trường Tộ      | 12        | 2.74          | 102    |            |         |
| 785 | TA0068 | Đinh Thị Xuân Nhi     | 13/04/2007 | Tiếng Anh  | 10   | THPT Hai Bà Trưng          | 12        | 4.12          | 103    |            |         |
| 786 | TA0003 | Tạ Mai Anh            | 09/05/2007 | Tiếng Anh  | 10   | THPT Buôn Đôn              | 11.5      | 3.91          | 104    |            |         |
| 787 | TA0045 | Nguyễn Sỹ Luân        | 23/07/2007 | Tiếng Anh  | 10   | THPT Lê Duẩn               | 11.5      | 3.91          | 104    |            |         |
| 788 | TA0022 | Phùng Bảo Hân         | 14/03/2007 | Tiếng Anh  | 10   | THPT Việt Đức              | 7.5       | 3.25          | 106    |            |         |
| 789 | TA0037 | Ka Phương Quỳnh Kpor  | 25/08/2007 | Tiếng Anh  | 10   | THPT Quang Trung           | 0         | 0.00          | 107    |            | Vắng    |
| 790 | TP0001 | Nguyễn Đăng Nhật Hoà  | 14/09/2007 | Tiếng Pháp | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 27.75     | 0.94          | 1      | HCV        |         |
| 791 | TP0002 | Mai Ngọc Hiền Nhi     | 19/03/2007 | Tiếng Pháp | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 25.25     | 0.66          | 2      | HCB        |         |
| 792 | TP0003 | Nguyễn Uyên Phương    | 27/08/2007 | Tiếng Pháp | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 23.5      | 0.42          | 3      | HCB        |         |
| 793 | TP0004 | Đỗ Thị Bảo Trân       | 04/02/2007 | Tiếng Pháp | 10   | THPT Buôn Ma Thuột         | 17.5      | 2.09          | 4      |            |         |
| 794 | TP0005 | Trần Ngọc Trân        | 26/06/2007 | Tiếng Pháp | 10   | THPT Buôn Ma Thuột         | 14.5      | 2.78          | 5      |            |         |
| 795 | TI0001 | Nhữ Thành An          | 03/04/2007 | Tin học    | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 19.25     | 1.26          | 1      | HCV        |         |
| 796 | TI0005 | Hoàng Minh Anh        | 02/01/2007 | Tin học    | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 17.4      | 1.53          | 2      | HCV        |         |
| 797 | TI0051 | Nguyễn Hữu Toàn       | 02/01/2007 | Tin học    | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 16.25     | 2.01          | 3      | HCV        |         |
| 798 | TI0045 | Nguyễn Song Hoàng     | 13/06/2007 | Tin học    | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 14.65     | 2.04          | 4      | HCV        |         |
| 799 | TI0054 | Đăng Lê Hoàng Vũ      | 07/04/2007 | Tin học    | 10   | THPT Cao Bá Quát           | 13.8      | 2.21          | 5      | HCV        |         |
| 800 | TI0014 | Phan Tiến Đạt         | 24/12/2007 | Tin học    | 10   | THCS & THPT Đông Du        | 13.75     | 2.17          | 6      | HCV        |         |
| 801 | TI0016 | Mai Văn Trường Giang  | 18/11/2007 | Tin học    | 10   | THCS & THPT Đông Du        | 12.75     | 2.19          | 7      | HCV        |         |
| 802 | TI0007 | Lê Tiến Bình          | 08/12/2007 | Tin học    | 10   | THPT Buôn Hồ               | 12.25     | 2.18          | 8      | HCV        |         |
| 803 | TI0030 | Lương Thành Long      | 28/01/2007 | Tin học    | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 11.8      | 2.28          | 9      | HCB        |         |
| 804 | TI0025 | Huỳnh Khánh Hưng      | 25/07/2007 | Tin học    | 10   | THPT Lê Hữu Trác           | 11.75     | 2.27          | 10     | HCB        |         |
| 805 | TI0023 | Nguyễn Võ Công Huy    | 14/12/2007 | Tin học    | 10   | PTDTNT Tây Nguyên          | 11.35     | 2.32          | 11     | HCB        |         |
| 806 | TI0022 | Phạm Văn Hiệp         | 24/09/2007 | Tin học    | 10   | PTDTNT Tây Nguyên          | 11.35     | 2.33          | 12     | HCB        |         |

| STT | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|------------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 807 | TI0024 | Trần Lê Da Huy         | 08/02/2007 | Tin học | 10   | THPT Cư M'gar              | 11.2      | 2.35          | 13     | HCB        |         |
| 808 | TI0004 | Trần Hồng Anh          | 22/05/2007 | Tin học | 10   | THPT Ea Súp                | 10.9      | 2.40          | 14     | HCB        |         |
| 809 | TI0029 | Lê Trần Trung Kiên     | 21/09/2007 | Tin học | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 10.6      | 2.44          | 15     | HCB        |         |
| 810 | TI0002 | Nguyễn Đức Anh         | 22/02/2007 | Tin học | 10   | THPT Hùng Vương            | 10.45     | 1.90          | 16     | HCB        |         |
| 811 | TI0021 | Phạm Gia Minh Hiếu     | 03/09/2007 | Tin học | 10   | THPT Lê Quý Đôn            | 10.45     | 2.18          | 17     | HCB        |         |
| 812 | TI0033 | Nguyễn Đức Ngọc        | 08/03/2007 | Tin học | 10   | THCS & THPT Đồng Du        | 10.3      | 2.31          | 18     | HCB        |         |
| 813 | TI0044 | Nguyễn Phan Nhật Tân   | 30/03/2007 | Tin học | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 10.15     | 2.34          | 19     | HCB        |         |
| 814 | TI0031 | Nguyễn Quang Minh      | 28/11/2007 | Tin học | 10   | THPT Buôn Hồ               | 10        | 2.53          | 20     | HCB        |         |
| 815 | TI0010 | Phạm Tiến Cường        | 13/01/2007 | Tin học | 10   | THPT Hồng Đức              | 10        | 2.53          | 20     | HCB        |         |
| 816 | TI0019 | Chu Đoàn Minh Hiếu     | 17/01/2007 | Tin học | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 10        | 2.53          | 20     | HCB        |         |
| 817 | TI0018 | Bùi Tiểu Hào           | 04/02/2007 | Tin học | 10   | THPT Trần Hưng Đạo         | 9.4       | 1.87          | 23     | HCB        |         |
| 818 | TI0032 | Hà Văn Nghiệp          | 28/04/2007 | Tin học | 10   | THPT DTNT N' Trang Long    | 9.1       | 1.87          | 24     | HCB        |         |
| 819 | TI0009 | Nguyễn Văn Chương      | 17/03/2007 | Tin học | 10   | THPT Krông Ana             | 9         | 2.40          | 25     | HCB        |         |
| 820 | TI0041 | Hồ Hùng Thái Sơn       | 19/03/2007 | Tin học | 10   | THPT Hùng Vương            | 9         | 2.40          | 25     | HCB        |         |
| 821 | TI0017 | Ngô Anh Hào            | 02/01/2007 | Tin học | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng      | 8.8       | 2.17          | 27     | HCB        |         |
| 822 | TI0055 | Hoàng Quang Vũ         | 21/07/2007 | Tin học | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 8.4       | 2.19          | 28     | HCB        |         |
| 823 | TI0039 | Quách Đỗ Minh Quang    | 01/11/2007 | Tin học | 10   | THPT Ngô Gia Tự            | 7.5       | 2.29          | 29     | HCB        |         |
| 824 | TI0003 | Nguyễn Ngô Duy Anh     | 29/08/2007 | Tin học | 10   | THPT Tôn Đức Thắng         | 6.85      | 1.58          | 30     | HCB        |         |
| 825 | TI0011 | Nguyễn Thành Danh      | 14/03/2007 | Tin học | 10   | THPT Lê Quý Đôn            | 6.75      | 2.34          | 31     |            |         |
| 826 | TI0049 | Nguyễn Thị Minh Thư    | 14/05/2007 | Tin học | 10   | THPT Lý Tự Trọng           | 6.6       | 1.63          | 32     |            |         |
| 827 | TI0028 | Lê Minh Khôi           | 01/05/2007 | Tin học | 10   | THPT Krông Ana             | 6.6       | 2.35          | 33     |            |         |
| 828 | TI0020 | Nguyễn Đức Minh Hiếu   | 08/05/2007 | Tin học | 10   | THPT Ngô Gia Tự            | 6.6       | 2.35          | 33     |            |         |
| 829 | TI0043 | Nguyễn Nhật Tân        | 18/01/2007 | Tin học | 10   | TH, THCS & THPT Victory    | 6.5       | 2.35          | 35     |            |         |
| 830 | TI0035 | Nguyễn Công Nam Nguyên | 11/01/2007 | Tin học | 10   | THPT Ea Rók                | 6         | 2.40          | 36     |            |         |
| 831 | TI0042 | Tổng Trần Minh Tâm     | 20/11/2007 | Tin học | 10   | THPT Ea Rók                | 6         | 2.40          | 36     |            |         |
| 832 | TI0012 | Phạm Công Đăng         | 26/06/2007 | Tin học | 10   | THPT Buôn Ma Thuột         | 5.8       | 1.23          | 38     |            |         |
| 833 | TI0038 | Trần Đăng Quang        | 20/02/2007 | Tin học | 10   | THPT Phan Đình Phùng       | 4.5       | 1.65          | 39     |            |         |
| 834 | TI0034 | Trần Văn Cao Nguyên    | 09/01/2007 | Tin học | 10   | THPT Võ Nguyên Giáp        | 4.3       | 1.57          | 40     |            |         |

| STT | SBD    | Họ và tên                | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|--------------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 835 | TI0052 | Đào Thị Thu Trang        | 10/11/2007 | Tin học | 10   | THPT Buôn Ma Thuột         | 3.75      | 1.15          | 41     |            |         |
| 836 | TI0015 | Đới Sỹ Điện              | 17/10/2007 | Tin học | 10   | THPT Ea Rôk                | 3.75      | 1.43          | 42     |            |         |
| 837 | TI0037 | Nguyễn Lương Nguyên Phúc | 21/07/2007 | Tin học | 10   | THPT Ea Súp                | 3.6       | 1.44          | 43     |            |         |
| 838 | TI0006 | Nguyễn Văn Thế Anh       | 28/12/2007 | Tin học | 10   | THPT Cao Bá Quát           | 3.6       | 1.44          | 43     |            |         |
| 839 | TI0036 | Đặng Ngọc Nguyên         | 13/08/2007 | Tin học | 10   | THPT Cao Bá Quát           | 3         | 1.20          | 45     |            |         |
| 840 | TI0050 | Hoàng Trần Nhật Tiến     | 05/03/2007 | Tin học | 10   | THPT Krông Ana             | 1.8       | 0.72          | 46     |            |         |
| 841 | TI0027 | Phan Anh Khoa            | 04/01/2007 | Tin học | 10   | THPT Buôn Đôn              | 1.05      | 0.29          | 47     |            |         |
| 842 | TI0026 | Nguyễn Anh Khoa          | 26/12/2007 | Tin học | 10   | THPT DTNT Đam San          | 0         | 0.00          | 48     |            |         |
| 843 | TI0040 | Tô Anh Quân              | 27/11/2007 | Tin học | 10   | THPT DTNT Đam San          | 0         | 0.00          | 48     |            |         |
| 844 | TI0008 | Lê Nguyên Cát            | 13/12/2007 | Tin học | 10   | TH, THCS & THPT Victory    | 0         | 0.00          | 48     |            |         |
| 845 | TI0013 | Bùi Nguyễn Thành Đạt     | 06/10/2006 | Tin học | 10   | THPT Y Jut                 | 0         | 0.00          | 48     |            |         |
| 846 | TI0046 | Nguyễn Tiến Thành        | 28/11/2007 | Tin học | 10   | THPT Hồng Đức              | 0         | 0.00          | 48     |            |         |
| 847 | TI0047 | Nguyễn Thị Hương Thảo    | 23/02/2007 | Tin học | 10   | THPT Phạm Văn Đồng         | 0         | 0.00          | 48     |            |         |
| 848 | TI0053 | Vương Triệu Vi           | 24/07/2007 | Tin học | 10   | THPT Hùng Vương            | 0         | 0.00          | 48     |            |         |
| 849 | TO0055 | Bùi Thiện Nhân           | 03/07/2007 | Toán    | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 17.75     | 0.98          | 1      | HCV        |         |
| 850 | TO0065 | Võ Anh Sự                | 01/06/2007 | Toán    | 10   | THCS & THPT Đông Du        | 16        | 0.75          | 2      | HCV        |         |
| 851 | TO0034 | Đào Quốc Khánh           | 02/09/2007 | Toán    | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 15.5      | 0.61          | 3      | HCV        |         |
| 852 | TO0032 | Nguyễn Thị Ngọc Huyền    | 03/01/2007 | Toán    | 10   | THCS & THPT Đông Du        | 15.5      | 1.54          | 4      | HCV        |         |
| 853 | TO0059 | Nguyễn Đức Phát          | 02/11/2007 | Toán    | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 15        | 1.47          | 5      | HCV        |         |
| 854 | TO0064 | Hoàng Thị Quỳnh          | 11/03/2007 | Toán    | 10   | THCS & THPT Đông Du        | 15        | 1.61          | 6      | HCV        |         |
| 855 | TO0048 | Nguyễn Phương Hà My      | 17/11/2007 | Toán    | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 14.25     | 0.76          | 7      | HCV        |         |
| 856 | TO0023 | Lê Kế Hiền               | 07/08/2007 | Toán    | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 12.5      | 1.43          | 8      | HCV        |         |
| 857 | TO0096 | Lưu Đức Tường            | 02/01/2007 | Toán    | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng      | 12        | 1.61          | 9      | HCV        |         |
| 858 | TO0049 | Hoàng Văn Nam            | 21/09/2007 | Toán    | 10   | PTDTNT Tây Nguyên          | 10.5      | 0.99          | 10     | HCV        |         |
| 859 | TO0051 | Trần Thị Ái Nguyên       | 22/01/2007 | Toán    | 10   | THPT Nguyễn Trãi           | 10        | 1.82          | 11     | HCV        |         |
| 860 | TO0093 | Lê Anh Tuấn              | 24/07/2007 | Toán    | 10   | PTDTNT Tây Nguyên          | 9         | 1.15          | 12     | HCV        |         |
| 861 | TO0080 | Nguyễn Khắc Thông        | 20/07/2007 | Toán    | 10   | THPT Ngô Gia Tự            | 9         | 1.22          | 13     | HCV        |         |
| 862 | TO0038 | Lê Trung Kiên            | 10/03/2007 | Toán    | 10   | THPT Buôn Hồ               | 9         | 1.35          | 14     | HCV        |         |

| STT | SBD    | Họ và tên               | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 863 | TO0097 | Trần Lê Tuấn Vũ         | 25/01/2007 | Toán    | 10   | THPT Hùng Vương            | 9         | 1.35          | 14     | HCV        |         |
| 864 | TO0072 | Nguyễn Đỗ Minh Thành    | 31/03/2007 | Toán    | 10   | THPT Ea H'leo              | 8.25      | 1.08          | 16     | HCB        |         |
| 865 | TO0041 | Đinh Ngọc Ánh Linh      | 28/01/2007 | Toán    | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 8         | 0.94          | 17     | HCB        |         |
| 866 | TO0069 | Đặng Tú Tài             | 17/09/2007 | Toán    | 10   | THPT Cư M'gar              | 8         | 1.77          | 18     | HCB        |         |
| 867 | TO0025 | Nguyễn Quốc Hiệp        | 14/08/2007 | Toán    | 10   | THPT Phan Đăng Lưu         | 7.5       | 1.35          | 19     | HCB        |         |
| 868 | TO0005 | Nguyễn Trần Phương Anh  | 06/01/2007 | Toán    | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 7         | 0.99          | 20     | HCB        |         |
| 869 | TO0009 | Bùi Quốc Cường          | 05/02/2007 | Toán    | 10   | THPT Trần Quốc Toản        | 7         | 1.25          | 21     | HCB        |         |
| 870 | TO0070 | Giản Đình Thái          | 23/07/2007 | Toán    | 10   | THPT Cư M'gar              | 7         | 1.34          | 22     | HCB        |         |
| 871 | TO0052 | Quách Hữu Nguyên        | 22/02/2007 | Toán    | 10   | THPT Phạm Văn Đồng         | 7         | 1.34          | 22     | HCB        |         |
| 872 | TO0054 | Phạm Ngọc Thanh Nhân    | 18/07/2007 | Toán    | 10   | PTDTNT Tây Nguyên          | 6.75      | 1.13          | 24     | HCB        |         |
| 873 | TO0094 | Nguyễn Khắc Tuấn        | 24/02/2007 | Toán    | 10   | THPT Phan Đình Phùng       | 6.5       | 1.06          | 25     | HCB        |         |
| 874 | TO0053 | Nguyễn Thị Thảo Nguyên  | 10/09/2007 | Toán    | 10   | THPT Trần Hưng Đạo         | 6.5       | 1.17          | 26     | HCB        |         |
| 875 | TO0040 | Nguyễn Phước Lâm        | 16/10/2007 | Toán    | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 6.5       | 1.24          | 27     | HCB        |         |
| 876 | TO0071 | Trịnh Lê Thành          | 12/05/2007 | Toán    | 10   | THPT DTNT N' Trang Long    | 6         | 1.12          | 28     | HCB        |         |
| 877 | TO0084 | Hồ Viết Tiến            | 23/07/2007 | Toán    | 10   | THPT Phan Đình Phùng       | 6         | 1.12          | 28     | HCB        |         |
| 878 | TO0014 | Nguyễn Thái Dương       | 12/04/2007 | Toán    | 10   | THPT Nguyễn Tất Thành      | 6         | 1.41          | 30     | HCB        |         |
| 879 | TO0062 | Nguyễn Tấn Phước        | 06/12/2007 | Toán    | 10   | THPT Phan Chu Trinh        | 6         | 1.41          | 30     | HCB        |         |
| 880 | TO0092 | Phạm Quốc Trung         | 19/04/2007 | Toán    | 10   | THPT Hùng Vương            | 5.75      | 0.94          | 32     | HCB        |         |
| 881 | TO0058 | Võ Thị Yến Nhi          | 19/03/2007 | Toán    | 10   | THPT Krông Ana             | 5.75      | 1.00          | 33     | HCB        |         |
| 882 | TO0047 | Nguyễn Văn Minh         | 21/12/2006 | Toán    | 10   | THPT Lê Hữu Trác           | 5.5       | 0.93          | 34     | HCB        |         |
| 883 | TO0098 | Lưu Chí Vỹ              | 23/06/2007 | Toán    | 10   | TH, THCS & THPT Victory    | 5.5       | 1.06          | 35     | HCB        |         |
| 884 | TO0035 | Trần Nguyễn Đăng Khoa   | 26/01/2007 | Toán    | 10   | THPT Y Jut                 | 5.5       | 1.10          | 36     | HCB        |         |
| 885 | TO0076 | Võ Thu Thảo             | 26/10/2007 | Toán    | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 5.5       | 1.27          | 37     | HCB        |         |
| 886 | TO0004 | Trừ Nhất Anh            | 28/01/2007 | Toán    | 10   | THPT Ea Rôk                | 5.5       | 1.30          | 38     | HCB        |         |
| 887 | TO0089 | Trương Đoàn Kiều Trinh  | 27/08/2007 | Toán    | 10   | THPT Lê Hữu Trác           | 5.25      | 1.08          | 39     | HCB        |         |
| 888 | TO0042 | Nguyễn Ngọc Phương Linh | 06/06/2007 | Toán    | 10   | THPT Lê Quý Đôn            | 5.25      | 1.10          | 40     | HCB        |         |
| 889 | TO0010 | Nguyễn Thùy Dung        | 06/03/2007 | Toán    | 10   | THPT Ngô Gia Tự            | 5.25      | 1.19          | 41     | HCB        |         |
| 890 | TO0006 | Phan Lê Quỳnh Anh       | 06/05/2007 | Toán    | 10   | THPT Tôn Đức Thắng         | 5         | 1.11          | 42     | HCB        |         |



| STT | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|------------------------|------------|---------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 891 | TO0074 | Nguyễn Phương Thảo     | 26/08/2007 | Toán    | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên | 5         | 1.11          | 42     | HCB        |         |
| 892 | TO0060 | Nguyễn Văn Phúc        | 13/11/2007 | Toán    | 10   | THPT Buôn Ma Thuột        | 5         | 1.11          | 42     | HCB        |         |
| 893 | TO0087 | Nguyễn Thị Ngọc Trâm   | 27/02/2007 | Toán    | 10   | THPT Trần Hưng Đạo        | 5         | 1.11          | 42     | HCB        |         |
| 894 | TO0085 | Nguyễn Hữu Toàn        | 13/06/2007 | Toán    | 10   | THPT Krông Ana            | 4.75      | 1.12          | 46     | HCB        |         |
| 895 | TO0030 | Nguyễn Thị Khánh Huyền | 16/11/2007 | Toán    | 10   | THPT Nguyễn Huệ           | 4.5       | 0.95          | 47     | HCB        |         |
| 896 | TO0028 | Dương Trần Bảo Huy     | 26/06/2007 | Toán    | 10   | THPT Trần Quốc Toàn       | 4.5       | 0.95          | 47     | HCB        |         |
| 897 | TO0044 | Lê Thị Ngọc Mai        | 02/04/2007 | Toán    | 10   | THPT Nguyễn Văn Cừ        | 4.5       | 0.95          | 47     | HCB        |         |
| 898 | TO0061 | Phạm Thảo Phương       | 09/08/2007 | Toán    | 10   | THPT Buôn Hồ              | 4.5       | 1.07          | 50     | HCB        |         |
| 899 | TO0033 | Nguyễn Công Hùng       | 15/12/2007 | Toán    | 10   | THPT Ngô Gia Tự           | 4.5       | 1.15          | 51     | HCB        |         |
| 900 | TO0015 | Nguyễn Hạnh Đan        | 14/10/2007 | Toán    | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng     | 4.5       | 1.15          | 51     | HCB        |         |
| 901 | TO0078 | Bùi Thiện Huy Thịnh    | 04/07/2007 | Toán    | 10   | THPT Nguyễn Huệ           | 4.5       | 1.15          | 51     | HCB        |         |
| 902 | TO0045 | Nguyễn Trần Phương Mai | 01/07/2007 | Toán    | 10   | THPT Nguyễn Văn Cừ        | 4         | 0.69          | 54     |            |         |
| 903 | TO0086 | Phan Thị Huyền Trang   | 03/05/2007 | Toán    | 10   | THPT Võ Nguyên Giáp       | 4         | 0.80          | 55     |            |         |
| 904 | TO0026 | Hồ Thị Thu Hoài        | 21/02/2007 | Toán    | 10   | THPT Trường Chinh         | 4         | 0.94          | 56     |            |         |
| 905 | TO0027 | Dương Văn Huy Hoàng    | 08/11/2007 | Toán    | 10   | THPT Buôn Ma Thuột        | 4         | 0.99          | 57     |            |         |
| 906 | TO0095 | Lê Quang Tùng          | 17/06/2007 | Toán    | 10   | THPT Quang Trung          | 4         | 0.99          | 57     |            |         |
| 907 | TO0037 | Võ Việt Khuê           | 31/08/2007 | Toán    | 10   | THPT Buôn Ma Thuột        | 4         | 1.11          | 59     |            |         |
| 908 | TO0001 | Hồ Đăng An             | 09/06/2007 | Toán    | 10   | THPT Cư M'gar             | 4         | 1.11          | 59     |            |         |
| 909 | TO0018 | Đỗ Nguyệt Hanh         | 06/01/2007 | Toán    | 10   | THPT Krông Bông           | 4         | 1.11          | 59     |            |         |
| 910 | TO0031 | Trần Thị Lệ Huyền      | 12/11/2007 | Toán    | 10   | THPT Buôn Hồ              | 3.5       | 0.84          | 62     |            |         |
| 911 | TO0020 | Lê Quang Hải           | 11/03/2007 | Toán    | 10   | THPT Ea Rôk               | 3.5       | 0.84          | 62     |            |         |
| 912 | TO0017 | Võ Hoàng Đạt           | 25/07/2007 | Toán    | 10   | THPT Trường Chinh         | 3.5       | 1.10          | 64     |            |         |
| 913 | TO0079 | Nguyễn Tấn Thịnh       | 29/05/2007 | Toán    | 10   | TH, THCS & THPT Victory   | 3.5       | 1.10          | 64     |            |         |
| 914 | TO0066 | Trịnh Minh Sự          | 30/06/2007 | Toán    | 10   | THPT Krông Bông           | 3         | 0.58          | 66     |            |         |
| 915 | TO0083 | Nguyễn Quỳnh Thương    | 26/12/2007 | Toán    | 10   | THPT Lê Hữu Trác          | 3         | 0.58          | 66     |            |         |
| 916 | TO0073 | Trần Vũ Hải Thắng      | 19/04/2007 | Toán    | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm    | 3         | 0.71          | 68     |            |         |
| 917 | TO0082 | Hồ Hoài Thương         | 16/02/2007 | Toán    | 10   | THPT Quang Trung          | 3         | 0.71          | 68     |            |         |
| 918 | TO0088 | Nguyễn Đoàn Bá Trinh   | 23/10/2007 | Toán    | 10   | THPT Nguyễn Tất Thành     | 3         | 0.71          | 68     |            |         |

| STT | SBD    | Họ và tên            | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường              | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|----------------------|------------|---------|------|-------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 919 | TO0039 | Vũ Văn Kiên          | 25/03/2007 | Toán    | 10   | THPT Nguyễn Tất Thành   | 3         | 0.76          | 71     |            |         |
| 920 | TO0002 | Trần Đình Hoàng Anh  | 24/08/2007 | Toán    | 10   | THPT Lăk                | 3         | 1.12          | 72     |            |         |
| 921 | TO0012 | Mai Minh Duy         | 09/12/2007 | Toán    | 10   | THPT Lê Quý Đôn         | 3         | 1.12          | 72     |            |         |
| 922 | TO0075 | Nguyễn Thu Thảo      | 13/04/2007 | Toán    | 10   | THPT Phan Chu Trinh     | 3         | 1.12          | 72     |            |         |
| 923 | TO0043 | Dương Nguyễn Lộc     | 27/06/2007 | Toán    | 10   | THPT Hồng Đức           | 2.5       | 0.53          | 75     |            |         |
| 924 | TO0046 | Lộc Thị Mến          | 12/03/2007 | Toán    | 10   | THPT DTNT Đam San       | 2.5       | 0.53          | 75     |            |         |
| 925 | TO0090 | Trần Thị Kiều Trinh  | 02/02/2007 | Toán    | 10   | THPT Trần Quốc Toàn     | 2.5       | 0.61          | 77     |            |         |
| 926 | TO0036 | Đặng Tô Khoa         | 29/03/2007 | Toán    | 10   | THPT DTNT N' Trang Long | 2.5       | 0.73          | 78     |            |         |
| 927 | TO0011 | Nguyễn Võ Lâm Duy    | 30/08/2007 | Toán    | 10   | THPT Lê Quý Đôn         | 2.5       | 0.73          | 78     |            |         |
| 928 | TO0007 | Hoàng Thị Kim Ánh    | 15/07/2007 | Toán    | 10   | THPT Quang Trung        | 2         | 0.55          | 80     |            |         |
| 929 | TO0016 | Nguyễn Đức Anh Đạt   | 13/05/2007 | Toán    | 10   | THPT Hùng Vương         | 2         | 0.75          | 81     |            |         |
| 930 | TO0029 | Nguyễn Minh Huy      | 11/04/2007 | Toán    | 10   | THPT Lê Duẩn            | 1.5       | 0.56          | 82     |            |         |
| 931 | TO0003 | Nguyễn Minh Anh      | 14/01/2007 | Toán    | 10   | THPT Chu Văn An         | 1.5       | 0.56          | 82     |            |         |
| 932 | TO0013 | Mai Đào Trung Dũng   | 09/09/2007 | Toán    | 10   | THPT Phan Đăng Lưu      | 1.5       | 0.56          | 82     |            |         |
| 933 | TO0067 | Trịnh Tấn Tài        | 19/02/2007 | Toán    | 10   | TH, THCS & THPT Victory | 1.5       | 0.56          | 82     |            |         |
| 934 | TO0081 | Phan Nhật Thanh Thùy | 27/09/2007 | Toán    | 10   | THPT Krông Ana          | 1.5       | 0.56          | 82     |            |         |
| 935 | TO0057 | Trần Thị Yến Nhi     | 10/11/2007 | Toán    | 10   | THPT Trần Hưng Đạo      | 1.5       | 0.56          | 82     |            |         |
| 936 | TO0022 | Cao Thị Hiếu         | 11/11/2007 | Toán    | 10   | THPT Hồng Đức           | 0.75      | 0.19          | 88     |            |         |
| 937 | TO0008 | Nguyễn Lê Gia Bảo    | 10/04/2007 | Toán    | 10   | THPT Chu Văn An         | 0.75      | 0.19          | 88     |            |         |
| 938 | TO0024 | Hà Quang Hiệp        | 30/01/2007 | Toán    | 10   | THPT Y Jut              | 0.5       | 0.19          | 90     |            |         |
| 939 | TO0019 | Phan Đức Hải         | 12/09/2007 | Toán    | 10   | THPT Tôn Đức Thắng      | 0.5       | 0.19          | 90     |            |         |
| 940 | TO0068 | Nguyễn Tiến Tài      | 12/12/2007 | Toán    | 10   | THPT Y Jut              | 0.5       | 0.19          | 90     |            |         |
| 941 | TO0077 | Vy Đức Thịnh         | 10/01/2007 | Toán    | 10   | THPT DTNT Đam San       | 0.5       | 0.19          | 90     |            |         |
| 942 | TO0050 | Trần Minh Bảo Ngân   | 06/03/2007 | Toán    | 10   | THPT Hồng Đức           | 0.5       | 0.19          | 90     |            |         |
| 943 | TO0091 | Đặng Minh Trung      | 13/06/2007 | Toán    | 10   | THPT Phan Chu Trinh     | 0.5       | 0.19          | 90     |            |         |
| 944 | TO0021 | Nguyễn Trần Hào Hiếu | 02/08/2006 | Toán    | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm  | 0         | 0.00          | 96     |            |         |
| 945 | TO0056 | Nguyễn Nữ Khánh Nhi  | 01/09/2007 | Toán    | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng   | 0         | 0.00          | 96     |            |         |
| 946 | VL0073 | Lâm Ngọc Phước       | 25/06/2007 | Vật lí  | 10   | THCS & THPT Đông Du     | 17.75     | 0.76          | 1      | HCV        |         |

| STT | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|-----|--------|------------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 947 | VL0033 | Hoàng Thị Mai Hồng     | 01/03/2007 | Vật lí  | 10   | THCS & THPT Đông Du        | 17.5      | 0.69          | 2      | HCV        |         |
| 948 | VL0016 | Đinh Nguyễn Văn Dũng   | 01/03/2007 | Vật lí  | 10   | THCS & THPT Đông Du        | 16.25     | 0.85          | 3      | HCV        |         |
| 949 | VL0088 | Lê Nguyễn Đức Thịnh    | 05/11/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Phạm Văn Đồng         | 15        | 0.99          | 4      | HCV        |         |
| 950 | VL0060 | Đậu Bá Hoàng Nguyên    | 12/12/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Phạm Văn Đồng         | 13.5      | 1.15          | 5      | HCV        |         |
| 951 | VL0040 | Nguyễn Bảo Khang       | 21/03/2007 | Vật lí  | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 13.25     | 1.15          | 6      | HCV        |         |
| 952 | VL0053 | Trần Việt Nam          | 12/09/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Lê Quý Đôn            | 13.25     | 1.16          | 7      | HCV        |         |
| 953 | VL0090 | Nguyễn Hiếu Thuận      | 13/07/2007 | Vật lí  | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 13        | 0.72          | 8      | HCV        |         |
| 954 | VL0019 | Nguyễn Hồng Đức        | 01/02/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Chu Văn An            | 12.75     | 0.64          | 9      | HCV        |         |
| 955 | VL0084 | Nguyễn Bá Thắng        | 01/11/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Nguyễn Thái Bình      | 12.75     | 1.21          | 10     | HCV        |         |
| 956 | VL0046 | Nguyễn Phạm Huyền Linh | 26/03/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 12.5      | 1.23          | 11     | HCV        |         |
| 957 | VL0041 | Đặng Hoàng Khang       | 02/01/2007 | Vật lí  | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 12        | 0.80          | 12     | HCV        |         |
| 958 | VL0018 | Phạm Hải Đường         | 27/09/2007 | Vật lí  | 10   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 12        | 1.20          | 13     | HCV        |         |
| 959 | VL0031 | Nguyễn Văn Hoàng       | 24/10/2007 | Vật lí  | 10   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 11.75     | 0.83          | 14     | HCV        |         |
| 960 | VL0006 | Nguyễn Tâm Anh         | 02/09/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Nguyễn Thị Minh Khai  | 11.75     | 0.96          | 15     | HCV        |         |
| 961 | VL0045 | Lại Nguyễn Thanh Lâm   | 18/03/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Ngô Gia Tự            | 11.5      | 1.05          | 16     | HCV        |         |
| 962 | VL0096 | Trần Trọng Duy Trường  | 18/11/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Hùng Vương            | 11.5      | 1.24          | 17     | HCB        |         |
| 963 | VL0063 | Nguyễn Xuân Nguyên     | 14/06/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Ngô Gia Tự            | 11.25     | 1.00          | 18     | HCB        |         |
| 964 | VL0024 | Hoàng Gia Hân          | 08/10/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Y Jut                 | 11        | 1.11          | 19     | HCB        |         |
| 965 | VL0071 | Trần Vũ Gia Phúc       | 20/07/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Quang Trung           | 10.75     | 1.21          | 20     | HCB        |         |
| 966 | VL0043 | Đỗ Lê Vỹ Kiệt          | 01/09/2007 | Vật lí  | 10   | TH, THCS & THPT Victory    | 10.75     | 1.30          | 21     | HCB        |         |
| 967 | VL0027 | Trần Ngô Gia Hiếu      | 19/09/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Buôn Ma Thuột         | 10.5      | 1.25          | 22     | HCB        |         |
| 968 | VL0014 | Vũ Hữu Duy             | 13/01/2007 | Vật lí  | 10   | TH, THCS & THPT Victory    | 10.5      | 1.33          | 23     | HCB        |         |
| 969 | VL0072 | Bùi Hồng Phúc          | 12/03/2007 | Vật lí  | 10   | PTDTNT Tây Nguyên          | 10.25     | 1.11          | 24     | HCB        |         |
| 970 | VL0107 | Đặng Như Ý             | 03/09/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Ea H'leo              | 10        | 1.02          | 25     | HCB        |         |
| 971 | VL0013 | Ma Thị Ngọc Diễm       | 13/08/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Trần Đại Nghĩa        | 10        | 1.04          | 26     | HCB        |         |
| 972 | VL0051 | Hoàng Võ Nhật Nam      | 24/01/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 10        | 1.27          | 27     | HCB        |         |
| 973 | VL0089 | Hoàng Gia Thịnh        | 10/05/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Hùng Vương            | 10        | 1.29          | 28     | HCB        |         |
| 974 | VL0050 | Lê Quang Minh          | 27/02/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 9.75      | 1.22          | 29     | HCB        |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên               | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|-------------------------|------------|---------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 975  | VL0011 | Trịnh Quốc Bảo          | 01/02/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Nguyễn Công Trứ      | 9.75      | 1.40          | 30     | HCB        |         |
| 976  | VL0094 | Trần Duy Toàn           | 10/11/2007 | Vật lí  | 10   | TH, THCS & THPT Victory   | 9.5       | 1.12          | 31     | HCB        |         |
| 977  | VL0101 | Lê Văn                  | 18/02/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Nguyễn Công Trứ      | 9.25      | 1.18          | 32     | HCB        |         |
| 978  | VL0009 | Trương Gia Bảo          | 15/05/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Lý Tự Trọng          | 9.25      | 1.37          | 33     | HCB        |         |
| 979  | VL0097 | Phạm Hoàng Anh Tuấn     | 28/09/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Phan Đăng Lưu        | 9         | 1.03          | 34     | HCB        |         |
| 980  | VL0092 | Trần Thị Thanh Thúy     | 04/03/2007 | Vật lí  | 10   | PTDTNT Tây Nguyên         | 9         | 1.39          | 35     | HCB        |         |
| 981  | VL0007 | Trần Tiến Anh           | 28/03/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên | 8.75      | 1.27          | 36     | HCB        |         |
| 982  | VL0010 | Huỳnh Nguyên Bảo        | 03/03/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Krông Ana            | 8.75      | 1.31          | 37     | HCB        |         |
| 983  | VL0020 | Nguyễn Kỳ Đức           | 19/12/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Trần Quang Khải      | 8.75      | 1.34          | 38     | HCB        |         |
| 984  | VL0002 | Võ Văn Trường An        | 03/04/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Phạm Văn Đồng        | 8.75      | 1.50          | 39     | HCB        |         |
| 985  | VL0005 | Phan Thị Mỹ Anh         | 29/07/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Lăk                  | 8.5       | 0.61          | 40     | HCB        |         |
| 986  | VL0047 | Nguyễn Ngọc Phương Linh | 24/09/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Tôn Đức Thắng        | 8.5       | 0.96          | 41     | HCB        |         |
| 987  | VL0038 | Nguyễn Tấn Huy          | 01/12/2007 | Vật lí  | 10   | PTDTNT Tây Nguyên         | 8.5       | 0.98          | 42     | HCB        |         |
| 988  | VL0015 | Lê Đình Quốc Dũng       | 17/07/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Trần Quốc Toàn       | 8.5       | 0.98          | 42     | HCB        |         |
| 989  | VL0061 | Nguyễn Bình Nam Nguyên  | 02/08/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Nguyễn Bình Khiêm    | 8.5       | 1.04          | 44     | HCB        |         |
| 990  | VL0026 | Lê Thị Thanh Hạnh       | 26/05/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Nguyễn Văn Cừ        | 8.5       | 1.18          | 45     | HCB        |         |
| 991  | VL0025 | Huỳnh Ngọc Hải          | 05/05/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Quang Trung          | 8.5       | 1.26          | 46     | HCB        |         |
| 992  | VL0106 | Nguyễn Trần Hải Yến     | 22/07/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Chu Văn An           | 8.25      | 0.79          | 47     | HCB        |         |
| 993  | VL0099 | Võ Quốc Tú              | 23/08/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Cư M'gar             | 8.25      | 0.95          | 48     | HCB        |         |
| 994  | VL0044 | Võ Thị Thanh Lam        | 30/01/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Trần Quốc Toàn       | 8.25      | 1.34          | 49     | HCB        |         |
| 995  | VL0082 | Trần Thanh Tâm          | 01/11/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Trần Quang Khải      | 8.25      | 1.38          | 50     | HCB        |         |
| 996  | VL0070 | Phạm Gia Phúc           | 13/03/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Buôn Đôn             | 8         | 0.86          | 51     | HCB        |         |
| 997  | VL0048 | Lê Hữu Sơn Linh         | 13/01/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Y Jut                | 8         | 0.98          | 52     | HCB        |         |
| 998  | VL0052 | Trần Phương Nam         | 23/05/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Cư M'gar             | 8         | 0.98          | 52     | HCB        |         |
| 999  | VL0049 | Nguyễn Trần Nhật Long   | 26/11/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Trần Quốc Toàn       | 8         | 1.30          | 54     | HCB        |         |
| 1000 | VL0062 | Đinh Trần Trọng Nguyên  | 02/09/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Ngô Gia Tự           | 7.75      | 0.91          | 55     | HCB        |         |
| 1001 | VL0056 | Nguyễn Bảo Ngọc         | 09/06/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Nguyễn Thị Minh Khai | 7.5       | 0.80          | 56     | HCB        |         |
| 1002 | VL0095 | Phan Thị Ngọc Trinh     | 20/09/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Lê Quý Đôn           | 7.5       | 0.89          | 57     | HCB        |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên            | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường            | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|----------------------|------------|---------|------|-----------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1003 | VL0064 | Phạm Minh Nhi        | 03/11/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Quang Trung      | 7.5       | 0.98          | 58     | HCB        |         |
| 1004 | VL0079 | Chu Văn Sang         | 03/08/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Trần Nhân Tông   | 7.5       | 1.12          | 59     |            |         |
| 1005 | VL0081 | Đặng Tấn Tài         | 16/04/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Buôn Hồ          | 7.5       | 1.34          | 60     |            |         |
| 1006 | VL0091 | Trần Ninh Thuận      | 17/10/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Y Jut            | 7         | 0.84          | 61     |            |         |
| 1007 | VL0065 | Nguyễn Hoàng Nữ Nhi  | 30/01/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng | 7         | 0.89          | 62     |            |         |
| 1008 | VL0087 | Lê Văn Diệu Thi      | 07/10/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Cư M'gar         | 7         | 1.00          | 63     |            |         |
| 1009 | VL0077 | Đỗ Thị Mai Quyên     | 11/05/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Ea Súp           | 7         | 1.11          | 64     |            |         |
| 1010 | VL0034 | Hà Mạnh Huân         | 23/04/2007 | Vật lí  | 10   | THPT DTNT Đam San     | 6.75      | 0.90          | 65     |            |         |
| 1011 | VL0078 | Phan Hữu Quyền       | 16/01/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Nguyễn Thái Bình | 6.75      | 0.93          | 66     |            |         |
| 1012 | VL0036 | Hồ Quốc Huy          | 07/08/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Nguyễn Văn Cừ    | 6.75      | 0.99          | 67     |            |         |
| 1013 | VL0067 | Nguyễn Quang Phát    | 23/02/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Hồng Đức         | 6.75      | 1.02          | 68     |            |         |
| 1014 | VL0058 | Phạm Thị Nguyên Ngọc | 27/12/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Ea H'leo         | 6.75      | 1.13          | 69     |            |         |
| 1015 | VL0085 | Bùi Lê Phương Thảo   | 01/04/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Huỳnh Thúc Kháng | 6.75      | 1.14          | 70     |            |         |
| 1016 | VL0023 | Văn Đức Hàng         | 12/04/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Hùng Vương       | 6.75      | 1.34          | 71     |            |         |
| 1017 | VL0069 | Chung Đại Phúc       | 26/07/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Buôn Ma Thuột    | 6.5       | 0.80          | 72     |            |         |
| 1018 | VL0104 | Võ Thị Đông Vy       | 26/11/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Krông Ana        | 6.5       | 0.82          | 73     |            |         |
| 1019 | VL0093 | Hồ Đắc Hoàng Thùy    | 24/01/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Chu Văn An       | 6.5       | 1.01          | 74     |            |         |
| 1020 | VL0080 | Trần Quốc Sáng       | 18/07/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Lý Tự Trọng      | 6.5       | 1.10          | 75     |            |         |
| 1021 | VL0021 | Nguyễn Mạnh Đức      | 28/07/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Buôn Ma Thuột    | 6.5       | 1.40          | 76     |            |         |
| 1022 | VL0100 | Nguyễn Thị Trà Vân   | 06/03/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Võ Văn Kiệt      | 6.25      | 0.81          | 77     |            |         |
| 1023 | VL0022 | Trần Thu Hà          | 01/07/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Nguyễn Trãi      | 6.25      | 1.05          | 78     |            |         |
| 1024 | VL0012 | Hồ Thị Kim Chi       | 04/01/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Nguyễn Trãi      | 6         | 0.95          | 79     |            |         |
| 1025 | VL0059 | Trần Bảo Nguyên      | 02/08/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Buôn Hồ          | 6         | 1.00          | 80     |            |         |
| 1026 | VL0032 | Hồ Xuân Hoàng        | 17/05/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Phan Đăng Lưu    | 6         | 1.23          | 81     |            |         |
| 1027 | VL0105 | Hoàng Ngọc Triều Vy  | 18/11/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Tôn Đức Thắng    | 5.75      | 0.64          | 82     |            |         |
| 1028 | VL0028 | Dương Trung Hiếu     | 27/06/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Nguyễn Trường Tộ | 5.75      | 0.76          | 83     |            |         |
| 1029 | VL0074 | Nông Thị Bích Phượng | 18/07/2007 | Vật lí  | 10   | THPT DTNT Đam San     | 5.75      | 0.77          | 84     |            |         |
| 1030 | VL0075 | Trần Minh Quang      | 09/03/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Lê Hữu Trác      | 5.5       | 0.80          | 85     |            |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên             | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|-----------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1031 | VL0037 | Nguyễn Quốc Huy       | 03/08/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Phan Chu Trinh        | 5.5       | 0.89          | 86     |            |         |
| 1032 | VL0008 | Nguyễn Tuấn Anh       | 28/11/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Trần Đại Nghĩa        | 5.25      | 1.00          | 87     |            |         |
| 1033 | VL0001 | Nguyễn Trần Thành An  | 01/01/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 5.25      | 1.08          | 88     |            |         |
| 1034 | VL0103 | Nguyễn Anh Vũ         | 29/04/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Nguyễn Thị Minh Khai  | 5.25      | 1.31          | 89     |            |         |
| 1035 | VL0083 | Đàm Thị Thắm          | 21/07/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Ea Súp                | 5         | 0.73          | 90     |            |         |
| 1036 | VL0054 | Nguyễn Thị Nguyệt Nga | 04/04/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Buôn Hồ               | 5         | 0.79          | 91     |            |         |
| 1037 | VL0066 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 02/11/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Krông Bông            | 4.75      | 0.80          | 92     |            |         |
| 1038 | VL0042 | Nguyễn Nguyên Khang   | 22/12/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Lê Hồng Phong         | 4.25      | 0.53          | 93     |            |         |
| 1039 | VL0003 | Bùi Duy Anh           | 18/06/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Lê Hữu Trác           | 4.25      | 0.89          | 94     |            |         |
| 1040 | VL0102 | Đào Thanh Vinh        | 17/01/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Phan Đăng Lưu         | 4         | 0.89          | 95     |            |         |
| 1041 | VL0057 | Lê Minh Ngọc          | 17/02/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Việt Đức              | 3.5       | 0.93          | 96     |            |         |
| 1042 | VL0017 | Phạm Hoàng Dương      | 21/05/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Lê Quý Đôn            | 3.25      | 0.71          | 97     |            |         |
| 1043 | VL0039 | Hồ Lê Thu Huyền       | 24/04/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Krông Ana             | 2.75      | 0.71          | 98     |            |         |
| 1044 | VL0029 | Nguyễn Viêt Khải Hoàn | 20/01/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Việt Đức              | 2.5       | 0.73          | 99     |            |         |
| 1045 | VL0098 | Lê Thị Cẩm Tú         | 20/11/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Trần Nhân Tông        | 2.25      | 0.35          | 100    |            |         |
| 1046 | VL0035 | Lưu Đăng Huy          | 30/06/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Lê Hữu Trác           | 2         | 0.34          | 101    |            |         |
| 1047 | VL0055 | Nguyễn Đức Nghĩa      | 22/08/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Hồng Đức              | 1.5       | 0.25          | 102    |            |         |
| 1048 | VL0068 | Nguyễn Tiến Phát      | 31/08/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Lê Hồng Phong         | 1.5       | 0.29          | 103    |            |         |
| 1049 | VL0004 | Nguyễn Tạ Minh Anh    | 08/01/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Lê Hồng Phong         | 1         | 0.19          | 104    |            |         |
| 1050 | VL0076 | Trần Minh Quang       | 24/05/2007 | Vật lí  | 10   | THPT Việt Đức              | 0.75      | 0.19          | 105    |            |         |
| 1051 | DI1033 | Ngô Quốc Huy          | 07/02/2006 | Địa lí  | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 18        | 0.25          | 1      | HCV        |         |
| 1052 | DI1048 | Đỗ Hoàng Ngân         | 09/09/2006 | Địa lí  | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 17.5      | 0.39          | 2      | HCV        |         |
| 1053 | DI1053 | Phan Hồ Khánh Ngọc    | 30/05/2006 | Địa lí  | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 16.25     | 0.52          | 3      | HCV        |         |
| 1054 | DI1007 | Đinh Thị Hoài Bảo     | 21/02/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Cư M'gar              | 13.5      | 0.68          | 4      | HCV        |         |
| 1055 | DI1032 | Phạm Đình Quang Huy   | 05/11/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 13.25     | 0.54          | 5      | HCV        |         |
| 1056 | DI1037 | H'Quyên Hwing         | 21/03/2006 | Địa lí  | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 13        | 0.44          | 6      | HCV        |         |
| 1057 | DI1072 | Lê Anh Quân           | 24/03/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Buôn Ma Thuột         | 12.75     | 0.29          | 7      | HCV        |         |
| 1058 | DI1054 | Võ Thị Phương Ngọc    | 10/10/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Buôn Ma Thuột         | 12.75     | 0.33          | 8      | HCV        |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|------------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1059 | DI1011 | Nguyễn Thị Chi         | 08/01/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Trần Quốc Toản        | 12.75     | 0.56          | 9      | HCV        |         |
| 1060 | DI1085 | Nguyễn Văn Toán        | 19/02/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Phan Đình Phùng       | 12.75     | 0.71          | 10     | HCV        |         |
| 1061 | DI1098 | Trần Thị Hải Yến       | 09/04/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Cư M'gar              | 12.5      | 0.50          | 11     | HCV        |         |
| 1062 | DI1024 | Nguyễn Thị Hằng        | 18/03/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Lê Hữu Trác           | 12.5      | 0.57          | 12     | HCV        |         |
| 1063 | DI1101 | H Zen ly Ktla          | 11/12/2006 | Địa lí  | 11   | THPT DTNT N' Trang Long    | 12.25     | 0.37          | 13     | HCV        |         |
| 1064 | DI1059 | Đinh Thị Thảo Nhi      | 16/02/2006 | Địa lí  | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 12.25     | 0.53          | 14     | HCV        |         |
| 1065 | DI1028 | Lê Trí Hoàng           | 18/09/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Trần Nhân Tông        | 12.25     | 0.56          | 15     | HCV        |         |
| 1066 | DI1061 | Đậu Thị Yến Nhi        | 20/09/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Trần Quang Khải       | 12.25     | 0.62          | 16     | HCB        |         |
| 1067 | DI1006 | Nguyễn Thị Minh Anh    | 02/11/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Buôn Ma Thuột         | 12.25     | 0.68          | 17     | HCB        |         |
| 1068 | DI1068 | Cao Tiến Phát          | 02/06/2006 | Địa lí  | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 12        | 0.46          | 18     | HCB        |         |
| 1069 | DI1074 | Dương Danh Hoàng Quý   | 28/04/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Chu Văn An            | 12        | 0.51          | 19     | HCB        |         |
| 1070 | DI1073 | Phan Cường Quốc        | 29/05/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Phan Đình Phùng       | 12        | 0.56          | 20     | HCB        |         |
| 1071 | DI1062 | Lê Yến Nhi             | 01/01/2006 | Địa lí  | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 12        | 0.66          | 21     | HCB        |         |
| 1072 | DI1012 | Vương Thị Chi          | 21/02/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Trần Đại Nghĩa        | 11.75     | 0.60          | 22     | HCB        |         |
| 1073 | DI1025 | Nguyễn Thị Thúy Hằng   | 06/07/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Cao Bá Quát           | 11.75     | 0.77          | 23     | HCB        |         |
| 1074 | DI1042 | Thái Thùy Linh         | 20/11/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Chu Văn An            | 11.75     | 0.92          | 24     | HCB        |         |
| 1075 | DI1002 | Hoàng Thị An           | 02/02/2006 | Địa lí  | 11   | THPT DTNT N' Trang Long    | 11.25     | 0.22          | 25     | HCB        |         |
| 1076 | DI1013 | Nguyễn Hoàng Thùy Diệu | 09/02/2006 | Địa lí  | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 11.25     | 0.45          | 26     | HCB        |         |
| 1077 | DI1057 | Nhữ Thị Thu Nguyệt     | 10/05/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Chu Văn An            | 11.25     | 0.81          | 27     | HCB        |         |
| 1078 | DI1018 | Đặng Thùy Dương        | 01/08/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 11        | 0.46          | 28     | HCB        |         |
| 1079 | DI1022 | Lê Thị Thu Hà          | 02/01/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Krông Ana             | 11        | 0.71          | 29     | HCB        |         |
| 1080 | DI1020 | Nguyễn Thị Ngọc Hà     | 02/02/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Tôn Đức Thắng         | 10.75     | 0.46          | 30     | HCB        |         |
| 1081 | DI1090 | Hoàng Nữ Bội Trân      | 08/02/2006 | Địa lí  | 11   | TH, THCS & THPT Victory    | 10.75     | 0.78          | 31     | HCB        |         |
| 1082 | DI1083 | Nguyễn Thị Minh Thư    | 25/11/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Tôn Đức Thắng         | 10.5      | 0.56          | 32     | HCB        |         |
| 1083 | DI1079 | Nguyễn Bảo Thanh       | 10/12/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Krông Ana             | 10.5      | 0.56          | 32     | HCB        |         |
| 1084 | DI1070 | Nguyễn Thị Phương      | 28/05/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Lắk                   | 10.25     | 0.29          | 34     | HCB        |         |
| 1085 | DI1086 | Đinh Quang Toàn        | 16/08/2005 | Địa lí  | 11   | THPT Trần Hưng Đạo         | 10.25     | 0.43          | 35     | HCB        |         |
| 1086 | DI1049 | Phan Nam Ngạn          | 06/03/2006 | Địa lí  | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 10.25     | 0.68          | 36     | HCB        |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|------------------------|------------|---------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1087 | DI1031 | Mô Thị Bách Hợp        | 28/05/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Hùng Vương           | 9.75      | 0.37          | 37     | HCB        |         |
| 1088 | DI1096 | Phạm Thị Tường Vi      | 17/11/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Hùng Vương           | 9.75      | 0.43          | 38     | HCB        |         |
| 1089 | DI1040 | Hoàng Thị Lâm          | 14/08/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Võ Nguyên Giáp       | 9.75      | 0.58          | 39     | HCB        |         |
| 1090 | DI1041 | Nguyễn Thục Linh       | 07/05/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Ea H'leo             | 9.75      | 0.66          | 40     | HCB        |         |
| 1091 | DI1021 | Phạm Ngọc Hà           | 08/05/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Nguyễn Tất Thành     | 9.75      | 0.68          | 41     | HCB        |         |
| 1092 | DI1092 | Nguyễn Đình Trọng      | 13/10/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Lê Hữu Trác          | 9.75      | 0.70          | 42     | HCB        |         |
| 1093 | DI1034 | Hoàng Thị Khánh Huyền  | 02/09/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Việt Đức             | 9.75      | 1.00          | 43     | HCB        |         |
| 1094 | DI1038 | Trần Mai Kha           | 21/10/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Lê Quý Đôn           | 9.5       | 0.46          | 44     | HCB        |         |
| 1095 | DI1045 | Nguyễn Thị Diệu Mến    | 24/02/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Trần Quốc Toản       | 9.5       | 0.51          | 45     | HCB        |         |
| 1096 | DI1005 | Nguyễn Thị Lan Anh     | 14/08/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Phạm Văn Đồng        | 9.5       | 0.60          | 46     | HCB        |         |
| 1097 | DI1051 | Mai Thị Bích Ngọc      | 02/10/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Trần Quốc Toản       | 9.5       | 0.70          | 47     | HCB        |         |
| 1098 | DI1055 | Trần Song Ngọc         | 12/11/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Cư M'gar             | 9.5       | 0.82          | 48     | HCB        |         |
| 1099 | DI1067 | Nghiêm Chí Phát        | 08/03/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Hồng Đức             | 9.25      | 0.54          | 49     | HCB        |         |
| 1100 | DI1003 | Võ Phạm Kiều Anh       | 25/03/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Lê Hữu Trác          | 9.25      | 0.54          | 49     | HCB        |         |
| 1101 | DI1044 | Nguyễn Nhật Thảo Ly    | 27/10/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Nguyễn Công Trứ      | 9.25      | 0.80          | 51     | HCB        |         |
| 1102 | DI1026 | Hoàng Minh Hải         | 15/01/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Nguyễn Huệ           | 9.25      | 0.97          | 52     | HCB        |         |
| 1103 | DI1084 | Nguyễn Thị Tĩnh        | 30/10/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Võ Văn Kiệt          | 9         | 0.33          | 53     | HCB        |         |
| 1104 | DI1039 | Dương Nguyễn Gia Khang | 02/07/2006 | Địa lí  | 11   | TH, THCS & THPT Victory   | 9         | 0.33          | 53     | HCB        |         |
| 1105 | DI1081 | Nguyễn Tá Thọ          | 14/01/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên | 9         | 0.46          | 55     | HCB        |         |
| 1106 | DI1046 | Trần Châu Hạ My        | 08/07/2006 | Địa lí  | 11   | THPT DTNT N' Trang Long   | 9         | 0.58          | 56     |            |         |
| 1107 | DI1029 | Lành Văn Hoàng         | 20/07/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Nguyễn Thái Bình     | 9         | 0.86          | 57     |            |         |
| 1108 | DI1017 | Trần Thị Ánh Dương     | 09/06/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Ea Súp               | 9         | 1.02          | 58     |            |         |
| 1109 | DI1027 | Trần Tấn Hoàng         | 26/11/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Lê Quý Đôn           | 8.75      | 0.50          | 59     |            |         |
| 1110 | DI1043 | Nguyễn Cẩm Ly          | 20/11/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Trần Phú             | 8.5       | 0.58          | 60     |            |         |
| 1111 | DI1050 | Mai Thị Bích Ngọc      | 17/02/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Trần Đại Nghĩa       | 8.5       | 0.70          | 61     |            |         |
| 1112 | DI1088 | Nguyễn Thị Minh Trang  | 30/04/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Ea Súp               | 8.5       | 0.71          | 62     |            |         |
| 1113 | DI1066 | Vừ Thị Phang           | 07/04/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Nguyễn Chí Thanh     | 8.5       | 1.26          | 63     |            |         |
| 1114 | DI1036 | Phan Khánh Hưng        | 01/08/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Trần Quang Khải      | 8.25      | 0.30          | 64     |            |         |



| STT  | SBD    | Họ và tên             | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|-----------------------|------------|---------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1115 | DI1087 | Hoàng Thị Khánh Trang | 07/07/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Nguyễn Thái Bình     | 8.25      | 0.46          | 65     |            |         |
| 1116 | DI1077 | Châu Thị Quỳnh        | 10/02/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Trần Phú             | 8.25      | 0.46          | 65     |            |         |
| 1117 | DI1008 | Nguyễn Mậu Tuấn Cảnh  | 12/01/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Tôn Đức Thắng        | 8.25      | 0.66          | 67     |            |         |
| 1118 | DI1035 | Phạm Quang Hùng       | 29/08/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Ngô Gia Tự           | 8.25      | 0.75          | 68     |            |         |
| 1119 | DI1058 | Nguyễn Thanh Nhân     | 20/01/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Võ Nguyên Giáp       | 8.25      | 0.90          | 69     |            |         |
| 1120 | DI1052 | Nguyễn Thị Bích Ngọc  | 23/09/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Võ Văn Kiệt          | 8         | 0.37          | 70     |            |         |
| 1121 | DI1075 | Vũ Thị Mai Quỳnh      | 01/11/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Y Jut                | 8         | 0.58          | 71     |            |         |
| 1122 | DI1015 | Tô Thị Duyên          | 08/01/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Phan Chu Trinh       | 8         | 0.77          | 72     |            |         |
| 1123 | DI1078 | Lê Thị Thu Tâm        | 12/10/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Y Jut                | 8         | 0.82          | 73     |            |         |
| 1124 | DI1082 | Lê Thị Thùy           | 17/09/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Nguyễn Huệ           | 8         | 0.86          | 74     |            |         |
| 1125 | DI1089 | Nguyễn Thị Ngọc Trâm  | 07/03/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Phạm Văn Đồng        | 7.75      | 0.53          | 75     |            |         |
| 1126 | DI1091 | Nguyễn Thị Thúy Trinh | 15/05/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Việt Đức             | 7.75      | 0.62          | 76     |            |         |
| 1127 | DI1060 | Nguyễn Thị Tú Nhi     | 09/03/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Hồng Đức             | 7.5       | 0.61          | 77     |            |         |
| 1128 | DI1099 | Ngô Minh Như Ý        | 08/09/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Buôn Đôn             | 7.5       | 0.96          | 78     |            |         |
| 1129 | DI1001 | Trương Ngọc Ánh       | 19/11/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Võ Nguyên Giáp       | 7.25      | 0.60          | 79     |            |         |
| 1130 | DI1071 | Huỳnh Văn Quang       | 22/03/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Phan Bội Châu        | 7.25      | 0.83          | 80     |            |         |
| 1131 | DI1093 | Hồ Minh Trường        | 03/10/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Nguyễn Công Trứ      | 7         | 0.60          | 81     |            |         |
| 1132 | DI1056 | Võ Thành Nguyên       | 06/12/2006 | Địa lí  | 11   | PTDTNT Tây Nguyên         | 7         | 0.82          | 82     |            |         |
| 1133 | DI1069 | Hoàng Lê Mai Phương   | 04/08/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Cao Bá Quát          | 7         | 0.85          | 83     |            |         |
| 1134 | DI1004 | Đặng Thị Lan Anh      | 24/05/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Trường Chinh         | 6.75      | 0.68          | 84     |            |         |
| 1135 | DI1064 | H' Ô Niê              | 16/02/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Nguyễn Thị Minh Khai | 6.75      | 0.92          | 85     |            |         |
| 1136 | DI1095 | Huỳnh Thị Phương Uyên | 09/10/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Krông Ana            | 6.5       | 0.33          | 86     |            |         |
| 1137 | DI1014 | Nguyễn Tiến Duy       | 24/01/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Buôn Đôn             | 6.25      | 0.47          | 87     |            |         |
| 1138 | DI1076 | Lại Thanh Ngọc Quỳnh  | 15/04/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Ngô Gia Tự           | 6.25      | 0.57          | 88     |            |         |
| 1139 | DI1010 | Chang Thị Quỳnh Chi   | 17/11/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Trường Chinh         | 6         | 0.75          | 89     |            |         |
| 1140 | DI1063 | Bàn Thị Hoài Nhiên    | 22/05/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Trần Đại Nghĩa       | 6         | 0.78          | 90     |            |         |
| 1141 | DI1023 | Hoàng Gia Hân         | 12/09/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Lê Quý Đôn           | 6         | 0.90          | 91     |            |         |
| 1142 | DI1019 | Đào Minh Đức          | 22/04/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Nguyễn Chí Thanh     | 5.75      | 0.80          | 92     |            |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|------------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1143 | DI1016 | Vũ Thị Tố Duyên        | 03/02/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Lăk                   | 5.5       | 0.96          | 93     |            |         |
| 1144 | DI1047 | Hà Thị Trà My          | 21/10/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Phan Chu Trinh        | 4.75      | 0.43          | 94     |            |         |
| 1145 | DI1094 | Nguyễn Hữu Anh Tuấn    | 10/04/2006 | Địa lí  | 11   | PTDTNT Tây Nguyên          | 4.75      | 0.53          | 95     |            |         |
| 1146 | DI1030 | Tổng Việt Hoàng        | 09/07/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Nguyễn Trường Tộ      | 4.5       | 0.51          | 96     |            |         |
| 1147 | DI1009 | Nguyễn Văn Châu        | 10/01/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Nguyễn Thị Minh Khai  | 4.5       | 0.68          | 97     |            |         |
| 1148 | DI1065 | Nguyễn Thị Thục Oanh   | 06/06/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 4         | 0.60          | 98     |            |         |
| 1149 | DI1097 | Trần Ngọc Tuấn Vỹ      | 24/08/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 3.75      | 0.63          | 99     |            |         |
| 1150 | DI1080 | Đình Thanh Thiên       | 29/08/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Nguyễn Trường Tộ      | 2.75      | 0.37          | 100    |            |         |
| 1151 | DI1100 | Võ Thị Như Ý           | 20/08/2006 | Địa lí  | 11   | THPT Cao Bá Quát           | 2.75      | 0.60          | 101    |            |         |
| 1152 | GD1057 | Trần Thị Anh Thư       | 20/04/2006 | GDCD    | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 16.5      | 0.33          | 1      | HCV        |         |
| 1153 | GD1008 | Lê Thị Thảo Duyên      | 27/07/2006 | GDCD    | 11   | THPT Chu Văn An            | 16.5      | 0.60          | 2      | HCV        |         |
| 1154 | GD1058 | Nguyễn Thị Thanh Trang | 30/09/2006 | GDCD    | 11   | THPT Ngô Gia Tự            | 16        | 0.19          | 3      | HCV        |         |
| 1155 | GD1022 | Y Kha Buôn Yă          | 01/03/2006 | GDCD    | 11   | THPT DTNT N' Trang Long    | 16        | 0.43          | 4      | HCV        |         |
| 1156 | GD1068 | Đào Duy Vỹ             | 23/07/2006 | GDCD    | 11   | THPT Ngô Gia Tự            | 15.5      | 0.20          | 5      | HCV        |         |
| 1157 | GD1041 | Nguyễn Thị Yển Nhi     | 27/01/2006 | GDCD    | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 15.25     | 0.33          | 6      | HCV        |         |
| 1158 | GD1060 | Luk Ê Nhã Uyên         | 12/11/2006 | GDCD    | 11   | THPT DTNT N' Trang Long    | 14.75     | 0.19          | 7      | HCV        |         |
| 1159 | GD1033 | Nguyễn Thị Mai         | 20/11/2006 | GDCD    | 11   | THPT Hồng Đức              | 14.75     | 0.40          | 8      | HCV        |         |
| 1160 | GD1040 | Chu Lê Uyên Nhi        | 02/10/2006 | GDCD    | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 14.75     | 0.53          | 9      | HCV        |         |
| 1161 | GD1043 | Hoàng Thị Phấn         | 10/05/2006 | GDCD    | 11   | THPT Trần Quốc Toản        | 14.5      | 0.51          | 10     | HCV        |         |
| 1162 | GD1055 | Nguyễn Thị Thùy        | 07/09/2006 | GDCD    | 11   | THPT Phan Đình Phùng       | 14.5      | 0.96          | 11     | HCB        |         |
| 1163 | GD1050 | Lương Thị Thoa         | 11/04/2006 | GDCD    | 11   | THPT Chu Văn An            | 14.25     | 0.41          | 12     | HCB        |         |
| 1164 | GD1023 | Trương Hoàng Hà Lan    | 01/05/2006 | GDCD    | 11   | THPT Ngô Gia Tự            | 14        | 0.29          | 13     | HCB        |         |
| 1165 | GD1005 | Cao Thị Ánh            | 26/10/2006 | GDCD    | 11   | THPT Ea Rôk                | 14        | 0.89          | 14     | HCB        |         |
| 1166 | GD1065 | Bùi Lê Kiều Vy         | 30/10/2006 | GDCD    | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 13.75     | 0.35          | 15     | HCB        |         |
| 1167 | GD1002 | Lê Đăng Hoàng Anh      | 04/04/2006 | GDCD    | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 13.75     | 0.55          | 16     | HCB        |         |
| 1168 | GD1026 | H Liê Ê Căm            | 02/09/2006 | GDCD    | 11   | THPT Hùng Vương            | 13.75     | 0.57          | 17     | HCB        |         |
| 1169 | GD1025 | Nguyễn Ngọc Tuyết Liên | 17/01/2006 | GDCD    | 11   | PTDTNT Tây Nguyên          | 13.25     | 0.46          | 18     | HCB        |         |
| 1170 | GD1059 | Phan Thị Cẩm Tú        | 16/06/2006 | GDCD    | 11   | THPT Phan Bội Châu         | 13.25     | 0.87          | 19     | HCB        |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|------------------------|------------|---------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1171 | GD1046 | Trần Xuân Quỳnh        | 17/01/2006 | GDCD    | 11   | THPT Krông Ana            | 13        | 0.25          | 20     | HCB        |         |
| 1172 | GD1037 | Đỗ Nguyễn Thu Ngân     | 19/12/2006 | GDCD    | 11   | PTDTNT Tây Nguyên         | 12.75     | 0.76          | 21     | HCB        |         |
| 1173 | GD1056 | Bế Thị Anh Thư         | 14/11/2006 | GDCD    | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm    | 12.5      | 0.65          | 22     | HCB        |         |
| 1174 | GD1067 | Hà Thị Yến Vy          | 15/12/2006 | GDCD    | 11   | PTDTNT Tây Nguyên         | 12.25     | 0.19          | 23     | HCB        |         |
| 1175 | GD1036 | Nguyễn Thị Thanh Ngân  | 28/09/2006 | GDCD    | 11   | THPT Buôn Ma Thuột        | 12        | 0.56          | 24     | HCB        |         |
| 1176 | GD1003 | Lê Hồng Anh            | 02/10/2006 | GDCD    | 11   | THPT Nguyễn Huệ           | 12        | 0.90          | 25     | HCB        |         |
| 1177 | GD1052 | Võ Thị Thu             | 06/12/2006 | GDCD    | 11   | THPT Lê Hữu Trác          | 11.75     | 0.51          | 26     | HCB        |         |
| 1178 | GD1042 | Triệu Hải Yến Nhi      | 14/02/2006 | GDCD    | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm    | 11.75     | 0.68          | 27     | HCB        |         |
| 1179 | GD1030 | Trần Nữ Yến Linh       | 01/01/2006 | GDCD    | 11   | THPT Huỳnh Thúc Kháng     | 11.25     | 0.71          | 28     | HCB        |         |
| 1180 | GD1017 | Trần Viết Hiếu         | 18/06/2006 | GDCD    | 11   | THPT Krông Ana            | 11.25     | 0.76          | 29     | HCB        |         |
| 1181 | GD1062 | Đinh Hoàng Thảo Uyên   | 08/12/2006 | GDCD    | 11   | THPT Ea Rôk               | 10.75     | 1.16          | 30     | HCB        |         |
| 1182 | GD1021 | Nguyễn Thị Diễm Hương  | 23/12/2006 | GDCD    | 11   | THPT Huỳnh Thúc Kháng     | 10.5      | 0.72          | 31     | HCB        |         |
| 1183 | GD1069 | Trần Thị Như Ý         | 01/09/2006 | GDCD    | 11   | THPT Hồng Đức             | 10.5      | 0.82          | 32     | HCB        |         |
| 1184 | GD1064 | Lưu Đức Việt           | 10/03/2006 | GDCD    | 11   | THPT Nguyễn Huệ           | 10.25     | 0.56          | 33     | HCB        |         |
| 1185 | GD1012 | Trần Lê Gia Hân        | 16/04/2006 | GDCD    | 11   | TH, THCS & THPT Victory   | 10.25     | 0.60          | 34     | HCB        |         |
| 1186 | GD1035 | Trương Thị Kim Ngân    | 04/03/2006 | GDCD    | 11   | THPT Võ Văn Kiệt          | 10.25     | 0.66          | 35     | HCB        |         |
| 1187 | GD1016 | Nguyễn Thúy Hạnh       | 24/09/2006 | GDCD    | 11   | THPT Hùng Vương           | 10        | 0.59          | 36     | HCB        |         |
| 1188 | GD1053 | Nguyễn Thị Ngọc Thuận  | 15/09/2006 | GDCD    | 11   | THPT Lăk                  | 9.75      | 0.70          | 37     | HCB        |         |
| 1189 | GD1034 | Lý Gia Minh            | 28/08/2006 | GDCD    | 11   | THCS & THPT Đông Du       | 9.75      | 0.97          | 38     | HCB        |         |
| 1190 | GD1006 | H Cher Rơ Yam          | 22/01/2006 | GDCD    | 11   | THPT Nguyễn Chí Thanh     | 9.5       | 0.46          | 39     |            |         |
| 1191 | GD1039 | Lê Thị Thanh Nhân      | 26/09/2006 | GDCD    | 11   | THPT Trần Quốc Toản       | 9.5       | 0.49          | 40     |            |         |
| 1192 | GD1013 | Võ Gia Hân             | 25/02/2007 | GDCD    | 11   | THPT Lê Quý Đôn           | 9.25      | 0.99          | 41     |            |         |
| 1193 | GD1007 | Nguyễn Thị Kim Chi     | 05/12/2006 | GDCD    | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm    | 9         | 0.24          | 42     |            |         |
| 1194 | GD1051 | Lê Thị Thu             | 28/07/2006 | GDCD    | 11   | THPT Ea Rôk               | 8.5       | 0.91          | 43     |            |         |
| 1195 | GD1019 | Nguyễn Hữu Hoàng Huỳnh | 20/03/2006 | GDCD    | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên | 8.25      | 0.46          | 44     |            |         |
| 1196 | GD1038 | Nguyễn Trần Bảo Ngọc   | 01/11/2006 | GDCD    | 11   | THPT Việt Đức             | 8.25      | 0.80          | 45     |            |         |
| 1197 | GD1001 | Hoàng Thị Lê An        | 17/06/2006 | GDCD    | 11   | THPT DTNT N' Trang Long   | 8.25      | 0.93          | 46     |            |         |
| 1198 | GD1063 | Bùi Thị Thúy Vân       | 16/08/2006 | GDCD    | 11   | THPT Phạm Văn Đồng        | 8         | 0.85          | 47     |            |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên            | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|----------------------|------------|---------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1199 | GD1024 | Trần Thị Mỹ Lệ       | 03/05/2006 | GDCD    | 11   | THPT Trần Đại Nghĩa       | 8         | 0.87          | 48     |            |         |
| 1200 | GD1054 | Đinh Thị Thùy        | 07/11/2006 | GDCD    | 11   | THPT Trần Quang Khải      | 8         | 1.06          | 49     |            |         |
| 1201 | GD1028 | Nguyễn Thị Thùy Linh | 21/04/2006 | GDCD    | 11   | THPT Lê Quý Đôn           | 8         | 1.17          | 50     |            |         |
| 1202 | GD1048 | Hồ Thị Dạ Thảo       | 19/08/2006 | GDCD    | 11   | THPT Tôn Đức Thắng        | 7.75      | 0.51          | 51     |            |         |
| 1203 | GD1009 | Adrong H' Đon        | 19/01/2006 | GDCD    | 11   | THPT Trường Chinh         | 7.5       | 0.76          | 52     |            |         |
| 1204 | GD1047 | H Sa Ra Pang Tíng    | 28/03/2006 | GDCD    | 11   | THPT Nguyễn Chí Thanh     | 7.25      | 0.93          | 53     |            |         |
| 1205 | GD1045 | Võ Ngọc Như Quỳnh    | 02/10/2006 | GDCD    | 11   | THPT Buôn Ma Thuột        | 7.25      | 0.95          | 54     |            |         |
| 1206 | GD1029 | Nguyễn Thị Thùy Linh | 02/02/2006 | GDCD    | 11   | THPT Trần Đại Nghĩa       | 7         | 0.77          | 55     |            |         |
| 1207 | GD1044 | Lê Hoàng Thiên Phú   | 19/02/2006 | GDCD    | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên | 7         | 1.06          | 56     |            |         |
| 1208 | GD1011 | Niê H Nhung          | 06/02/2006 | GDCD    | 11   | THPT Lê Quý Đôn           | 6.75      | 0.80          | 57     |            |         |
| 1209 | GD1018 | Đặng Thanh Huyền     | 08/11/2006 | GDCD    | 11   | THPT Krông Ana            | 6.25      | 0.35          | 58     |            |         |
| 1210 | GD1032 | Nguyễn Thị Thảo Ly   | 09/05/2006 | GDCD    | 11   | THPT Huỳnh Thúc Kháng     | 5.75      | 0.75          | 59     |            |         |
| 1211 | GD1061 | Nguyễn Nhật Uyên     | 04/07/2006 | GDCD    | 11   | THPT Nguyễn Công Trứ      | 5.5       | 0.37          | 60     |            |         |
| 1212 | GD1020 | Đỗ Đình Hùng         | 16/03/2006 | GDCD    | 11   | THPT Buôn Đôn             | 5.5       | 0.46          | 61     |            |         |
| 1213 | GD1049 | Ngô Thị Thanh Thảo   | 07/09/2006 | GDCD    | 11   | THPT Trần Phú             | 4.75      | 0.29          | 62     |            |         |
| 1214 | GD1015 | Nguyễn Thị Hồng Hạnh | 11/09/2006 | GDCD    | 11   | THPT Trần Phú             | 4.25      | 0.49          | 63     |            |         |
| 1215 | GD1004 | Nguyễn Trần Tuấn Anh | 14/10/2006 | GDCD    | 11   | THPT Buôn Đôn             | 3.5       | 0.76          | 64     |            |         |
| 1216 | GD1027 | Trần Hòa Mai Linh    | 22/02/2006 | GDCD    | 11   | THPT Phạm Văn Đồng        | 3.25      | 0.66          | 65     |            |         |
| 1217 | GD1066 | Nguyễn Thị Tường Vy  | 09/11/2006 | GDCD    | 11   | THPT Việt Đức             | 3         | 0.25          | 66     |            |         |
| 1218 | GD1010 | Bùi Hương Giang      | 21/11/2006 | GDCD    | 11   | THPT Trần Phú             | 2.5       | 0.00          | 67     |            |         |
| 1219 | GD1031 | Đỗ Thị Tuyết Loan    | 26/06/2006 | GDCD    | 11   | THPT Trần Quang Khải      | 1.5       | 0.29          | 68     |            |         |
| 1220 | HO1038 | Nguyễn Thùy Linh     | 01/02/2006 | Hoá học | 11   | THCS & THPT Đông Du       | 17.75     | 0.56          | 1      | HCV        |         |
| 1221 | HO1056 | Lê Đình Quân         | 12/12/2006 | Hoá học | 11   | PTDTNT Tây Nguyên         | 17.675    | 0.43          | 2      | HCV        |         |
| 1222 | HO1041 | Bùi Phương Minh      | 25/09/2006 | Hoá học | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du     | 17.375    | 0.65          | 3      | HCV        |         |
| 1223 | HO1020 | Nguyễn Trọng Tâm Đạt | 25/03/2006 | Hoá học | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du     | 16.85     | 0.55          | 4      | HCV        |         |
| 1224 | HO1008 | Trần Minh Đức        | 03/02/2006 | Hoá học | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du     | 16.75     | 0.78          | 5      | HCV        |         |
| 1225 | HO1071 | Hồ Thị Phương Thùy   | 01/04/2006 | Hoá học | 11   | THCS & THPT Đông Du       | 16.5      | 0.62          | 6      | HCV        |         |
| 1226 | HO1040 | Nguyễn Duy Minh      | 05/01/2006 | Hoá học | 11   | THCS & THPT Đông Du       | 15.95     | 0.89          | 7      | HCV        |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|------------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1227 | HO1053 | Đặng Hoàng Phúc        | 05/09/2006 | Hoá học | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 15.2      | 0.66          | 8      | HCV        |         |
| 1228 | HO1091 | Lương Chiêu Vỹ         | 16/01/2006 | Hoá học | 11   | THPT DTNT N' Trang Long    | 14.525    | 0.97          | 9      | HCV        |         |
| 1229 | HO1082 | Phạm Thị Phương Trinh  | 22/08/2006 | Hoá học | 11   | THPT Chu Văn An            | 13.8625   | 1.18          | 10     | HCV        |         |
| 1230 | HO1070 | Vũ Xuân Thịnh          | 10/03/2006 | Hoá học | 11   | THPT Krông Bông            | 13.7625   | 0.73          | 11     | HCV        |         |
| 1231 | HO1068 | Nguyễn Xuân Thắng      | 19/05/2006 | Hoá học | 11   | THPT Nguyễn Huệ            | 12.8375   | 0.57          | 12     | HCV        |         |
| 1232 | HO1032 | Nguyễn Đức Hùng        | 02/05/2006 | Hoá học | 11   | THPT Trần Nhân Tông        | 12.8125   | 0.95          | 13     | HCV        |         |
| 1233 | HO1042 | Hồ Viết Minh           | 19/06/2006 | Hoá học | 11   | THPT Chu Văn An            | 12.775    | 1.01          | 14     | HCV        |         |
| 1234 | HO1048 | Nguyễn Ngọc Vân Nhi    | 02/11/2006 | Hoá học | 11   | THPT Ea H'leo              | 12.75     | 0.85          | 15     | HCB        |         |
| 1235 | HO1016 | Phạm Thị Thùy Dương    | 18/09/2006 | Hoá học | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 12.645    | 1.15          | 16     | HCB        |         |
| 1236 | HO1015 | Phạm Ngọc Dũng         | 15/12/2006 | Hoá học | 11   | THPT Krông Bông            | 12.375    | 1.06          | 17     | HCB        |         |
| 1237 | HO1054 | Hoàng Thị Ánh Phương   | 30/06/2006 | Hoá học | 11   | THPT Hùng Vương            | 11.95     | 1.33          | 18     | HCB        |         |
| 1238 | HO1073 | Nguyễn Thu Thủy        | 19/01/2006 | Hoá học | 11   | THPT Nguyễn Huệ            | 11.9375   | 1.04          | 19     | HCB        |         |
| 1239 | HO1001 | Nguyễn Phúc Thục Anh   | 07/08/2006 | Hoá học | 11   | THPT Cư M'gar              | 11.6875   | 0.86          | 20     | HCB        |         |
| 1240 | HO1046 | Hà Thị Ánh Nguyệt      | 21/07/2006 | Hoá học | 11   | THPT Ea H'leo              | 11.3375   | 1.09          | 21     | HCB        |         |
| 1241 | HO1075 | Nguyễn Việt Tiến       | 21/10/2006 | Hoá học | 11   | THPT Cư M'gar              | 10.9875   | 0.78          | 22     | HCB        |         |
| 1242 | HO1002 | Đinh Lê Xuân Bắc       | 22/02/2006 | Hoá học | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 10.925    | 1.02          | 23     | HCB        |         |
| 1243 | HO1062 | Đinh Nguyễn Trọng Sơn  | 16/01/2006 | Hoá học | 11   | THPT Hùng Vương            | 10.85     | 1.14          | 24     | HCB        |         |
| 1244 | HO1009 | Phan Thị Kim Chi       | 19/09/2006 | Hoá học | 11   | THPT Nguyễn Huệ            | 10.8      | 1.04          | 25     | HCB        |         |
| 1245 | HO1018 | Đinh Tiến Đạt          | 05/05/2006 | Hoá học | 11   | THPT Buôn Ma Thuột         | 10.45     | 1.23          | 26     | HCB        |         |
| 1246 | HO1028 | Nguyễn Thị Thanh Hoa   | 11/02/2006 | Hoá học | 11   | THPT Trường Chinh          | 10.275    | 1.08          | 27     | HCB        |         |
| 1247 | HO1013 | Nguyễn Hữu Danh        | 24/04/2006 | Hoá học | 11   | THPT Chu Văn An            | 10.075    | 0.96          | 28     | HCB        |         |
| 1248 | HO1092 | Cao Triệu Vỹ           | 03/08/2006 | Hoá học | 11   | THPT Krông Ana             | 10.025    | 1.01          | 29     | HCB        |         |
| 1249 | HO1044 | Lê Thị Tuyết Ngân      | 18/05/2006 | Hoá học | 11   | THPT Quang Trung           | 9.6       | 0.60          | 30     | HCB        |         |
| 1250 | HO1047 | Lê Sỹ Nhân             | 03/09/2006 | Hoá học | 11   | PTDTNT Tây Nguyên          | 9.6       | 0.73          | 31     | HCB        |         |
| 1251 | HO1021 | Nguyễn Lê Hương Giang  | 29/07/2006 | Hoá học | 11   | THPT Buôn Ma Thuột         | 9.325     | 0.92          | 32     | HCB        |         |
| 1252 | HO1088 | Nguyễn Huỳnh Quốc Việt | 06/12/2006 | Hoá học | 11   | THPT Trần Hưng Đạo         | 9.325     | 1.05          | 33     | HCB        |         |
| 1253 | HO1093 | Đoàn Thị Hải Yến       | 07/08/2006 | Hoá học | 11   | THPT Hùng Vương            | 9.275     | 1.14          | 34     | HCB        |         |
| 1254 | HO1074 | Phạm Hoàn Tiến         | 07/04/2006 | Hoá học | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 9.25      | 0.80          | 35     | HCB        |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên                | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|--------------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1255 | HO1055 | Trịnh Nguyễn Minh Phương | 01/06/2006 | Hoá học | 11   | THPT Ngô Gia Tự            | 9.225     | 1.02          | 36     | HCB        |         |
| 1256 | HO1076 | Phạm Nguyễn Huyền Trang  | 06/12/2006 | Hoá học | 11   | THPT Võ Văn Kiệt           | 9         | 0.70          | 37     | HCB        |         |
| 1257 | HO1036 | Hồ Đặng Mai Linh         | 05/11/2006 | Hoá học | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 9         | 0.86          | 38     | HCB        |         |
| 1258 | HO1063 | Nguyễn Khắc Thành Tài    | 22/03/2006 | Hoá học | 11   | THPT Buôn Hồ               | 8.875     | 0.48          | 39     | HCB        |         |
| 1259 | HO1084 | Trịnh Anh Tuấn           | 22/01/2006 | Hoá học | 11   | THPT Lăk                   | 8.625     | 0.85          | 40     | HCB        |         |
| 1260 | HO1030 | Nguyễn Xuân Huy          | 16/06/2006 | Hoá học | 11   | TH, THCS & THPT Victory    | 8.575     | 1.14          | 41     | HCB        |         |
| 1261 | HO1060 | Vũ Nam Sang              | 18/01/2006 | Hoá học | 11   | THPT Phạm Văn Đồng         | 8.55      | 1.06          | 42     | HCB        |         |
| 1262 | HO1072 | Nguyễn Bích Thủy         | 11/05/2006 | Hoá học | 11   | THPT Quang Trung           | 8.475     | 0.43          | 43     | HCB        |         |
| 1263 | HO1029 | Đặng Thị Huệ             | 13/07/2006 | Hoá học | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 8.45      | 0.62          | 44     | HCB        |         |
| 1264 | HO1050 | Vũ Phan                  | 03/01/2006 | Hoá học | 11   | THPT Phan Đình Phùng       | 8.35      | 0.77          | 45     | HCB        |         |
| 1265 | HO1089 | Trần Long Vũ             | 06/10/2006 | Hoá học | 11   | THPT Huỳnh Thúc Kháng      | 8.25      | 0.89          | 46     | HCB        |         |
| 1266 | HO1011 | Nguyễn Minh Chiến        | 18/11/2006 | Hoá học | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 8.15      | 0.76          | 47     | HCB        |         |
| 1267 | HO1027 | Đinh Văn Hiền            | 05/02/2006 | Hoá học | 11   | THPT Phạm Văn Đồng         | 8.075     | 0.65          | 48     | HCB        |         |
| 1268 | HO1007 | Hoàng Thị Bình           | 26/11/2006 | Hoá học | 11   | THPT Nguyễn Trường Tộ      | 8.0625    | 0.81          | 49     | HCB        |         |
| 1269 | HO1034 | Phạm Hương Lê            | 30/01/2006 | Hoá học | 11   | THPT Krông Bông            | 7.9375    | 0.86          | 50     | HCB        |         |
| 1270 | HO1059 | Dương Hoàng Quý          | 21/11/2006 | Hoá học | 11   | THPT Buôn Hồ               | 7.8375    | 0.59          | 51     |            |         |
| 1271 | HO1025 | Nguyễn Văn Hiếu          | 20/01/2006 | Hoá học | 11   | THPT Cư M'gar              | 7.75      | 0.63          | 52     |            |         |
| 1272 | HO1052 | Hoàng Gia Phúc           | 05/09/2006 | Hoá học | 11   | THPT Lý Tự Trọng           | 7.65      | 1.00          | 53     |            |         |
| 1273 | HO1069 | Mai Đức Thịnh            | 11/07/2006 | Hoá học | 11   | THPT Krông Ana             | 7.5625    | 0.76          | 54     |            |         |
| 1274 | HO1086 | Bùi Thị Hà Uyên          | 20/08/2006 | Hoá học | 11   | THPT Lê Hồng Phong         | 7.4       | 1.14          | 55     |            |         |
| 1275 | HO1081 | Trần Nguyễn Kiều Trinh   | 20/11/2006 | Hoá học | 11   | THPT Nguyễn Tất Thành      | 7.375     | 0.73          | 56     |            |         |
| 1276 | HO1045 | Lê Thị Ánh Nguyên        | 08/10/2006 | Hoá học | 11   | THPT Ea H'leo              | 7.3625    | 0.98          | 57     |            |         |
| 1277 | HO1051 | Huỳnh Việt Phú           | 18/07/2006 | Hoá học | 11   | THPT Trần Hưng Đạo         | 7.25      | 0.32          | 58     |            |         |
| 1278 | HO1039 | Phạm Thị Thanh Loan      | 05/01/2006 | Hoá học | 11   | THPT Lê Duẩn               | 7.1625    | 1.27          | 59     |            |         |
| 1279 | HO1083 | Nguyễn Quý Trọng         | 14/03/2006 | Hoá học | 11   | THPT Phan Đình Phùng       | 7.1       | 0.71          | 60     |            |         |
| 1280 | HO1035 | Nguyễn Thị Ngọc Lê       | 04/09/2006 | Hoá học | 11   | THPT Nguyễn Văn Cừ         | 6.875     | 0.42          | 61     |            |         |
| 1281 | HO1067 | Võ Chí Thành             | 01/01/2006 | Hoá học | 11   | THPT Buôn Ma Thuột         | 6.8125    | 1.26          | 62     |            |         |
| 1282 | HO1085 | Ngô Nguyên Tùng          | 16/01/2006 | Hoá học | 11   | THPT Hồng Đức              | 6.6       | 0.83          | 63     |            |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên               | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường             | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|-------------------------|------------|---------|------|------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1283 | HO1017 | Phan Thành Đạt          | 30/03/2006 | Hoá học | 11   | THPT Quang Trung       | 6.5       | 0.48          | 64     |            |         |
| 1284 | HO1010 | Trịnh Kim Chi           | 14/03/2006 | Hoá học | 11   | THPT Phan Đình Phùng   | 6.25      | 0.79          | 65     |            |         |
| 1285 | HO1023 | Bạch Thu Hải            | 01/07/2006 | Hoá học | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm | 6.0875    | 0.60          | 66     |            |         |
| 1286 | HO1005 | Nguyễn Thái Bảo         | 21/08/2006 | Hoá học | 11   | THPT Trần Quốc Toàn    | 6         | 1.26          | 67     |            |         |
| 1287 | HO1058 | Võ Đình Quý             | 16/05/2006 | Hoá học | 11   | THPT Buôn Hồ           | 5.95      | 0.54          | 68     |            |         |
| 1288 | HO1064 | Trịnh Lũy Tạo           | 20/10/2006 | Hoá học | 11   | THPT Ea Súp            | 5.85      | 0.55          | 69     |            |         |
| 1289 | HO1012 | Nguyễn Đình Cường       | 06/03/2006 | Hoá học | 11   | THPT Nguyễn Văn Cừ     | 5.6875    | 0.95          | 70     |            |         |
| 1290 | HO1077 | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm    | 24/02/2006 | Hoá học | 11   | THPT Nguyễn Công Trứ   | 5.375     | 0.80          | 71     |            |         |
| 1291 | HO1080 | Lê Thị Thùy Trâm        | 05/03/2006 | Hoá học | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm | 5.375     | 1.04          | 72     |            |         |
| 1292 | HO1078 | Phan Nguyễn Kiều Trâm   | 20/02/2006 | Hoá học | 11   | THPT Lê Hồng Phong     | 5.25      | 1.11          | 73     |            |         |
| 1293 | HO1031 | Tôn Nữ Ngọc Huyền       | 26/01/2006 | Hoá học | 11   | THPT Lăk               | 5.05      | 1.17          | 74     |            |         |
| 1294 | HO1065 | Phạm Thị Diệu Thanh     | 13/10/2006 | Hoá học | 11   | THPT Trần Quốc Toàn    | 4.85      | 1.17          | 75     |            |         |
| 1295 | HO1019 | Nguyễn Tuấn Đạt         | 01/01/2006 | Hoá học | 11   | THPT Phạm Văn Đồng     | 4.775     | 1.12          | 76     |            |         |
| 1296 | HO1057 | Nguyễn Phạm Lệ Quyên    | 12/02/2006 | Hoá học | 11   | THPT Nguyễn Công Trứ   | 4.6       | 0.64          | 77     |            |         |
| 1297 | HO1014 | Võ Thành Danh           | 02/11/2006 | Hoá học | 11   | THPT Trần Quang Khải   | 4.35      | 0.67          | 78     |            |         |
| 1298 | HO1004 | Đào Minh Bảo            | 01/06/2006 | Hoá học | 11   | THPT Lê Duẩn           | 4.125     | 0.27          | 79     |            |         |
| 1299 | HO1006 | Nguyễn Bin              | 06/07/2006 | Hoá học | 11   | THPT Lê Quý Đôn        | 3.75      | 0.61          | 80     |            |         |
| 1300 | HO1087 | Nguyễn Hoài Văn         | 13/08/2006 | Hoá học | 11   | THPT Nguyễn Công Trứ   | 3.75      | 0.72          | 81     |            |         |
| 1301 | HO1061 | Nguyễn Tiến Sơn         | 17/10/2006 | Hoá học | 11   | THPT Lê Quý Đôn        | 3.625     | 0.55          | 82     |            |         |
| 1302 | HO1079 | Nguyễn Thị Mai Trâm     | 19/10/2006 | Hoá học | 11   | THPT Lê Hồng Phong     | 3.2625    | 0.36          | 83     |            |         |
| 1303 | HO1024 | Nông Thị Hậu            | 10/04/2006 | Hoá học | 11   | THPT Ea Rôk            | 3.2625    | 0.62          | 84     |            |         |
| 1304 | HO1037 | Nguyễn Trần Nguyệt Linh | 14/07/2006 | Hoá học | 11   | THPT Lê Duẩn           | 3.075     | 0.31          | 85     |            |         |
| 1305 | HO1043 | Nguyễn Hoài Nam         | 08/07/2006 | Hoá học | 11   | THPT Trần Quang Khải   | 2.875     | 0.56          | 86     |            |         |
| 1306 | HO1026 | Phạm Nguyễn Phương Hiền | 25/03/2006 | Hoá học | 11   | THPT Y Jut             | 2.425     | 0.44          | 87     |            |         |
| 1307 | HO1022 | Lê Thanh Hằng           | 11/11/2007 | Hoá học | 11   | THPT Lê Hữu Trác       | 2.3625    | 0.41          | 88     |            |         |
| 1308 | HO1090 | Lê Thị Thảo Vy          | 24/11/2006 | Hoá học | 11   | THPT Nguyễn Thái Bình  | 2.25      | 0.48          | 89     |            |         |
| 1309 | HO1049 | Phạm Kim Oanh           | 17/10/2006 | Hoá học | 11   | THPT Lê Hữu Trác       | 1.875     | 0.34          | 90     |            |         |
| 1310 | HO1066 | Phạm Văn Thanh          | 05/12/2006 | Hoá học | 11   | THPT Lê Hữu Trác       | 0.375     | 0.19          | 91     |            |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên               | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|-------------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1311 | HO1003 | Nguyễn Đức Gia Bảo      | 16/05/2006 | Hoá học | 11   | THPT Krông Ana             | 0         | 0.00          | 92     |            | Vắng    |
| 1312 | SU1021 | Hoàng Xuân Dũng         | 26/09/2006 | Lịch sử | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 17        | 0.41          | 1      | HCV        |         |
| 1313 | SU1054 | Đặng Phạm Thanh Lương   | 25/02/2006 | Lịch sử | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 16.75     | 0.60          | 2      | HCV        |         |
| 1314 | SU1019 | Trần Thảo Nguyên        | 08/11/2006 | Lịch sử | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 16.25     | 0.63          | 3      | HCV        |         |
| 1315 | SU1104 | Nguyễn Hạ Vy            | 16/01/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Phan Bội Châu         | 14.75     | 0.48          | 4      | HCV        |         |
| 1316 | SU1103 | Triệu Quang Vũ          | 08/06/2006 | Lịch sử | 11   | THPT DTNT N' Trang Long    | 13.75     | 0.16          | 5      | HCV        |         |
| 1317 | SU1106 | Nguyễn Tường Vy         | 05/12/2006 | Lịch sử | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 13.75     | 0.27          | 6      | HCV        |         |
| 1318 | SU1006 | Trần Thị Tuyết Anh      | 03/11/2006 | Lịch sử | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 13.25     | 0.44          | 7      | HCV        |         |
| 1319 | SU1096 | Bùi Khả Uyên            | 11/10/2006 | Lịch sử | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 13.25     | 0.82          | 8      | HCV        |         |
| 1320 | SU1075 | Phạm Đường YẾN Nhi      | 01/01/2006 | Lịch sử | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 13        | 0.46          | 9      | HCV        |         |
| 1321 | SU1034 | Lê Sĩ Hùng              | 20/12/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Buôn Ma Thuột         | 13        | 0.51          | 10     | HCV        |         |
| 1322 | SU1053 | Nguyễn Ngọc Linh        | 27/02/2006 | Lịch sử | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 13        | 0.78          | 11     | HCV        |         |
| 1323 | SU1092 | Nguyễn Thị Thanh Truyền | 05/09/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Hùng Vương            | 12.75     | 0.48          | 12     | HCV        |         |
| 1324 | SU1074 | Toàn Thị Tú Nhi         | 09/04/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Trường Chinh          | 12.75     | 0.48          | 12     | HCV        |         |
| 1325 | SU1095 | Phạm Minh Tuấn          | 16/02/2006 | Lịch sử | 11   | PTDTNT Tây Nguyên          | 12.75     | 0.73          | 14     | HCV        |         |
| 1326 | SU1015 | Huỳnh Thị Mai Chi       | 25/08/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Hồng Đức              | 12.75     | 1.37          | 15     | HCV        |         |
| 1327 | SU1003 | Đặng Thị Diệu Anh       | 05/03/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Lê Hữu Trác           | 12.5      | 0.47          | 16     | HCV        |         |
| 1328 | SU1072 | Mai Ngọc Kiều Nhi       | 11/09/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Hùng Vương            | 12.5      | 0.52          | 17     | HCB        |         |
| 1329 | SU1035 | Vũ Duy Hưng             | 08/09/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Cư M'gar              | 12.5      | 0.55          | 18     | HCB        |         |
| 1330 | SU1040 | Bùi Bảo Khanh           | 07/09/2006 | Lịch sử | 11   | PTDTNT Tây Nguyên          | 12.5      | 0.57          | 19     | HCB        |         |
| 1331 | SU1100 | Nguyễn Thị Hà Vi        | 20/05/2006 | Lịch sử | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 12.5      | 0.96          | 20     | HCB        |         |
| 1332 | SU1044 | Nguyễn Thị Minh Khuê    | 17/03/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Trần Nhân Tông        | 12        | 0.86          | 21     | HCB        |         |
| 1333 | SU1037 | Hứa Thị Hương           | 16/06/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Trần Nhân Tông        | 11.75     | 0.82          | 22     | HCB        |         |
| 1334 | SU1030 | Lê Thị Mai Hoa          | 30/05/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Lê Hữu Trác           | 11.75     | 0.96          | 23     | HCB        |         |
| 1335 | SU1038 | Đào Thị Thu Hương       | 16/07/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Công Trứ       | 11.5      | 0.43          | 24     | HCB        |         |
| 1336 | SU1051 | Nông Hoàng Linh         | 27/10/2006 | Lịch sử | 11   | THPT DTNT N' Trang Long    | 11.5      | 0.66          | 25     | HCB        |         |
| 1337 | SU1046 | Nguyễn Bùi Thúy Kiều    | 14/08/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 11.25     | 0.94          | 26     | HCB        |         |
| 1338 | SU1013 | H' Bely Hwing           | 18/01/2006 | Lịch sử | 11   | THPT DTNT N' Trang Long    | 11        | 0.97          | 27     | HCB        |         |



| STT  | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường              | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|------------------------|------------|---------|------|-------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1339 | SU1073 | Nguyễn Trần Phương Nhi | 12/04/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Chu Văn An         | 11        | 1.08          | 28     | HCB        |         |
| 1340 | SU1007 | Bùi Văn Anh            | 01/09/2006 | Lịch sử | 11   | TH, THCS & THPT Victory | 10.75     | 0.37          | 29     | HCB        |         |
| 1341 | SU1057 | Dương Thị Lâm Mai      | 04/01/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Trần Phú           | 10.75     | 0.60          | 30     | HCB        |         |
| 1342 | SU1009 | Phạm Ngọc Ánh          | 23/06/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Tất Thành   | 10.75     | 0.72          | 31     | HCB        |         |
| 1343 | SU1055 | Phùng Thị Ly           | 01/04/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Cư M'gar           | 10.75     | 0.85          | 32     | HCB        |         |
| 1344 | SU1056 | Trần Thị Thúy Ly       | 29/09/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Hùng Vương         | 10.5      | 0.80          | 33     | HCB        |         |
| 1345 | SU1064 | Đỗ Huỳnh Phương My     | 07/08/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Trần Đại Nghĩa     | 10.5      | 0.87          | 34     | HCB        |         |
| 1346 | SU1033 | Nguyễn Phi Hùng        | 20/01/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Trần Phú           | 10.5      | 0.90          | 35     | HCB        |         |
| 1347 | SU1077 | Dương Thị Diễm Quỳnh   | 12/04/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Tôn Đức Thắng      | 10.25     | 0.64          | 36     | HCB        |         |
| 1348 | SU1031 | Trần Huy Hoàng         | 08/09/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Lê Quý Đôn         | 10        | 0.42          | 37     | HCB        |         |
| 1349 | SU1028 | Lê Thị Thu Hiền        | 07/10/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Huệ         | 10        | 0.59          | 38     | HCB        |         |
| 1350 | SU1018 | Hoàng Thị Ngọc Diệu    | 19/07/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Lăk                | 9.5       | 0.34          | 39     | HCB        |         |
| 1351 | SU1068 | Nguyễn Thị Bích Ngọc   | 12/08/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Trường Chinh       | 9.5       | 0.49          | 40     | HCB        |         |
| 1352 | SU1090 | Hoàng Quỳnh Trâm       | 26/11/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Ngô Gia Tự         | 9.5       | 0.78          | 41     | HCB        |         |
| 1353 | SU1001 | Lê Đăng Hoài An        | 09/08/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Lê Hồng Phong      | 9.5       | 1.07          | 42     | HCB        |         |
| 1354 | SU1094 | Nguyễn Văn Trường      | 20/02/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Cư M'gar           | 9.25      | 0.34          | 43     | HCB        |         |
| 1355 | SU1097 | Bùi Ngọc Khánh Uyên    | 29/07/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Võ Văn Kiệt        | 9.25      | 0.60          | 44     | HCB        |         |
| 1356 | SU1063 | Nguyễn Thùy Diễm My    | 06/04/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Huỳnh Thúc Kháng   | 9         | 0.29          | 45     | HCB        |         |
| 1357 | SU1027 | Nguyễn Trần Huệ Hiếu   | 07/12/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Công Trứ    | 9         | 0.48          | 46     | HCB        |         |
| 1358 | SU1049 | Lưu Thị Lan            | 21/07/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Ngô Gia Tự         | 9         | 0.51          | 47     | HCB        |         |
| 1359 | SU1084 | Vì Thị Thủy            | 24/01/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Tất Thành   | 9         | 0.66          | 48     | HCB        |         |
| 1360 | SU1022 | H Đan Ayun             | 03/02/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Trãi        | 9         | 0.73          | 49     | HCB        |         |
| 1361 | SU1082 | Nguyễn Đức Anh Tài     | 11/10/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Hồng Đức           | 9         | 0.75          | 50     | HCB        |         |
| 1362 | SU1014 | Tạ Thị Như Cẩm         | 18/04/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Trần Nhân Tông     | 9         | 0.93          | 51     | HCB        |         |
| 1363 | SU1012 | Dương Gia Bảo          | 01/09/2006 | Lịch sử | 11   | PTDTNT Tây Nguyên       | 9         | 1.00          | 52     | HCB        |         |
| 1364 | SU1079 | Nguyễn Kim Minh Quý    | 17/05/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Lê Quý Đôn         | 8.75      | 0.52          | 53     | HCB        |         |
| 1365 | SU1069 | Bùi Thị Thảo Nguyên    | 10/11/2006 | Lịch Sử | 11   | THPT Phan Chu Trinh     | 8.75      | 0.61          | 54     | HCB        |         |
| 1366 | SU1050 | Hoàng Thanh Liêm       | 15/09/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Lê Duẩn            | 8.75      | 0.65          | 55     | HCB        |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên            | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|----------------------|------------|---------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1367 | SU1098 | Trần Vũ Phương Uyên  | 01/01/2006 | Lịch sử | 11   | TH, THCS & THPT Victory   | 8.75      | 0.76          | 56     | HCB        |         |
| 1368 | SU1107 | Lã Thị Hải Yến       | 02/06/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Huệ           | 8.5       | 1.16          | 57     | HCB        |         |
| 1369 | SU1087 | Lê Đặng Uyên Thy     | 06/04/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm    | 8.25      | 0.70          | 58     | HCB        |         |
| 1370 | SU1102 | Triệu Thị Viên       | 26/12/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Ea Rók               | 8.25      | 0.85          | 59     | HCB        |         |
| 1371 | SU1045 | Lê Thúy Kiều         | 25/03/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Võ Văn Kiệt          | 8.25      | 0.89          | 60     | HCB        |         |
| 1372 | SU1042 | Thào Thị Khe         | 07/08/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Chí Thanh     | 8.25      | 1.08          | 61     |            |         |
| 1373 | SU1085 | Đỗ Ngọc Minh Thư     | 09/10/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Hồng Đức             | 8         | 0.51          | 62     |            |         |
| 1374 | SU1020 | Phạm Tấn Dũng        | 10/07/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Ngô Gia Tự           | 8         | 0.73          | 63     |            |         |
| 1375 | SU1039 | Hồ Lê Quốc Khang     | 28/07/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Krông Bông           | 8         | 1.25          | 64     |            |         |
| 1376 | SU1048 | Phan Văn Kỳ          | 28/08/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Lý Tự Trọng          | 7.75      | 0.91          | 65     |            |         |
| 1377 | SU1078 | Nguyễn Thị Như Quỳnh | 23/11/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Huỳnh Thúc Kháng     | 7.75      | 1.03          | 66     |            |         |
| 1378 | SU1081 | Nguyễn Văn Song      | 27/03/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Võ Văn Kiệt          | 7.5       | 0.55          | 67     |            |         |
| 1379 | SU1083 | Bế Thu Thiều         | 12/05/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Tôn Đức Thắng        | 7.5       | 0.67          | 68     |            |         |
| 1380 | SU1088 | Trần Thị Thủy Tiên   | 10/03/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Thị Minh Khai | 7.5       | 0.69          | 69     |            |         |
| 1381 | SU1062 | Nguyễn Quang Minh    | 16/10/2005 | Lịch sử | 11   | THPT Lý Tự Trọng          | 7.5       | 0.69          | 69     |            |         |
| 1382 | SU1002 | Trần Hoàng Tường An  | 21/07/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Buôn Ma Thuột        | 7.5       | 0.82          | 71     |            |         |
| 1383 | SU1025 | Phạm Thị Hạnh        | 25/05/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Văn Cừ        | 7.5       | 0.85          | 72     |            |         |
| 1384 | SU1091 | Hoàng Thiện Quế Trân | 01/09/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Krông Bông           | 7.25      | 0.56          | 73     |            |         |
| 1385 | SU1108 | Nguyễn Thị Hoàng Yến | 11/12/2005 | Lịch sử | 11   | THPT Trần Phú             | 7.25      | 0.68          | 74     |            |         |
| 1386 | SU1005 | Phạm Thị Quỳnh Anh   | 02/02/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Văn Cừ        | 7.25      | 0.73          | 75     |            |         |
| 1387 | SU1024 | Triệu Thanh Hà       | 04/12/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Trần Quốc Toản       | 7.25      | 0.76          | 76     |            |         |
| 1388 | SU1089 | Lê Nguyễn Uyên Trang | 19/05/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Công Trứ      | 7         | 0.68          | 77     |            |         |
| 1389 | SU1036 | Nguyễn Tuấn Hưng     | 20/09/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Phan Bội Châu        | 7         | 0.97          | 78     |            |         |
| 1390 | SU1101 | Nguyễn Thị Tường Vi  | 11/11/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Krông Ana            | 6.75      | 1.01          | 79     |            |         |
| 1391 | SU1061 | Đặng Ngọc Minh       | 26/01/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Trần Đại Nghĩa       | 6.75      | 1.16          | 80     |            |         |
| 1392 | SU1047 | Phạm Văn Kiệt        | 08/08/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Phạm Văn Đồng        | 6.5       | 0.51          | 81     |            |         |
| 1393 | SU1065 | Trần Thị Mỹ          | 01/05/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Thị Minh Khai | 6.25      | 0.57          | 82     |            |         |
| 1394 | SU1067 | Đoàn Thị Kim Ngân    | 16/02/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Chu Văn An           | 6.25      | 1.02          | 83     |            |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên             | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|-----------------------|------------|---------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1395 | SU1011 | Bùi Trần Gia Bảo      | 20/07/2006 | Lịch Sử | 11   | THPT Phan Đình Phùng      | 6         | 0.56          | 84     |            |         |
| 1396 | SU1010 | Nguyễn Bá Hòa         | 15/01/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Trần Quang Khải      | 6         | 0.58          | 85     |            |         |
| 1397 | SU1043 | Nguyễn Đăng Khoa      | 15/11/2006 | Lịch Sử | 11   | THPT Phan Chu Trinh       | 6         | 0.66          | 86     |            |         |
| 1398 | SU1060 | Nguyễn Thị Mến        | 31/08/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Thái Bình     | 6         | 0.97          | 87     |            |         |
| 1399 | SU1105 | Nguyễn Thảo Vy        | 07/05/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Trãi          | 5.75      | 0.78          | 88     |            |         |
| 1400 | SU1008 | Mạc Thị Kim Ánh       | 19/12/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Trường Tộ     | 5.75      | 0.96          | 89     |            |         |
| 1401 | SU1004 | Lê Xuân Huỳnh Anh     | 19/04/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm    | 5.5       | 0.49          | 90     |            |         |
| 1402 | SU1029 | Mai Thị Khánh Hòa     | 11/01/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Lăk                  | 5.5       | 0.54          | 91     |            |         |
| 1403 | SU1026 | H Hậu Êban            | 12/03/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Quang Trung          | 5.5       | 1.15          | 92     |            |         |
| 1404 | SU1066 | Nguyễn Thị Xuân Nga   | 07/04/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Chu Văn An           | 5.25      | 0.94          | 93     |            |         |
| 1405 | SU1032 | Nguyễn Thị Ngọc Huyền | 06/08/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Buôn Hồ              | 4.75      | 0.40          | 94     |            |         |
| 1406 | SU1041 | Kiều Hiểu Khánh       | 20/04/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Krông Ana            | 4.5       | 0.58          | 95     |            |         |
| 1407 | SU1059 | Đỗ Thị Mến            | 26/05/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Võ Nguyên Giáp       | 4.25      | 0.54          | 96     |            |         |
| 1408 | SU1093 | Nguyễn Thị Trúc       | 10/12/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Trường Tộ     | 4.25      | 0.87          | 97     |            |         |
| 1409 | SU1086 | Hà Thị Minh Thư       | 25/05/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Trần Đại Nghĩa       | 3.75      | 0.65          | 98     |            |         |
| 1410 | SU1070 | Trương Thị Nhạn       | 09/10/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Lê Hữu Trác          | 3.75      | 0.84          | 99     |            |         |
| 1411 | SU1076 | Thị Thị Thảo Quyên    | 29/03/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Thị Minh Khai | 3.5       | 0.48          | 100    |            |         |
| 1412 | SU1109 | Nông Thị Yên          | 25/03/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Huỳnh Thúc Kháng     | 3.25      | 0.64          | 101    |            |         |
| 1413 | SU1080 | Nguyễn Ngọc Sang      | 20/09/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Phan Đình Phùng      | 3.25      | 0.70          | 102    |            |         |
| 1414 | SU1052 | Đào Thị Ngọc Linh     | 06/11/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Trần Quang Khải      | 3.25      | 0.70          | 102    |            |         |
| 1415 | SU1016 | Nguyễn Thị Hoài Chinh | 30/12/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Ea Rók               | 2.75      | 0.78          | 104    |            |         |
| 1416 | SU1058 | Nguyễn Ngọc Mai       | 02/09/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Trần Quang Khải      | 2.75      | 0.87          | 105    |            |         |
| 1417 | SU1099 | Nguyễn Phan Thùy Vân  | 11/08/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Nguyễn Văn Cừ        | 2.25      | 0.68          | 106    |            |         |
| 1418 | SU1023 | Nông Thị Diễm         | 10/05/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Ea Rók               | 1.25      | 0.32          | 107    |            |         |
| 1419 | SU1017 | Tô Chí Dĩ             | 13/10/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Lăk                  | 0         | 0.00          | 108    |            | Vắng    |
| 1420 | SU1071 | Nguyễn Thị Hồng Nhi   | 01/04/2006 | Lịch sử | 11   | THPT Lê Duẩn              | 0         | 0.00          | 108    |            | Vắng    |
| 1421 | VA1072 | Phạm Trần Thoại Nhiên | 26/02/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du     | 15        | 2.00          | 1      | HCV        |         |
| 1422 | VA1002 | Phạm Phương Anh       | 16/04/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du     | 14.75     | 0.88          | 2      | HCV        |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|------------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1423 | VA1111 | Trần Lê Gia Hân        | 02/09/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 14.5      | 1.00          | 3      | HCV        |         |
| 1424 | VA1095 | Mai Ngọc Thủy Tiên     | 10/03/2006 | Ngữ văn | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 13.5      | 0.25          | 4      | HCV        |         |
| 1425 | VA1019 | Nguyễn Vũ Nguyên Giang | 27/01/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Huỳnh Thúc Kháng      | 12.5      | 0.25          | 5      | HCV        |         |
| 1426 | VA1063 | Nguyễn Thị Minh Nguyệt | 19/11/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Buôn Ma Thuột         | 12.5      | 0.75          | 6      | HCV        |         |
| 1427 | VA1097 | Phạm Thị Mai Trang     | 17/08/2006 | Ngữ văn | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 12.5      | 1.25          | 7      | HCV        |         |
| 1428 | VA1076 | Nguyễn Đức Pho         | 08/04/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Cư M'gar              | 12.25     | 0.38          | 8      | HCV        |         |
| 1429 | VA1015 | Hoàng Thị Thanh Dung   | 05/05/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Nguyễn Văn Cừ         | 12        | 1.00          | 9      | HCV        |         |
| 1430 | VA1084 | Nguyễn Thị Hồng Tâm    | 17/10/2006 | Ngữ văn | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 12        | 1.00          | 9      | HCV        |         |
| 1431 | VA1023 | Vương Thị Hạnh         | 03/07/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT DTNT N' Trang Long    | 12        | 1.50          | 11     | HCV        |         |
| 1432 | VA1120 | Tô Hải Yến             | 30/08/2006 | Ngữ văn | 11   | PTDTNT Tây Nguyên          | 11.75     | 0.38          | 12     | HCV        |         |
| 1433 | VA1056 | Tạ Thị Thúy Ngân       | 27/02/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Nguyễn Huệ            | 11.5      | 0.25          | 13     | HCV        |         |
| 1434 | VA1090 | Quách Thanh Thủy       | 09/11/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Cư M'gar              | 11.5      | 0.25          | 13     | HCV        |         |
| 1435 | VA1110 | Hồ Thị Quỳnh Uyên      | 21/08/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Chu Văn An            | 11        | 0.00          | 15     | HCV        |         |
| 1436 | VA1082 | Lê Văn Quân            | 13/03/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Phan Bội Châu         | 11        | 0.00          | 15     | HCV        |         |
| 1437 | VA1032 | Vũ Ngọc Huyền          | 16/07/2006 | Ngữ văn | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 11        | 0.25          | 17     | HCV        |         |
| 1438 | VA1007 | Lê Tô Hồng Ánh         | 30/12/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Hùng Vương            | 11        | 0.50          | 18     | HCB        |         |
| 1439 | VA1018 | Nguyễn Thị Đào         | 17/06/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Nguyễn Thái Bình      | 11        | 0.50          | 18     | HCB        |         |
| 1440 | VA1057 | Nguyễn Thị Như Ngoại   | 04/02/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Nguyễn Huệ            | 11        | 0.50          | 18     | HCB        |         |
| 1441 | VA1060 | Lê Thị Thảo Nguyên     | 24/11/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Hùng Vương            | 11        | 0.50          | 18     | HCB        |         |
| 1442 | VA1112 | Lê Thiên Phúc Vân      | 28/08/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Krông Ana             | 11        | 0.50          | 18     | HCB        |         |
| 1443 | VA1081 | Đỗ Thị Uyên Phương     | 01/07/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Chu Văn An            | 11        | 0.50          | 18     | HCB        |         |
| 1444 | VA1017 | Nguyễn Bạch Dương      | 09/02/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Lê Quý Đôn            | 11        | 1.50          | 24     | HCB        |         |
| 1445 | VA1025 | Nguyễn Như Mỹ Hoa      | 10/01/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Phạm Văn Đồng         | 10.75     | 0.38          | 25     | HCB        |         |
| 1446 | VA1012 | Trần Kim Chi           | 08/12/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Nguyễn Tất Thành      | 10.75     | 0.63          | 26     | HCB        |         |
| 1447 | VA1038 | Lê Thị Khánh Linh      | 18/10/2006 | Ngữ văn | 11   | PTDTNT Tây Nguyên          | 10.5      | 0.50          | 27     | HCB        |         |
| 1448 | VA1109 | Võ Lê Phương Uyên      | 30/03/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Lê Quý Đôn            | 10.5      | 0.50          | 27     | HCB        |         |
| 1449 | VA1014 | Võ Thị Hiền Dịu        | 09/06/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Ea Súp                | 10.5      | 2.25          | 29     | HCB        |         |
| 1450 | VA1107 | Nguyễn Thị Bích Uyên   | 18/10/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Buôn Hồ               | 10.25     | 0.63          | 30     | HCB        |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|------------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1451 | VA1085 | Nguyễn Thị Minh Tâm    | 09/09/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 10.25     | 0.88          | 31     | HCB        |         |
| 1452 | VA1021 | Vương Thị Hồng Hạnh    | 01/01/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Nguyễn Chí Thanh      | 10.25     | 1.63          | 32     | HCB        |         |
| 1453 | VA1061 | Nguyễn Thị Thảo Nguyên | 24/09/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Buôn Hồ               | 10        | 0.50          | 33     | HCB        |         |
| 1454 | VA1113 | Phạm Hà Thảo Vân       | 22/08/2006 | Ngữ văn | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 10        | 0.50          | 33     | HCB        |         |
| 1455 | VA1054 | Lê Văn Nam             | 12/05/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 10        | 1.00          | 35     | HCB        |         |
| 1456 | VA1033 | Trần Thị Huyền         | 16/06/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Hồng Đức              | 10        | 1.25          | 36     | HCB        |         |
| 1457 | VA1117 | Nguyễn Cao Hạ Vy       | 20/12/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Phạm Văn Đồng         | 9.75      | 0.13          | 37     | HCB        |         |
| 1458 | VA1040 | Nguyễn Thị Ngọc Linh   | 13/01/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Nguyễn Huệ            | 9.75      | 0.38          | 38     | HCB        |         |
| 1459 | VA1044 | Nguyễn Ngọc Ly         | 23/04/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Hai Bà Trưng          | 9.5       | 0.00          | 39     | HCB        |         |
| 1460 | VA1006 | Phan Lê Thục Anh       | 05/06/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Hồng Đức              | 9.5       | 0.25          | 40     | HCB        |         |
| 1461 | VA1024 | Mai Thanh Hiền         | 22/08/2006 | Ngữ văn | 11   | TH, THCS & THPT Victory    | 9.5       | 0.50          | 41     | HCB        |         |
| 1462 | VA1073 | Phạm Hồng Nhung        | 12/01/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Phan Bội Châu         | 9.5       | 0.75          | 42     | HCB        |         |
| 1463 | VA1105 | Trương Thị Thanh Tuyền | 22/01/2006 | Ngữ văn | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 9.5       | 0.75          | 42     | HCB        |         |
| 1464 | VA1091 | Hoàng Thị Thu Thùy     | 11/01/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT DTNT N' Trang Long    | 9.5       | 0.75          | 42     | HCB        |         |
| 1465 | VA1101 | Lê Ngọc Thanh Trúc     | 05/12/2006 | Ngữ Văn | 11   | THPT Phan Đình Phùng       | 9.25      | 0.38          | 45     | HCB        |         |
| 1466 | VA1119 | Lương Yến Vy           | 16/07/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Trần Quốc Toản        | 9.25      | 0.38          | 45     | HCB        |         |
| 1467 | VA1042 | Nguyễn Thuỳ Linh       | 12/11/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Trần Nhân Tông        | 9.25      | 0.63          | 47     | HCB        |         |
| 1468 | VA1087 | Đoàn Thị Phương Thảo   | 23/04/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Trần Phú              | 9.25      | 1.13          | 48     | HCB        |         |
| 1469 | VA1010 | Nguyễn Thị Thùy Châm   | 30/01/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Cư M'gar              | 9         | 0.00          | 49     | HCB        |         |
| 1470 | VA1049 | Nguyễn Kiều Họa My     | 28/06/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Trần Quốc Toản        | 9         | 0.00          | 49     | HCB        |         |
| 1471 | VA1013 | Đàm Thị Thảo Chi       | 09/03/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Nguyễn Tất Thành      | 9         | 0.25          | 51     | HCB        |         |
| 1472 | VA1027 | Dương Thị Huệ          | 10/01/2006 | Ngữ Văn | 11   | THPT Phan Chu Trinh        | 9         | 0.50          | 52     | HCB        |         |
| 1473 | VA1028 | Nông Thị Huệ           | 01/11/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Tôn Đức Thắng         | 9         | 0.50          | 52     | HCB        |         |
| 1474 | VA1034 | Trịnh Thị Thu Huyền    | 13/03/2006 | Ngữ văn | 11   | PTDTNT Tây Nguyên          | 9         | 0.50          | 52     | HCB        |         |
| 1475 | VA1037 | Vũ Thị Ngọc Lan        | 24/06/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Nguyễn Trãi           | 9         | 0.50          | 52     | HCB        |         |
| 1476 | VA1004 | Lê Hà Quỳnh Anh        | 24/06/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT DTNT N' Trang Long    | 9         | 0.50          | 52     | HCB        |         |
| 1477 | VA1020 | Lê Khánh Hào           | 18/04/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Lăk                   | 9         | 0.50          | 52     | HCB        |         |
| 1478 | VA1052 | Nguyễn Thị Vân Na      | 31/07/2006 | Ngữ văn | 11   | TH, THCS & THPT Victory    | 9         | 0.50          | 52     | HCB        |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên             | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|-----------------------|------------|---------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1479 | VA1088 | Nguyễn Trường Thịnh   | 29/05/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Lê Quý Đôn           | 9         | 0.50          | 52     | HCB        |         |
| 1480 | VA1093 | Phạm Thị Minh Thư     | 11/08/2006 | Ngữ Văn | 11   | THPT Phan Chu Trinh       | 9         | 0.50          | 52     | HCB        |         |
| 1481 | VA1041 | Đinh Thị Thuỳ Linh    | 11/07/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Nguyễn Công Trứ      | 9         | 0.75          | 61     | HCB        |         |
| 1482 | VA1043 | Trương Thị Khánh Ly   | 11/07/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên | 9         | 1.00          | 62     | HCB        |         |
| 1483 | VA1099 | Nguyễn Thị Ngọc Trâm  | 25/07/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Lê Hữu Trác          | 9         | 1.00          | 62     | HCB        |         |
| 1484 | VA1116 | Trần Bảo Vy           | 19/08/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Trần Quốc Toản       | 9         | 1.50          | 64     | HCB        |         |
| 1485 | VA1009 | Nguyễn Thị Ánh        | 08/04/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Ngô Gia Tự           | 8.75      | 0.13          | 65     | HCB        |         |
| 1486 | VA1003 | Đỗ Thị Quỳnh Anh      | 11/12/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Trần Quang Khải      | 8.75      | 0.88          | 66     | HCB        |         |
| 1487 | VA1005 | Phan Lê Quỳnh Anh     | 20/11/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Lê Duẩn              | 8.5       | 0.25          | 67     |            |         |
| 1488 | VA1055 | Nguyễn Thị Thuý Nga   | 27/09/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Việt Đức             | 8.5       | 0.25          | 67     |            |         |
| 1489 | VA1103 | Hồ Vân Trường         | 22/03/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Lê Hữu Trác          | 8.5       | 0.25          | 67     |            |         |
| 1490 | VA1115 | Nông Thị Vân          | 21/10/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Võ Văn Kiệt          | 8.5       | 0.25          | 67     |            |         |
| 1491 | VA1062 | Phạm Cao Thảo Nguyên  | 03/06/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Buôn Ma Thuột        | 8.5       | 0.75          | 71     |            |         |
| 1492 | VA1064 | Nguyễn Thị Kim Nhan   | 29/10/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Ea H'leo             | 8.5       | 0.75          | 71     |            |         |
| 1493 | VA1048 | H Lagi Mlô            | 01/08/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Lê Hữu Trác          | 8.5       | 0.75          | 71     |            |         |
| 1494 | VA1102 | Bùi Đỗ Mai Thiên Trúc | 11/08/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Ngô Gia Tự           | 8.5       | 0.75          | 71     |            |         |
| 1495 | VA1100 | Phạm Thị Kiều Trinh   | 28/01/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Ngô Gia Tự           | 8.5       | 0.75          | 71     |            |         |
| 1496 | VA1047 | Trần Công Minh        | 30/05/2006 | Ngữ văn | 11   | TH, THCS & THPT Victory   | 8.5       | 1.00          | 76     |            |         |
| 1497 | VA1106 | Trần Mạnh Tường       | 13/03/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Krông Ana            | 8.5       | 1.25          | 77     |            |         |
| 1498 | VA1080 | Nguyễn Thị Mỹ Phương  | 15/05/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Nguyễn Tất Thành     | 8.5       | 1.75          | 78     |            |         |
| 1499 | VA1114 | Phạm Thị Thảo Vân     | 03/01/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Trần Đại Nghĩa       | 8.25      | 0.38          | 79     |            |         |
| 1500 | VA1036 | Bùi Thiên Lam         | 25/02/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Lăk                  | 8.25      | 0.88          | 80     |            |         |
| 1501 | VA1094 | Lê Quỳnh Thư          | 08/09/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Võ Văn Kiệt          | 8.25      | 0.88          | 80     |            |         |
| 1502 | VA1026 | Hà Thanh Huệ          | 27/01/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Ea Rôk               | 8         | 0.00          | 82     |            |         |
| 1503 | VA1108 | Tổng Phương Uyên      | 17/04/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Việt Đức             | 8         | 0.00          | 82     |            |         |
| 1504 | VA1001 | Dương Thị Ngọc Ánh    | 15/09/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Võ Nguyên Giáp       | 8         | 0.25          | 84     |            |         |
| 1505 | VA1067 | Phạm Đình Khánh Nhi   | 28/09/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Hùng Vương           | 8         | 0.50          | 85     |            |         |
| 1506 | VA1096 | Lưu Thị Huyền Trang   | 29/03/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Buôn Đôn             | 8         | 0.50          | 85     |            |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|------------------------|------------|---------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1507 | VA1022 | Trần Thị Mỹ Hạnh       | 18/02/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Trường Chinh         | 8         | 1.00          | 87     |            |         |
| 1508 | VA1008 | Nguyễn Lê Ngọc Ánh     | 07/01/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Võ Văn Kiệt          | 7.75      | 0.13          | 88     |            |         |
| 1509 | VA1058 | Nguyễn Như Ngọc        | 10/10/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Phạm Văn Đồng        | 7.75      | 0.13          | 88     |            |         |
| 1510 | VA1074 | Nguyễn Tuyết Nhung     | 20/07/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Buôn Ma Thuột        | 7.75      | 0.38          | 90     |            |         |
| 1511 | VA1045 | Lâm Quỳnh Ly           | 05/09/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Nguyễn Thị Minh Khai | 7.75      | 0.88          | 91     |            |         |
| 1512 | VA1016 | Nguyễn Thị Thùy Dung   | 02/02/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Trường Chinh         | 7.5       | 0.25          | 92     |            |         |
| 1513 | VA1029 | Nguyễn Thái Huy        | 25/09/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Trần Phú             | 7.5       | 0.50          | 93     |            |         |
| 1514 | VA1035 | Phạm Minh Khuê         | 09/05/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Krông Ana            | 7.25      | 0.13          | 94     |            |         |
| 1515 | VA1070 | Nguyễn Bảo Yến Nhi     | 10/04/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Lê Duẩn              | 7.25      | 0.63          | 95     |            |         |
| 1516 | VA1079 | Trần Ngọc Minh Phương  | 15/11/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Chu Văn An           | 7.25      | 0.63          | 95     |            |         |
| 1517 | VA1051 | Nguyễn Thị Trà My      | 03/06/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Nguyễn Công Trứ      | 7.25      | 0.63          | 95     |            |         |
| 1518 | VA1046 | Dương Thế Mạnh         | 19/06/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Tôn Đức Thắng        | 7.25      | 1.13          | 98     |            |         |
| 1519 | VA1104 | Đinh Ngọc Tuyết        | 24/03/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Lê Duẩn              | 7         | 0.25          | 99     |            |         |
| 1520 | VA1066 | Nguyễn Thị Thanh Nhân  | 04/06/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên | 7         | 0.50          | 100    |            |         |
| 1521 | VA1089 | Phạm Thị Thanh Thúy    | 17/10/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Trần Phú             | 7         | 0.50          | 100    |            |         |
| 1522 | VA1098 | Trần Thị Thùy Trang    | 01/03/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm    | 7         | 0.50          | 100    |            |         |
| 1523 | VA1053 | Bùi Duy Nam            | 19/11/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Trần Quang Khải      | 7         | 1.00          | 103    |            |         |
| 1524 | VA1083 | Nguyễn Phạm Như Quỳnh  | 26/11/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Y Jut                | 6.75      | 0.88          | 104    |            |         |
| 1525 | VA1092 | Huỳnh Anh Thư          | 22/04/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Hai Bà Trưng         | 6.75      | 0.88          | 104    |            |         |
| 1526 | VA1078 | Hứa Thị Huệ Phương     | 20/04/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Ea Rók               | 6.75      | 1.63          | 106    |            |         |
| 1527 | VA1039 | Trần Nguyễn Khánh Linh | 10/11/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Y Jut                | 6.5       | 0.25          | 107    |            |         |
| 1528 | VA1071 | Vũ Thị Yến Nhi         | 27/07/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Buôn Đôn             | 6.5       | 0.25          | 107    |            |         |
| 1529 | VA1122 | Nguyễn Thị Như Ý       | 24/12/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Phan Đình Phùng      | 6.5       | 0.25          | 107    |            |         |
| 1530 | VA1030 | Hoàng Thị Khánh Huyền  | 03/03/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm    | 6.5       | 0.75          | 110    |            |         |
| 1531 | VA1011 | Linh Võ Đan Chi        | 05/06/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Lê Hồng Phong        | 6.25      | 0.13          | 111    |            |         |
| 1532 | VA1031 | Nguyễn Khánh Huyền     | 28/04/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Phan Đình Phùng      | 6.25      | 0.63          | 112    |            |         |
| 1533 | VA1059 | Bùi Trần Thảo Nguyên   | 09/02/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Ea Súp               | 6         | 0.00          | 113    |            |         |
| 1534 | VA1065 | Nguyễn Thị Thanh Nhân  | 21/05/2006 | Ngữ văn | 11   | THPT Ea Rók               | 6         | 0.50          | 114    |            |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên             | Ngày sinh  | Môn thi  | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|-----------------------|------------|----------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1535 | VA1068 | Trần Thảo Nhi         | 15/06/2006 | Ngữ văn  | 11   | THPT Lê Hồng Phong         | 6         | 0.50          | 114    |            |         |
| 1536 | VA1123 | Trương Như Ý          | 31/10/2006 | Ngữ văn  | 11   | THPT Buôn Đôn              | 6         | 0.50          | 114    |            |         |
| 1537 | VA1050 | Nguyễn Trần Trà My    | 07/06/2006 | Ngữ văn  | 11   | THPT Hai Bà Trưng          | 6         | 1.50          | 117    |            |         |
| 1538 | VA1118 | Lê Mai Tường Vy       | 05/09/2006 | Ngữ văn  | 11   | THPT Trường Chinh          | 5.75      | 0.13          | 118    |            |         |
| 1539 | VA1121 | Huỳnh Thị Ngọc YẾN    | 01/06/2006 | Ngữ văn  | 11   | THPT Lê Hồng Phong         | 5.5       | 0.25          | 119    |            |         |
| 1540 | VA1069 | Hà Thị Yến Nhi        | 02/06/2006 | Ngữ văn  | 11   | THPT Nguyễn Chí Thanh      | 5.5       | 0.75          | 120    |            |         |
| 1541 | VA1075 | Phan Quỳnh Như        | 29/06/2006 | Ngữ văn  | 11   | THPT Nguyễn Công Trứ       | 5.5       | 0.75          | 120    |            |         |
| 1542 | VA1077 | Lục Thị Minh Phúc     | 29/10/2006 | Ngữ văn  | 11   | THPT Nguyễn Chí Thanh      | 5         | 0.50          | 122    |            |         |
| 1543 | VA1086 | Mai Phương Lan        | 16/07/2006 | Ngữ văn  | 11   | THPT Việt Đức              | 5         | 0.50          | 122    |            |         |
| 1544 | SI1044 | Phạm Nguyễn Tiến Minh | 25/12/2006 | Sinh học | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 19.75     | 0.10          | 1      | HCV        |         |
| 1545 | SI1018 | Đoàn Gia Hân          | 26/01/2006 | Sinh học | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 18.125    | 0.22          | 2      | HCV        |         |
| 1546 | SI1066 | Nguyễn Thị Thu Thảo   | 02/01/2006 | Sinh học | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 17.125    | 0.46          | 3      | HCV        |         |
| 1547 | SI1078 | Đặng Bảo Trân         | 05/10/2006 | Sinh học | 11   | TH, THCS & THPT Victory    | 15.75     | 0.80          | 4      | HCV        |         |
| 1548 | SI1006 | Nguyễn Ngọc Thiên Ân  | 20/10/2006 | Sinh học | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 13.175    | 0.70          | 5      | HCV        |         |
| 1549 | SI1071 | Nguyễn Kông Quỳnh Thy | 06/03/2006 | Sinh học | 11   | TH, THCS & THPT Victory    | 13.125    | 1.04          | 6      | HCV        |         |
| 1550 | SI1063 | Lê Phương Sang        | 28/02/2006 | Sinh học | 11   | THPT Krông Ana             | 12.8      | 0.85          | 7      | HCV        |         |
| 1551 | SI1022 | Nguyễn Thị Hồng Hải   | 05/06/2006 | Sinh học | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 12.425    | 0.54          | 8      | HCV        |         |
| 1552 | SI1080 | Lê Tấn Triều          | 21/04/2006 | Sinh học | 11   | THPT Ngô Gia Tự            | 12.125    | 0.44          | 9      | HCV        |         |
| 1553 | SI1065 | Trần Thị Phương Thảo  | 15/08/2006 | Sinh học | 11   | THPT Ngô Gia Tự            | 11.325    | 0.78          | 10     | HCV        |         |
| 1554 | SI1010 | Nguyễn Thanh Cung     | 16/02/2006 | Sinh học | 11   | THPT Cao Bá Quát           | 11.05     | 0.79          | 11     | HCV        |         |
| 1555 | SI1001 | Lương Bảo An          | 26/11/2006 | Sinh học | 11   | THPT Lê Duẩn               | 10.65     | 0.90          | 12     | HCV        |         |
| 1556 | SI1009 | Nguyễn Phúc Cát       | 31/01/2006 | Sinh học | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 10.6      | 0.59          | 13     | HCV        |         |
| 1557 | SI1011 | Thân Văn Cường        | 30/01/2006 | Sinh học | 11   | THPT Cư M'gar              | 10.5      | 0.46          | 14     | HCB        |         |
| 1558 | SI1019 | Đỗ Thị Ngọc Hân       | 20/11/2006 | Sinh học | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 10.3      | 0.61          | 15     | HCB        |         |
| 1559 | SI1032 | Vũ Hữu Châu Lâm       | 21/11/2006 | Sinh học | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 9.875     | 0.98          | 16     | HCB        |         |
| 1560 | SI1026 | Đinh Trần Hùng        | 15/02/2006 | Sinh học | 11   | PTDTNT Tây Nguyên          | 9.8       | 0.88          | 17     | HCB        |         |
| 1561 | SI1055 | Phạm Hoàng Nhật       | 29/07/2006 | Sinh học | 11   | THPT Buôn Hồ               | 9.675     | 0.72          | 18     | HCB        |         |
| 1562 | SI1045 | Võ Hoàng Nam          | 26/02/2006 | Sinh học | 11   | THPT Nguyễn Tất Thành      | 9.375     | 0.91          | 19     | HCB        |         |



| STT  | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi  | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|------------------------|------------|----------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1563 | SI1074 | Võ Thị Quỳnh Trang     | 16/08/2006 | Sinh học | 11   | THPT Nguyễn Trường Tộ     | 9.325     | 0.60          | 20     | HCB        |         |
| 1564 | SI1060 | Hoàng Xuân Phúc        | 17/08/2006 | Sinh học | 11   | THPT Ea Rôk               | 8.925     | 0.92          | 21     | HCB        |         |
| 1565 | SI1036 | Đào Nguyễn Ngọc Linh   | 03/07/2006 | Sinh học | 11   | THPT Ngô Gia Tự           | 8.925     | 0.92          | 22     | HCB        |         |
| 1566 | SI1067 | Trương Thị Anh Thêu    | 01/01/2006 | Sinh học | 11   | THPT Trần Đại Nghĩa       | 8.9       | 0.80          | 23     | HCB        |         |
| 1567 | SI1034 | Nguyễn Lê Khánh Linh   | 11/11/2006 | Sinh học | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm    | 8.8       | 0.59          | 24     | HCB        |         |
| 1568 | SI1007 | Hoàng Gia Bảo          | 14/08/2006 | Sinh học | 11   | THPT Buôn Ma Thuột        | 8.525     | 1.03          | 25     | HCB        |         |
| 1569 | SI1030 | Nguyễn Hoàng Văn Khanh | 20/01/2006 | Sinh học | 11   | THPT Lý Tự Trọng          | 8.3       | 0.89          | 26     | HCB        |         |
| 1570 | SI1087 | Đỗ Thành Vỹ            | 23/07/2006 | Sinh học | 11   | THPT Phan Bội Châu        | 8.2       | 0.76          | 27     | HCB        |         |
| 1571 | SI1020 | Nguyễn Thị Thúy Hằng   | 05/12/2006 | Sinh học | 11   | THPT Việt Đức             | 8.175     | 0.94          | 28     | HCB        |         |
| 1572 | SI1028 | Mông Thị Hường         | 25/11/2006 | Sinh học | 11   | THPT Trần Quốc Toàn       | 8.1       | 0.74          | 29     | HCB        |         |
| 1573 | SI1081 | Nguyễn Thị Tuyết Trinh | 20/01/2006 | Sinh học | 11   | THPT Trường Chinh         | 8.075     | 0.58          | 30     | HCB        |         |
| 1574 | SI1059 | Sầm Thị Kim Oanh       | 02/09/2006 | Sinh học | 11   | THPT DTNT N' Trang Long   | 7.925     | 0.98          | 31     | HCB        |         |
| 1575 | SI1004 | Trần Thị Minh Anh      | 08/12/2006 | Sinh học | 11   | THPT Nguyễn Huệ           | 7.9       | 0.63          | 32     | HCB        |         |
| 1576 | SI1052 | Nguyễn Thị Như Ngọc    | 25/08/2006 | Sinh học | 11   | THPT Cư M'gar             | 7.875     | 0.35          | 33     | HCB        |         |
| 1577 | SI1075 | Nguyễn Hồ Thanh Trà    | 18/07/2006 | Sinh học | 11   | THPT Nguyễn Huệ           | 7.65      | 0.67          | 34     | HCB        |         |
| 1578 | SI1048 | Hồ Thị Bảo Ngọc        | 28/07/2006 | Sinh học | 11   | THPT Cao Bá Quát          | 7.625     | 0.69          | 35     | HCB        |         |
| 1579 | SI1069 | Nguyễn Thị Phương Thùy | 08/04/2006 | Sinh học | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm    | 7.45      | 1.02          | 36     | HCB        |         |
| 1580 | SI1015 | Nguyễn Lê Ngọc Hà      | 12/01/2006 | Sinh học | 11   | THPT Buôn Ma Thuột        | 7.4       | 0.40          | 37     | HCB        |         |
| 1581 | SI1073 | Bùi Ngọc Huyền Trang   | 28/09/2006 | Sinh học | 11   | THPT Lê Quý Đôn           | 7.375     | 1.13          | 38     | HCB        |         |
| 1582 | SI1042 | Lâm Thị Lý             | 02/01/2006 | Sinh học | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên | 7.125     | 0.82          | 39     | HCB        |         |
| 1583 | SI1017 | Nguyễn Thị Lệ Hải      | 30/01/2006 | Sinh học | 11   | THPT Ea H'leo             | 7         | 0.34          | 40     | HCB        |         |
| 1584 | SI1005 | Văn Nguyễn Ngọc Anh    | 08/09/2006 | Sinh học | 11   | THPT Ea Rôk               | 6.85      | 0.75          | 41     | HCB        |         |
| 1585 | SI1040 | Hà Kiều Loan           | 07/05/2006 | Sinh học | 11   | THPT Hai Bà Trưng         | 6.7       | 0.69          | 42     | HCB        |         |
| 1586 | SI1013 | Nguyễn Tấn Dũng        | 20/11/2006 | Sinh học | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên | 6.7       | 0.74          | 43     | HCB        |         |
| 1587 | SI1084 | Vương Cẩm Tú           | 04/06/2006 | Sinh học | 11   | THPT Nguyễn Công Trứ      | 6.7       | 0.80          | 44     | HCB        |         |
| 1588 | SI1024 | Nguyễn Thị Hiền        | 30/05/2006 | Sinh học | 11   | THPT Trần Quang Khải      | 6.675     | 0.73          | 45     | HCB        |         |
| 1589 | SI1008 | Nguyễn Thị Như Bình    | 14/05/2006 | Sinh học | 11   | THPT Krông Ana            | 6.5       | 0.45          | 46     | HCB        |         |
| 1590 | SI1021 | Hà Đăng Hải            | 11/08/2006 | Sinh học | 11   | PTDTNT Tây Nguyên         | 6.5       | 0.70          | 47     | HCB        |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên             | Ngày sinh  | Môn thi  | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|-----------------------|------------|----------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1591 | SI1035 | Trần Thị Khánh Linh   | 19/11/2006 | Sinh học | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 6.35      | 0.77          | 48     |            |         |
| 1592 | SI1039 | Trần Thị Thùy Linh    | 17/12/2006 | Sinh học | 11   | THPT Krông Bông            | 6.3       | 0.34          | 49     |            |         |
| 1593 | SI1072 | Lê Hữu Toàn           | 08/06/2006 | Sinh học | 11   | THPT Trần Đại Nghĩa        | 6.125     | 0.58          | 50     |            |         |
| 1594 | SI1037 | Nguyễn Thị Linh       | 20/10/2006 | Sinh học | 11   | THPT Trần Quốc Toàn        | 6.1       | 0.76          | 51     |            |         |
| 1595 | SI1076 | Trần Thị Ngọc Trâm    | 15/06/2006 | Sinh học | 11   | THPT Nguyễn Huệ            | 6.05      | 0.49          | 52     |            |         |
| 1596 | SI1068 | Trương Lê Nhất Thiên  | 30/01/2006 | Sinh học | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 5.875     | 0.51          | 53     |            |         |
| 1597 | SI1002 | Mông Chu An           | 26/04/2006 | Sinh học | 11   | PTDTNT Tây Nguyên          | 5.75      | 0.91          | 54     |            |         |
| 1598 | SI1014 | Võ Minh Đăng          | 04/09/2006 | Sinh học | 11   | THPT Y Jut                 | 5.725     | 0.86          | 55     |            |         |
| 1599 | SI1079 | Nguyễn Hồng Tráng     | 01/03/2006 | Sinh học | 11   | THPT Nguyễn Tất Thành      | 5.65      | 0.47          | 56     |            |         |
| 1600 | SI1083 | Đặng Sỹ Tuấn          | 21/01/2006 | Sinh học | 11   | THPT Cư M'gar              | 5.625     | 0.99          | 57     |            |         |
| 1601 | SI1085 | Nguyễn Thị Tường Vi   | 22/06/2006 | Sinh học | 11   | THPT Phạm Văn Đồng         | 5.375     | 0.27          | 58     |            |         |
| 1602 | SI1082 | Phạm Mạnh Tuấn        | 16/01/2006 | Sinh học | 11   | THPT Chu Văn An            | 5.325     | 0.61          | 59     |            |         |
| 1603 | SI1056 | Nguyễn Sỹ Nhật        | 29/06/2006 | Sinh học | 11   | THPT Buôn Ma Thuột         | 5.25      | 0.75          | 60     |            |         |
| 1604 | SI1086 | Nguyễn Lê Ngọc Vy     | 06/04/2006 | Sinh học | 11   | THPT Trần Quang Khải       | 4.875     | 0.73          | 61     |            |         |
| 1605 | SI1049 | Nguyễn Lưu Bảo Ngọc   | 10/01/2005 | Sinh học | 11   | THPT Hai Bà Trưng          | 4.7       | 0.58          | 62     |            |         |
| 1606 | SI1041 | Nguyễn Lê Bảo Long    | 15/06/2006 | Sinh học | 11   | THPT Lê Duẩn               | 4.625     | 0.66          | 63     |            |         |
| 1607 | SI1016 | Nguyễn Thị Ngọc Hà    | 01/05/2006 | Sinh học | 11   | THPT Quang Trung           | 4.6       | 0.35          | 64     |            |         |
| 1608 | SI1047 | Vũ Ánh Ngọc           | 20/09/2006 | Sinh học | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 4.5       | 0.87          | 65     |            |         |
| 1609 | SI1057 | Trần Võ Lâm Nhi       | 08/04/2006 | Sinh học | 11   | THPT Buôn Hồ               | 4.375     | 0.43          | 66     |            |         |
| 1610 | SI1027 | Hoàng Thị Hương       | 04/01/2006 | Sinh học | 11   | THPT Trần Quốc Toàn        | 4.05      | 0.67          | 67     |            |         |
| 1611 | SI1051 | Lê Thị Khánh Ngọc     | 01/01/2006 | Sinh học | 11   | THPT Hồng Đức              | 4         | 0.51          | 68     |            |         |
| 1612 | SI1064 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | 22/04/2006 | Sinh học | 11   | THPT Lăk                   | 3.9       | 0.42          | 69     |            |         |
| 1613 | SI1012 | Dương Hồng Diễm       | 03/03/2006 | Sinh học | 11   | THPT Chu Văn An            | 3.775     | 0.54          | 70     |            |         |
| 1614 | SI1058 | Phan Phương Nhi       | 12/03/2006 | Sinh học | 11   | THPT Nguyễn Công Trứ       | 3.73      | 0.50          | 71     |            |         |
| 1615 | SI1061 | Hồ Hà Thi Quân        | 24/10/2006 | Sinh học | 11   | THPT Quang Trung           | 3.7       | 0.35          | 72     |            |         |
| 1616 | SI1003 | Lê Thị Mai An         | 03/01/2006 | Sinh học | 11   | THPT Nguyễn Công Trứ       | 3.7       | 0.56          | 73     |            |         |
| 1617 | SI1025 | Phan Huy Hoàng        | 04/12/2006 | Sinh học | 11   | THPT Hồng Đức              | 3.625     | 0.83          | 74     |            |         |
| 1618 | SI1031 | Đinh Công Khuyển      | 05/01/2006 | Sinh học | 11   | THPT Võ Nguyên Giáp        | 3.525     | 0.45          | 75     |            |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi   | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|------------------------|------------|-----------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1619 | SI1038 | Nguyễn Thu Linh        | 23/06/2006 | Sinh học  | 11   | THPT Phan Đình Phùng       | 3.5       | 0.60          | 76     |            |         |
| 1620 | SI1053 | Lê Thị Ngọc            | 14/09/2006 | Sinh học  | 11   | THPT Phạm Văn Đồng         | 3.4       | 0.65          | 77     |            |         |
| 1621 | SI1046 | Ung Thùy Kim Ngân      | 02/03/2006 | Sinh học  | 11   | THPT Krông Bông            | 3.25      | 0.58          | 78     |            |         |
| 1622 | SI1070 | Trần Võ Quỳnh Thư      | 22/09/2006 | Sinh học  | 11   | THPT Chu Văn An            | 3.25      | 0.94          | 79     |            |         |
| 1623 | SI1054 | Nguyễn Anh Nguyên      | 11/06/2006 | Sinh học  | 11   | THPT Phạm Văn Đồng         | 3.225     | 0.31          | 80     |            |         |
| 1624 | SI1077 | Đặng Thị Thùy Trâm     | 04/05/2006 | Sinh học  | 11   | THPT Phan Đình Phùng       | 3.175     | 0.57          | 81     |            |         |
| 1625 | SI1023 | Bùi Thị Hồng Hạnh      | 12/06/2006 | Sinh học  | 11   | THPT Ea H'leo              | 3.05      | 0.18          | 82     |            |         |
| 1626 | SI1033 | Nguyễn Thị Hồng Liên   | 07/10/2006 | Sinh học  | 11   | THPT Nguyễn Chí Thanh      | 2.5       | 0.52          | 83     |            |         |
| 1627 | SI1043 | Nguyễn Ngọc Bảo Minh   | 05/05/2006 | Sinh học  | 11   | THPT Krông Ana             | 2.25      | 0.19          | 84     |            |         |
| 1628 | SI1029 | Nguyễn Hoàng Khang Hy  | 30/08/2006 | Sinh học  | 11   | THPT Hồng Đức              | 2.25      | 0.48          | 85     |            |         |
| 1629 | SI1050 | Sầm Thị Bích Ngọc      | 16/04/2006 | Sinh học  | 11   | THPT Nguyễn Chí Thanh      | 2.25      | 0.48          | 85     |            |         |
| 1630 | SI1062 | Nguyễn Thị Quỳnh       | 01/03/2006 | Sinh học  | 11   | THPT Võ Nguyên Giáp        | 1.6       | 0.39          | 87     |            |         |
| 1631 | TA1034 | Hoàng Nghĩa Mạnh       | 08/05/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 91        | 8.98          | 1      | HCV        |         |
| 1632 | TA1089 | Đặng Phương Uyên       | 15/11/2006 | Tiếng Anh | 11   | TH, THCS & THPT Victory    | 63.5      | 11.44         | 2      | HCV        |         |
| 1633 | TA1014 | Nguyễn Thị Dinh        | 31/01/2006 | Tiếng Anh | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 59.5      | 11.34         | 3      | HCV        |         |
| 1634 | TA1029 | Trần Bảo Khang         | 19/01/2006 | Tiếng Anh | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 57        | 11.61         | 4      | HCV        |         |
| 1635 | TA1072 | Hoàng Thị Minh Thư     | 31/07/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Lý Tự Trọng           | 56        | 12.63         | 5      | HCV        |         |
| 1636 | TA1005 | Phạm Vũ Linh Anh       | 15/01/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 53        | 11.76         | 6      | HCV        |         |
| 1637 | TA1083 | Nguyễn Đặng Thùy Trang | 07/01/2006 | Tiếng Anh | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 52.5      | 9.72          | 7      | HCV        |         |
| 1638 | TA1059 | Phạm Nhật Quang        | 30/08/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 52.5      | 12.58         | 8      | HCV        |         |
| 1639 | TA1042 | Võ Hoàng Thảo Ngân     | 21/07/2006 | Tiếng Anh | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 52        | 10.84         | 9      | HCV        |         |
| 1640 | TA1048 | Võ Thảo Nguyên         | 30/12/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Y Jut                 | 50.5      | 10.27         | 10     | HCV        |         |
| 1641 | TA1019 | Nguyễn Đình Hải Đăng   | 15/10/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Nguyễn Tất Thành      | 50        | 10.78         | 11     | HCV        |         |
| 1642 | TA1069 | Nguyễn Toàn Thiện      | 06/05/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Lê Quý Đôn            | 49        | 9.28          | 12     | HCV        |         |
| 1643 | TA1031 | Phạm Thị Ngọc Khánh    | 01/09/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Buôn Hồ               | 47.5      | 11.38         | 13     | HCV        |         |
| 1644 | TA1036 | Nguyễn Lê Bình Minh    | 23/10/2006 | Tiếng Anh | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 47        | 11.17         | 14     | HCV        |         |
| 1645 | TA1067 | Hoàng Thị Phương Thảo  | 02/02/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Buôn Hồ               | 46        | 9.60          | 15     | HCB        |         |
| 1646 | TA1077 | Nguyễn Ngọc Toàn       | 17/05/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Hùng Vương            | 44.5      | 11.09         | 16     | HCB        |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên                | Ngày sinh  | Môn thi   | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|--------------------------|------------|-----------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1647 | TA1032 | Bùi Anh Khoa             | 23/06/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 41.5      | 11.06         | 17     | HCB        |         |
| 1648 | TA1068 | Nguyễn Phương Thảo       | 15/09/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Ngô Gia Tự            | 41.5      | 11.31         | 18     | HCB        |         |
| 1649 | TA1053 | Đoàn Dữ Hạnh Nhi         | 24/09/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Nguyễn Trãi           | 41        | 9.81          | 19     | HCB        |         |
| 1650 | TA1073 | Nguyễn Thị Minh Thư      | 10/09/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Krông Bông            | 40.5      | 8.96          | 20     | HCB        |         |
| 1651 | TA1051 | Hứa Thiện Nhân           | 16/09/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Chu Văn An            | 40        | 10.70         | 21     | HCB        |         |
| 1652 | TA1057 | Đỗ Phan Lan Phương       | 13/11/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Ngô Gia Tự            | 39        | 10.83         | 22     | HCB        |         |
| 1653 | TA1007 | Phan Nguyễn Quỳnh Anh    | 18/08/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 38        | 7.50          | 23     | HCB        |         |
| 1654 | TA1061 | Bùi Thị Lệ Quyên         | 13/05/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Trần Nhân Tông        | 38        | 8.65          | 24     | HCB        |         |
| 1655 | TA1064 | Phan Thế Tâm             | 24/01/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Lê Hồng Phong         | 38        | 9.63          | 25     | HCB        |         |
| 1656 | TA1023 | Đỗ Thị Ngọc Hân          | 17/03/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 38        | 10.16         | 26     | HCB        |         |
| 1657 | TA1054 | Vũ Trần Thục Nhi         | 23/12/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Quang Trung           | 35.5      | 8.53          | 27     | HCB        |         |
| 1658 | TA1009 | Nguyễn Thị Ngọc Ánh      | 25/09/2006 | Tiếng Anh | 11   | TH, THCS & THPT Victory    | 35.5      | 10.04         | 28     | HCB        |         |
| 1659 | TA1016 | Hoàng Ngô Quốc Dũng      | 15/03/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Krông Ana             | 35        | 6.76          | 29     | HCB        |         |
| 1660 | TA1092 | Nguyễn Thanh Vinh        | 25/10/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Ea H'leo              | 35        | 8.61          | 30     | HCB        |         |
| 1661 | TA1075 | Nguyễn Ngọc Quỳnh Thy    | 19/01/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Krông Bông            | 35        | 10.76         | 31     | HCB        |         |
| 1662 | TA1020 | Dương Nguyên Đăng        | 05/11/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Hai Bà Trưng          | 34.5      | 8.50          | 32     | HCB        |         |
| 1663 | TA1046 | Từ Hoàng Tiểu Ngọc       | 27/11/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 34        | 7.43          | 33     | HCB        |         |
| 1664 | TA1026 | Nguyễn Đình Anh Huy      | 12/11/2006 | Tiếng Anh | 11   | TH, THCS & THPT Victory    | 34        | 8.99          | 34     | HCB        |         |
| 1665 | TA1013 | Trịnh Nguyễn Phương Danh | 11/12/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Phan Bội Châu         | 33.5      | 7.96          | 35     | HCB        |         |
| 1666 | TA1060 | Phạm Hồ Hữu Quân         | 27/02/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Hùng Vương            | 33        | 7.12          | 36     | HCB        |         |
| 1667 | TA1025 | Nguyễn Vũ Hồng Hạnh      | 21/08/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Lê Quý Đôn            | 33        | 8.07          | 37     | HCB        |         |
| 1668 | TA1086 | Lê Thị Cẩm Tú            | 12/09/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Chu Văn An            | 33        | 9.28          | 38     | HCB        |         |
| 1669 | TA1065 | Bùi Tuấn Thành           | 27/12/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Phạm Văn Đồng         | 32        | 6.96          | 39     | HCB        |         |
| 1670 | TA1003 | Trần Hoài Anh            | 28/05/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Hồng Đức              | 31.5      | 9.76          | 40     | HCB        |         |
| 1671 | TA1035 | Nguyễn Anh Minh          | 25/04/2006 | Tiếng Anh | 11   | PTDTNT Tây Nguyên          | 31        | 8.26          | 41     | HCB        |         |
| 1672 | TA1010 | Phạm Gia Bảo             | 19/11/2005 | Tiếng Anh | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 30.5      | 8.29          | 42     | HCB        |         |
| 1673 | TA1082 | Lê Thùy Trang            | 13/01/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Lăk                   | 30.5      | 9.17          | 43     | HCB        |         |
| 1674 | TA1041 | Ngô Vũ Thanh Ngân        | 15/11/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Buôn Hồ               | 30        | 6.73          | 44     | HCB        |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên                | Ngày sinh  | Môn thi   | Khối | Tên trường             | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|--------------------------|------------|-----------|------|------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1675 | TA1043 | Huỳnh Phan Ánh Ngọc      | 15/04/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm | 30        | 8.41          | 45     | HCB        |         |
| 1676 | TA1080 | Phạm Thanh Trang         | 23/03/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Cư M'gar          | 30        | 9.07          | 46     | HCB        |         |
| 1677 | TA1074 | Võ Ngọc Trúc Thư         | 17/02/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Lăk               | 29.5      | 9.34          | 47     | HCB        |         |
| 1678 | TA1091 | Đoàn Thị Cẩm Viên        | 04/05/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Krông Ana         | 28        | 6.67          | 48     | HCB        |         |
| 1679 | TA1011 | Nguyễn Anh Hoài Bảo      | 28/08/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Buôn Ma Thuột     | 28        | 7.55          | 49     | HCB        |         |
| 1680 | TA1049 | Trần Ngọc Vy Nguyên      | 17/03/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Chu Văn An        | 28        | 7.81          | 50     | HCB        |         |
| 1681 | TA1047 | Lê Bảo Nguyên            | 14/09/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Lê Hồng Phong     | 27.5      | 6.75          | 51     | HCB        |         |
| 1682 | TA1021 | Nguyễn Hữu Đức           | 18/10/2006 | Tiếng Anh | 11   | PTDTNT Tây Nguyên      | 27.5      | 8.00          | 52     | HCB        |         |
| 1683 | TA1045 | Nguyễn Thị Ngọc          | 25/10/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Nguyễn Huệ        | 27.5      | 8.07          | 53     |            |         |
| 1684 | TA1058 | Đặng Nguyễn Trường Phước | 03/09/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Nguyễn Tất Thành  | 26.5      | 7.05          | 54     |            |         |
| 1685 | TA1052 | Trần Thiện Nhân          | 19/11/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Trần Nhân Tông    | 26.5      | 7.44          | 55     |            |         |
| 1686 | TA1050 | Cao Thị Kim Nhân         | 02/07/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Nguyễn Huệ        | 26.5      | 8.10          | 56     |            |         |
| 1687 | TA1037 | Vũ Nguyễn Hoàng Minh     | 19/08/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Ngô Gia Tự        | 26        | 6.18          | 57     |            |         |
| 1688 | TA1022 | Huỳnh Trần Gia Hân       | 08/11/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Lê Duẩn           | 26        | 6.65          | 58     |            |         |
| 1689 | TA1012 | Nguyễn Phương Bình       | 12/10/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Cư M'gar          | 25.5      | 7.15          | 59     |            |         |
| 1690 | TA1001 | Lê Duy Đức Anh           | 31/10/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Phan Bội Châu     | 25.5      | 7.22          | 60     |            |         |
| 1691 | TA1070 | Nguyễn Anh Thư           | 04/02/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Buôn Ma Thuột     | 25        | 8.01          | 61     |            |         |
| 1692 | TA1002 | Lương Thị Hà Anh         | 01/03/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Phan Bội Châu     | 24.5      | 7.14          | 62     |            |         |
| 1693 | TA1008 | Lê Thị Ngọc Ánh          | 20/12/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Krông Bông        | 24.5      | 7.18          | 63     |            |         |
| 1694 | TA1017 | Trần Công Quốc Dũng      | 30/12/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Phan Đăng Lưu     | 24        | 6.00          | 64     |            |         |
| 1695 | TA1055 | Trần Thị Hồng Nhung      | 13/04/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Trần Quốc Toản    | 24        | 6.00          | 64     |            |         |
| 1696 | TA1033 | Nguyễn Hoàng Khánh Linh  | 02/09/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Nguyễn Trường Tộ  | 23.5      | 5.59          | 66     |            |         |
| 1697 | TA1044 | Mai Hồng Ánh Ngọc        | 11/04/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Quang Trung       | 23.5      | 6.86          | 67     |            |         |
| 1698 | TA1071 | Ninh Anh Thư             | 17/09/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Lê Hồng Phong     | 23        | 7.15          | 68     |            |         |
| 1699 | TA1062 | Trương Thái Sơn          | 14/06/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Buôn Ma Thuột     | 23        | 7.73          | 69     |            |         |
| 1700 | TA1084 | Vương Nguyễn Bảo Trâm    | 04/05/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Nguyễn Tất Thành  | 22        | 5.22          | 70     |            |         |
| 1701 | TA1040 | Phạm Kim Ngân            | 14/10/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Nguyễn Văn Cừ     | 22        | 7.30          | 71     |            |         |
| 1702 | TA1006 | Nguyễn Hoàng Mai Anh     | 01/01/2006 | Tiếng Anh | 11   | THPT Ea Súp            | 22        | 7.83          | 72     |            |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên            | Ngày sinh  | Môn thi    | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|----------------------|------------|------------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1703 | TA1078 | Trần Sỹ Tới          | 24/06/2006 | Tiếng Anh  | 11   | THPT Phan Đăng Lưu        | 21.5      | 5.02          | 73     |            |         |
| 1704 | TA1076 | Huỳnh Trường Tin     | 05/07/2006 | Tiếng Anh  | 11   | THPT Cư M'gar             | 21.5      | 6.51          | 74     |            |         |
| 1705 | TA1004 | Trần Ngọc Hoàng Anh  | 31/01/2006 | Tiếng Anh  | 11   | THPT Huỳnh Thúc Kháng     | 21.5      | 6.59          | 75     |            |         |
| 1706 | TA1056 | Nguyễn Quỳnh Như     | 09/04/2006 | Tiếng Anh  | 11   | THPT Nguyễn Văn Cừ        | 21.5      | 7.05          | 76     |            |         |
| 1707 | TA1090 | Nguyễn Thị Thanh Vân | 07/03/2006 | Tiếng Anh  | 11   | THPT Nguyễn Huệ           | 21        | 5.80          | 77     |            |         |
| 1708 | TA1018 | Nguyễn Hoàn Đan      | 15/09/2006 | Tiếng Anh  | 11   | THPT Lê Duẩn              | 21        | 7.98          | 78     |            |         |
| 1709 | TA1063 | Phan Trần Bảo Tâm    | 19/06/2006 | Tiếng Anh  | 11   | THPT Trần Quốc Toản       | 20.5      | 5.05          | 79     |            |         |
| 1710 | TA1015 | Nguyễn Thị Mỹ Duyên  | 18/02/2006 | Tiếng Anh  | 11   | THPT Nguyễn Văn Cừ        | 20.5      | 6.66          | 80     |            |         |
| 1711 | TA1024 | Tạ Lâm Hoan          | 18/10/2006 | Tiếng Anh  | 11   | THPT Hồng Đức             | 20        | 4.74          | 81     |            |         |
| 1712 | TA1038 | Võ Trần Huyền My     | 11/08/2006 | Tiếng Anh  | 11   | PTDTNT Tây Nguyên         | 20        | 5.34          | 82     |            |         |
| 1713 | TA1087 | Nguyễn Huy Tùng      | 07/07/2006 | Tiếng Anh  | 11   | THPT Quang Trung          | 20        | 5.52          | 83     |            |         |
| 1714 | TA1027 | Nguyễn Duy Hùng      | 28/06/2006 | Tiếng Anh  | 11   | THPT Việt Đức             | 19.5      | 6.19          | 84     |            |         |
| 1715 | TA1079 | Nguyễn Huyền Trang   | 10/01/2006 | Tiếng Anh  | 11   | THPT Hùng Vương           | 19.5      | 6.19          | 84     |            |         |
| 1716 | TA1039 | Nguyễn Thị Trà My    | 09/01/2006 | Tiếng Anh  | 11   | THPT Trần Đại Nghĩa       | 19.5      | 6.75          | 86     |            |         |
| 1717 | TA1028 | Lê Quỳnh Hương       | 01/04/2006 | Tiếng Anh  | 11   | THPT Krông Ana            | 18.5      | 6.32          | 87     |            |         |
| 1718 | TA1088 | Ngô Bảo Uyên         | 02/11/2006 | Tiếng Anh  | 11   | THPT Lê Quý Đôn           | 16        | 5.79          | 88     |            |         |
| 1719 | TA1081 | Phan Thu Trang       | 08/08/2006 | Tiếng Anh  | 11   | THPT Phan Chu Trinh       | 15        | 5.36          | 89     |            |         |
| 1720 | TA1093 | Lê Hoàng Vũ          | 12/07/2006 | Tiếng Anh  | 11   | THPT Phan Chu Trinh       | 15        | 5.40          | 90     |            |         |
| 1721 | TA1085 | Trần Nguyễn Bảo Trân | 14/10/2006 | Tiếng Anh  | 11   | THPT Nguyễn Trãi          | 13.5      | 5.28          | 91     |            |         |
| 1722 | TA1030 | Lê Tuấn Khanh        | 18/05/2006 | Tiếng Anh  | 11   | THPT Y Jut                | 0         | 0.00          | 92     |            | Vắng    |
| 1723 | TA1066 | Đào Thị Phương Thảo  | 28/06/2006 | Tiếng Anh  | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên | 0         | 0.00          | 92     |            | Vắng    |
| 1724 | TP1002 | Thân Thiện Nhân      | 16/08/2006 | Tiếng Pháp | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du     | 23        | 1.03          | 1      | HCV        |         |
| 1725 | TP1005 | Tạ Tiểu Ngọc Trâm    | 10/03/2006 | Tiếng Pháp | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du     | 22.5      | 0.71          | 2      | HCB        |         |
| 1726 | TP1004 | Trần Mai Quỳnh Thư   | 24/09/2006 | Tiếng Pháp | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du     | 22.3      | 0.76          | 3      | HCB        |         |
| 1727 | TP1003 | Từ Ngọc Bảo Nhi      | 02/05/2006 | Tiếng Pháp | 11   | THPT Buôn Ma Thuột        | 17.5      | 1.25          | 4      |            |         |
| 1728 | TP1001 | Phạm Tuyết Ngân      | 30/07/2006 | Tiếng Pháp | 11   | THPT Buôn Ma Thuột        | 12.8      | 1.72          | 5      |            |         |
| 1729 | TI1017 | Đoàn Quốc Kiên       | 17/02/2006 | Tin học    | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du     | 18.5      | 1.47          | 1      | HCV        |         |
| 1730 | TI1037 | Phạm Ngọc Thọ        | 20/12/2006 | Tin học    | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du     | 18.05     | 1.49          | 2      | HCV        |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên            | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|----------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1731 | TI1039 | Đặng Thị Tuyết Trinh | 01/08/2006 | Tin học | 11   | PTDTNT Tây Nguyên          | 16.7      | 1.78          | 3      | HCV        |         |
| 1732 | TI1025 | Cao Đức Phát         | 18/07/2006 | Tin học | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 15.65     | 2.06          | 4      | HCV        |         |
| 1733 | TI1004 | Nguyễn Minh Bảo      | 14/11/2006 | Tin học | 11   | THCS & THPT Đồng Du        | 15.5      | 2.11          | 5      | HCV        |         |
| 1734 | TI1019 | Trịnh Xuân Minh      | 26/12/2006 | Tin học | 11   | THPT Buôn Hồ               | 14.9      | 1.90          | 6      | HCV        |         |
| 1735 | TI1008 | Trần Mạnh Dũng       | 29/04/2006 | Tin học | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 14.9      | 1.96          | 7      | HCV        |         |
| 1736 | TI1041 | Nguyễn Hoàng Trung   | 08/10/2006 | Tin học | 11   | THCS & THPT Đồng Du        | 14.6      | 2.27          | 8      | HCB        |         |
| 1737 | TI1021 | Nguyễn Thành Nam     | 14/08/2006 | Tin học | 11   | TH, THCS & THPT Victory    | 14.2      | 1.93          | 9      | HCB        |         |
| 1738 | TI1044 | Trần Phan Tường Vy   | 19/04/2006 | Tin học | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 14        | 0.94          | 10     | HCB        |         |
| 1739 | TI1009 | Lê Tấn Dũng          | 07/09/2006 | Tin học | 11   | THPT Hồng Đức              | 14        | 2.40          | 11     | HCB        |         |
| 1740 | TI1028 | Nguyễn Hồng Phúc     | 26/12/2006 | Tin học | 11   | THPT Phan Bội Châu         | 13.4      | 2.20          | 12     | HCB        |         |
| 1741 | TI1033 | Trần Lê Thanh Tâm    | 07/03/2006 | Tin học | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 13.4      | 2.20          | 12     | HCB        |         |
| 1742 | TI1038 | Đào Thị Ngọc Trâm    | 06/04/2006 | Tin học | 11   | THPT Hùng Vương            | 13.4      | 2.20          | 12     | HCB        |         |
| 1743 | TI1006 | Phạm Văn Ngọc Diễm   | 06/01/2006 | Tin học | 11   | THPT Krông Ana             | 12.8      | 2.17          | 15     | HCB        |         |
| 1744 | TI1029 | Đỗ Minh Phương       | 07/01/2006 | Tin học | 11   | THPT Krông Ana             | 12.8      | 2.33          | 16     | HCB        |         |
| 1745 | TI1003 | Vương Gia Bảo        | 16/03/2006 | Tin học | 11   | THPT Lê Hồng Phong         | 12.2      | 2.24          | 17     | HCB        |         |
| 1746 | TI1011 | Nguyễn Long Đức      | 06/06/2006 | Tin học | 11   | TH, THCS & THPT Victory    | 12.2      | 2.24          | 17     | HCB        |         |
| 1747 | TI1042 | Đinh Minh Tú         | 02/07/2006 | Tin học | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 12.1      | 2.25          | 19     | HCB        |         |
| 1748 | TI1002 | Hoàng Gia Bảo        | 08/03/2006 | Tin học | 11   | THPT Buôn Đôn              | 11.6      | 2.12          | 20     | HCB        |         |
| 1749 | TI1014 | Nguyễn Thiện Hữu     | 13/03/2006 | Tin học | 11   | THPT Phan Bội Châu         | 11.6      | 2.29          | 21     | HCB        |         |
| 1750 | TI1023 | Phan Thị Thúy Ngân   | 26/07/2006 | Tin học | 11   | THPT Võ Nguyên Giáp        | 11.6      | 2.35          | 22     | HCB        |         |
| 1751 | TI1024 | Trần Thanh Nguyên    | 29/01/2006 | Tin học | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 11.6      | 2.35          | 22     | HCB        |         |
| 1752 | TI1040 | Lê Lữ Hoài Trọng     | 30/09/2006 | Tin học | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 11.2      | 2.35          | 24     | HCB        |         |
| 1753 | TI1001 | Nguyễn Hữu Quyền Anh | 24/04/2006 | Tin học | 11   | THPT Lê Duẩn               | 11        | 2.38          | 25     | HCB        |         |
| 1754 | TI1034 | Đinh Hoàng Thái      | 17/05/2006 | Tin học | 11   | THCS & THPT Đồng Du        | 10.8      | 2.42          | 26     |            |         |
| 1755 | TI1005 | Nguyễn Thanh Bình    | 14/05/2006 | Tin học | 11   | THPT Phan Đình Phùng       | 10.6      | 2.44          | 27     |            |         |
| 1756 | TI1016 | Đỗ Đoàn Đăng Khôi    | 08/08/2006 | Tin học | 11   | THPT Phạm Văn Đồng         | 10        | 2.60          | 28     |            |         |
| 1757 | TI1018 | Trần Xuân Mẫn        | 01/02/2006 | Tin học | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 8.2       | 2.26          | 29     |            |         |
| 1758 | TI1035 | Lương Vạn Thạch      | 11/09/2006 | Tin học | 11   | THPT Y Jut                 | 7.6       | 2.46          | 30     |            |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên            | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|----------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1759 | TI1043 | Ngô Quang Tùng       | 10/07/2006 | Tin học | 11   | THPT Hùng Vương            | 6.8       | 2.33          | 31     |            |         |
| 1760 | TI1030 | Nguyễn Lê Quang      | 22/10/2006 | Tin học | 11   | THPT Hồng Đức              | 6.6       | 2.70          | 32     |            |         |
| 1761 | TI1032 | Trần Minh Tâm        | 02/06/2006 | Tin học | 11   | THPT Lê Hồng Phong         | 6.6       | 2.70          | 32     |            |         |
| 1762 | TI1007 | Phạm Thị Mỹ Dung     | 06/02/2006 | Tin học | 11   | THPT Võ Nguyên Giáp        | 6.4       | 2.37          | 34     |            |         |
| 1763 | TI1026 | Nguyễn Đình Phúc     | 12/08/2006 | Tin học | 11   | THPT Krông Ana             | 6.4       | 2.74          | 35     |            |         |
| 1764 | TI1015 | Đỗ Đoàn Đăng Khoa    | 08/08/2006 | Tin học | 11   | THPT Phạm Văn Đồng         | 6         | 0.00          | 36     |            |         |
| 1765 | TI1022 | Nguyễn Thị Thúy Nga  | 24/09/2006 | Tin học | 11   | THPT Hai Bà Trưng          | 2.4       | 1.13          | 37     |            |         |
| 1766 | TI1036 | Nguyễn Xuân Thịnh    | 08/06/2006 | Tin học | 11   | THPT Trần Quốc Toản        | 0.6       | 0.28          | 38     |            |         |
| 1767 | TI1027 | Bùi Duy Phúc         | 13/08/2006 | Tin học | 11   | THPT Ea Súp                | 0         | 0.00          | 39     |            |         |
| 1768 | TI1031 | Nguyễn Thị Như Quỳnh | 23/07/2006 | Tin học | 11   | THPT Hai Bà Trưng          | 0         | 0.00          | 39     |            | Vắng    |
| 1769 | TI1010 | Đàm Việt Tiến Đạt    | 20/10/2006 | Tin học | 11   | THPT Lê Hồng Phong         | 0         | 0.00          | 39     |            |         |
| 1770 | TI1012 | Võ Phúc Hậu          | 18/12/2006 | Tin học | 11   | THPT Ea Rók                | 0         | 0.00          | 39     |            |         |
| 1771 | TI1013 | Nguyễn Phan Quốc Huy | 07/10/2006 | Tin học | 11   | THPT Chu Văn An            | 0         | 0.00          | 39     |            |         |
| 1772 | TI1020 | Võ Thế Anh           | 27/07/2006 | Tin học | 11   | THPT Việt Đức              | 0         | 0.00          | 39     |            |         |
| 1773 | TO1038 | Phạm Ngọc Minh       | 13/01/2006 | Toán    | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 15.75     | 0.40          | 1      | HCV        |         |
| 1774 | TO1040 | Nguyễn Nhật Minh     | 22/01/2006 | Toán    | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 15.25     | 0.49          | 2      | HCV        |         |
| 1775 | TO1025 | Phan Việt Hoàng      | 03/06/2006 | Toán    | 11   | THPT Nguyễn Huệ            | 12.25     | 1.08          | 3      | HCV        |         |
| 1776 | TO1084 | Bùi Công Vinh        | 01/02/2006 | Toán    | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 12.25     | 1.19          | 4      | HCV        |         |
| 1777 | TO1016 | Đào Tiến Đạt         | 13/07/2006 | Toán    | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 11.75     | 1.06          | 5      | HCV        |         |
| 1778 | TO1041 | Hồ Quang Minh        | 02/10/2006 | Toán    | 11   | THPT Nguyễn Huệ            | 11.75     | 1.31          | 6      | HCV        |         |
| 1779 | TO1010 | Nguyễn Tiến Cường    | 09/04/2006 | Toán    | 11   | THPT Cư M'gar              | 11.25     | 0.81          | 7      | HCV        |         |
| 1780 | TO1073 | Vũ Đặng Anh Thi      | 13/10/2006 | Toán    | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 10.75     | 1.18          | 8      | HCV        |         |
| 1781 | TO1045 | Đặng Quốc Nam        | 29/10/2006 | Toán    | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 10.75     | 1.23          | 9      | HCV        |         |
| 1782 | TO1063 | Cao Đăng Quân        | 17/10/2006 | Toán    | 11   | THPT Buôn Hồ               | 10.5      | 1.19          | 10     | HCV        |         |
| 1783 | TO1008 | Ngô Quý Chính        | 30/11/2006 | Toán    | 11   | THPT Buôn Hồ               | 10.25     | 1.31          | 11     | HCV        |         |
| 1784 | TO1026 | Trương Công Huy      | 26/05/2006 | Toán    | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du      | 10        | 0.75          | 12     | HCV        |         |
| 1785 | TO1081 | Nguyễn Hải Triều     | 01/03/2006 | Toán    | 11   | THPT Việt Đức              | 10        | 1.04          | 13     | HCV        |         |
| 1786 | TO1074 | Nguyễn Đức Thịnh     | 12/07/2006 | Toán    | 11   | THPT Lê Hữu Trác           | 10        | 1.11          | 14     | HCB        |         |



| STT  | SBD    | Họ và tên                    | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|------------------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1787 | TO1049 | Trần Văn Nghĩa               | 24/08/2006 | Toán    | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 9.75      | 1.21          | 15     | HCB        |         |
| 1788 | TO1024 | Vũ Lê Hoàng                  | 08/04/2006 | Toán    | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 9.75      | 1.40          | 16     | HCB        |         |
| 1789 | TO1018 | Nguyễn Lê Phương Hà          | 11/04/2006 | Toán    | 11   | THPT Phan Đăng Lưu         | 9.5       | 1.43          | 17     | HCB        |         |
| 1790 | TO1039 | Ralan Trương Hoàng Ngọc Minh | 09/05/2006 | Toán    | 11   | TH, THCS & THPT Victory    | 9         | 1.42          | 18     | HCB        |         |
| 1791 | TO1080 | Lưu Phương Trang             | 16/02/2006 | Toán    | 11   | THPT Lăk                   | 8.75      | 1.00          | 19     | HCB        |         |
| 1792 | TO1019 | Trần Thanh Hải               | 12/10/2006 | Toán    | 11   | THPT Ngô Gia Tự            | 8.75      | 1.28          | 20     | HCB        |         |
| 1793 | TO1051 | Võ Sỹ Ngọc                   | 24/09/2006 | Toán    | 11   | THPT Buôn Hồ               | 8.75      | 1.31          | 21     | HCB        |         |
| 1794 | TO1006 | Nguyễn Vũ Bách               | 08/06/2006 | Toán    | 11   | THPT Phan Đình Phùng       | 8.75      | 1.33          | 22     | HCB        |         |
| 1795 | TO1029 | Phan Nguyễn Xuân Huỳnh       | 27/09/2006 | Toán    | 11   | THPT Ngô Gia Tự            | 8         | 1.21          | 23     | HCB        |         |
| 1796 | TO1057 | Nguyễn Thị Hồng Nhung        | 10/03/2006 | Toán    | 11   | THPT Trần Quốc Toản        | 8         | 1.28          | 24     | HCB        |         |
| 1797 | TO1022 | Dương Đình Hoàng             | 10/01/2006 | Toán    | 11   | THPT Quang Trung           | 8         | 1.34          | 25     | HCB        |         |
| 1798 | TO1054 | Đoàn Thị Ánh Nguyệt          | 15/05/2006 | Toán    | 11   | THPT Buôn Ma Thuột         | 7.5       | 1.15          | 26     | HCB        |         |
| 1799 | TO1020 | Phạm Bá Hiếu                 | 17/01/2006 | Toán    | 11   | THPT Phạm Văn Đồng         | 7.5       | 1.19          | 27     | HCB        |         |
| 1800 | TO1062 | Lã Nguyễn Hoàng Phúc         | 04/05/2006 | Toán    | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 7.5       | 1.35          | 28     | HCB        |         |
| 1801 | TO1072 | Lê Thị Thu Thảo              | 17/08/2006 | Toán    | 11   | THPT Nguyễn Công Trứ       | 7.25      | 1.16          | 29     | HCB        |         |
| 1802 | TO1003 | Đỗ Đức Anh                   | 21/04/2006 | Toán    | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 7.25      | 1.25          | 30     | HCB        |         |
| 1803 | TO1037 | Phạm Hồng Hải Lý             | 18/09/2006 | Toán    | 11   | THPT Hùng Vương            | 7         | 1.18          | 31     | HCB        |         |
| 1804 | TO1033 | Nguyễn Anh Khoa              | 02/08/2006 | Toán    | 11   | THPT Chu Văn An            | 6.75      | 1.19          | 32     | HCB        |         |
| 1805 | TO1027 | Nguyễn Đoàn Ngọc Huy         | 19/08/2006 | Toán    | 11   | THPT Nguyễn Trường Tộ      | 6.75      | 1.25          | 33     | HCB        |         |
| 1806 | TO1069 | Lê Nhật Tân                  | 29/01/2006 | Toán    | 11   | THPT Lý Tự Trọng           | 6.5       | 0.75          | 34     | HCB        |         |
| 1807 | TO1021 | Trương Minh Hiên             | 21/11/2006 | Toán    | 11   | THPT Buôn Ma Thuột         | 6.5       | 1.14          | 35     | HCB        |         |
| 1808 | TO1075 | Võ Quỳnh Đan Thùy            | 01/01/2006 | Toán    | 11   | THPT Huỳnh Thúc Kháng      | 6.5       | 1.14          | 35     | HCB        |         |
| 1809 | TO1017 | Nguyễn Trường Giang          | 30/05/2006 | Toán    | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 6.5       | 1.23          | 37     | HCB        |         |
| 1810 | TO1050 | Nguyễn Bảo Ngọc              | 21/08/2006 | Toán    | 11   | THPT Nguyễn Tất Thành      | 6.25      | 1.08          | 38     | HCB        |         |
| 1811 | TO1036 | Phạm Hà Ly                   | 19/12/2006 | Toán    | 11   | THPT Nguyễn Công Trứ       | 6         | 1.07          | 39     | HCB        |         |
| 1812 | TO1009 | Trần Hoàng Chương            | 05/06/2006 | Toán    | 11   | THPT Cư M'gar              | 6         | 1.09          | 40     | HCB        |         |
| 1813 | TO1066 | H Sam Êban                   | 10/10/2006 | Toán    | 11   | THPT Quang Trung           | 6         | 1.12          | 41     | HCB        |         |
| 1814 | TO1052 | Phan Trần Nguyên             | 12/10/2006 | Toán    | 11   | THPT Lê Hữu Trác           | 6         | 1.18          | 42     | HCB        |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường              | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|------------------------|------------|---------|------|-------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1815 | TO1067 | Mai Thị Hồng Sâm       | 24/05/2006 | Toán    | 11   | THPT Tôn Đức Thắng      | 6         | 1.25          | 43     | HCB        |         |
| 1816 | TO1047 | Phạm Kim Ngân          | 11/02/2006 | Toán    | 11   | THPT Ngô Gia Tự         | 6         | 1.26          | 44     | HCB        |         |
| 1817 | TO1032 | Ngô Phú Hưng           | 13/02/2006 | Toán    | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm  | 5.75      | 0.98          | 45     | HCB        |         |
| 1818 | TO1070 | Đinh Công Thành        | 02/08/2006 | Toán    | 11   | THPT Nguyễn Trường Tộ   | 5.75      | 1.21          | 46     | HCB        |         |
| 1819 | TO1014 | Nguyễn Lê Thành Đạt    | 28/01/2006 | Toán    | 11   | THPT Nguyễn Trãi        | 5.75      | 1.36          | 47     | HCB        |         |
| 1820 | TO1007 | Lê Tiến Bình           | 31/12/2006 | Toán    | 11   | THPT Trần Quốc Toản     | 5.5       | 1.06          | 48     |            |         |
| 1821 | TO1015 | Nguyễn Hữu Đức         | 15/04/2006 | Toán    | 11   | THPT Lê Hồng Phong      | 5.25      | 0.98          | 49     |            |         |
| 1822 | TO1004 | Nguyễn Huyền Anh       | 20/07/2006 | Toán    | 11   | THPT Krông Ana          | 5.25      | 1.08          | 50     |            |         |
| 1823 | TO1042 | Trần Văn Minh          | 28/04/2006 | Toán    | 11   | THPT Võ Nguyên Giáp     | 5.25      | 1.10          | 51     |            |         |
| 1824 | TO1061 | Nguyễn Hoài Như        | 21/01/2006 | Toán    | 11   | THPT Hồng Đức           | 5.25      | 1.26          | 52     |            |         |
| 1825 | TO1079 | Dương Trương Triệu Thư | 24/06/2006 | Toán    | 11   | THPT Tôn Đức Thắng      | 5         | 1.11          | 53     |            |         |
| 1826 | TO1048 | Nguyễn Văn Nghĩa       | 16/09/2006 | Toán    | 11   | THPT Ea Súp             | 5         | 1.21          | 54     |            |         |
| 1827 | TO1060 | Lê Vũ Tuyết Nhung      | 13/08/2006 | Toán    | 11   | THPT Nguyễn Thái Bình   | 5         | 1.21          | 54     |            |         |
| 1828 | TO1059 | Đào Thị Trang Nhung    | 27/10/2006 | Toán    | 11   | THPT Nguyễn Thái Bình   | 4.75      | 0.74          | 56     |            |         |
| 1829 | TO1031 | Bùi Thanh Nhật Anh     | 19/07/2006 | Toán    | 11   | THPT Buôn Ma Thuột      | 4.75      | 0.98          | 57     |            |         |
| 1830 | TO1012 | Phạm Đức Dũng          | 31/08/2006 | Toán    | 11   | PTDTNT Tây Nguyên       | 4.75      | 1.02          | 58     |            |         |
| 1831 | TO1028 | Lê Quốc Huy            | 14/03/2006 | Toán    | 11   | THPT Chu Văn An         | 4.5       | 1.10          | 59     |            |         |
| 1832 | TO1078 | Nguyễn Thiên Thư       | 30/12/2007 | Toán    | 11   | THPT Lê Hữu Trác        | 4.5       | 1.15          | 60     |            |         |
| 1833 | TO1030 | Đậu Lâm Hùng           | 20/10/2006 | Toán    | 11   | THPT Cư M'gar           | 4.25      | 0.92          | 61     |            |         |
| 1834 | TO1043 | Võ Thị Lệ My           | 31/10/2006 | Toán    | 11   | THPT Phan Đăng Lưu      | 4.25      | 0.97          | 62     |            |         |
| 1835 | TO1034 | Nguyễn Anh Khoa        | 04/04/2006 | Toán    | 11   | THPT Lê Quý Đôn         | 4.25      | 1.00          | 63     |            |         |
| 1836 | TO1005 | Đặng Lan Anh           | 24/10/2006 | Toán    | 11   | THPT Krông Ana          | 4         | 0.70          | 64     |            |         |
| 1837 | TO1085 | Tạ Thị Tuyết Xuân      | 13/01/2006 | Toán    | 11   | THPT Phan Đăng Lưu      | 4         | 0.99          | 65     |            |         |
| 1838 | TO1055 | Phan Trường Nhất       | 18/08/2006 | Toán    | 11   | THPT Ea H'leo           | 3.75      | 1.10          | 66     |            |         |
| 1839 | TO1023 | Nguyễn Viết Huy Hoàng  | 26/03/2006 | Toán    | 11   | THPT Krông Ana          | 3.5       | 0.62          | 67     |            |         |
| 1840 | TO1053 | Trương Vĩ Nguyên       | 07/08/2006 | Toán    | 11   | PTDTNT Tây Nguyên       | 3.5       | 1.10          | 68     |            |         |
| 1841 | TO1035 | Kevin Ksor             | 07/09/2006 | Toán    | 11   | TH, THCS & THPT Victory | 3.25      | 0.58          | 69     |            |         |
| 1842 | TO1082 | Nguyễn Tấn Tuấn        | 02/08/2006 | Toán    | 11   | THPT Nguyễn Trãi        | 3.25      | 0.92          | 70     |            |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên             | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                 | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|-----------------------|------------|---------|------|----------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1843 | TO1064 | Trần Minh Quân        | 23/10/2005 | Toán    | 11   | THPT Nguyễn Tất Thành      | 3.25      | 1.00          | 71     |            |         |
| 1844 | TO1056 | Lê Văn Nhó            | 21/11/2006 | Toán    | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm     | 3         | 0.76          | 72     |            |         |
| 1845 | TO1044 | Trương Thị Trà My     | 06/02/2006 | Toán    | 11   | THPT Phan Đình Phùng       | 2.75      | 0.82          | 73     |            |         |
| 1846 | TO1013 | Vũ Mạnh Dũng          | 19/07/2006 | Toán    | 11   | THPT Ea H'leo              | 2.5       | 0.62          | 74     |            |         |
| 1847 | TO1077 | Nguyễn Phạm Anh Thư   | 15/06/2006 | Toán    | 11   | THPT Nguyễn Tất Thành      | 2.5       | 0.73          | 75     |            |         |
| 1848 | TO1068 | Nguyễn Huỳnh Thái Sơn | 15/06/2006 | Toán    | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên  | 2.5       | 0.82          | 76     |            |         |
| 1849 | TO1076 | Nguyễn Hoàng Anh Thư  | 18/09/2006 | Toán    | 11   | THPT Buôn Đôn              | 2         | 0.53          | 77     |            |         |
| 1850 | TO1011 | Trần Thị Thu Diễm     | 04/02/2006 | Toán    | 11   | THPT Phan Chu Trinh        | 2         | 0.75          | 78     |            |         |
| 1851 | TO1071 | Nguyễn Mai Diệu Thảo  | 21/08/2006 | Toán    | 11   | THPT Y Jut                 | 1.75      | 0.55          | 79     |            |         |
| 1852 | TO1065 | Võ Minh Quân          | 08/05/2006 | Toán    | 11   | THPT Lê Quý Đôn            | 0.75      | 0.28          | 80     |            |         |
| 1853 | TO1001 | Tổng Hoàng Bình An    | 19/07/2006 | Toán    | 11   | PTDTNT Tây Nguyên          | 0.5       | 0.19          | 81     |            |         |
| 1854 | TO1058 | Nguyễn Thị Thảo Nhung | 14/09/2006 | Toán    | 11   | THPT Phan Chu Trinh        | 0.5       | 0.19          | 81     |            |         |
| 1855 | TO1002 | Dương Thùy An         | 30/07/2006 | Toán    | 11   | THPT Hồng Đức              | 0         | 0.00          | 83     |            |         |
| 1856 | TO1046 | Nguyễn Văn Nam        | 03/02/2006 | Toán    | 11   | THPT Lê Quý Đôn            | 0         | 0.00          | 83     |            | Vắng    |
| 1857 | VL1061 | Trần Hoài Nam         | 16/03/2006 | Vật lí  | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 16.75     | 0.65          | 1      | HCV        |         |
| 1858 | VL1050 | Tạ Việt Linh          | 22/06/2006 | Vật lí  | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 16        | 0.69          | 2      | HCV        |         |
| 1859 | VL1077 | Nguyễn Thanh Tân      | 22/11/2006 | Vật lí  | 11   | THCS & THPT Đông Du        | 13        | 0.99          | 3      | HCV        |         |
| 1860 | VL1030 | Phạm Hoàng Hiệp       | 03/02/2006 | Vật lí  | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 11.25     | 1.43          | 4      | HCV        |         |
| 1861 | VL1038 | Nguyễn Phạm Gia Khang | 17/07/2006 | Vật lí  | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 10.75     | 1.02          | 5      | HCV        |         |
| 1862 | VL1055 | Đỗ Thị Khánh Ly       | 04/08/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Buôn Hồ               | 10.75     | 1.45          | 6      | HCV        |         |
| 1863 | VL1032 | Trần Quốc Huy         | 22/01/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Nguyễn Trãi           | 10.25     | 1.05          | 7      | HCV        |         |
| 1864 | VL1090 | Nguyễn Mai Trang      | 21/08/2006 | Vật lí  | 11   | TH, THCS & THPT Hoàng Việt | 10.25     | 1.34          | 8      | HCV        |         |
| 1865 | VL1018 | Nguyễn Quang Tiến Đạt | 25/08/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Nguyễn Trãi           | 10.25     | 1.40          | 9      | HCV        |         |
| 1866 | VL1031 | Phạm Ngọc Huy         | 06/09/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Y Jut                 | 10        | 1.19          | 10     | HCV        |         |
| 1867 | VL1072 | Võ Quang Phúc         | 03/07/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Ngô Gia Tự            | 9.5       | 1.45          | 11     | HCV        |         |
| 1868 | VL1014 | Nguyễn Tiến Dũng      | 19/05/2006 | Vật lí  | 11   | PTDTNT Tây Nguyên          | 9         | 1.45          | 12     | HCV        |         |
| 1869 | VL1015 | Dương Trí Dũng        | 17/10/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Nguyễn Trãi           | 9         | 1.45          | 12     | HCV        |         |
| 1870 | VL1006 | Nguyễn Cao Bình       | 12/07/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Cư M'gar              | 8.75      | 0.87          | 14     | HCV        |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên                | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|--------------------------|------------|---------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1871 | VL1033 | Ngô Trí Huy              | 10/02/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Chu Văn An           | 8.75      | 1.18          | 15     | HCV        |         |
| 1872 | VL1062 | Nguyễn Thị Thúy Ngân     | 20/10/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Phan Chu Trinh       | 8.5       | 1.46          | 16     | HCB        |         |
| 1873 | VL1037 | Trần Diệp Kha            | 11/11/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Trần Quốc Toàn       | 8.25      | 1.30          | 17     | HCB        |         |
| 1874 | VL1011 | Trần Viết Cường          | 16/10/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Cư M'gar             | 8         | 0.99          | 18     | HCB        |         |
| 1875 | VL1069 | Nguyễn Huy Phong         | 08/07/2006 | Vật lí  | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du     | 8         | 0.99          | 18     | HCB        |         |
| 1876 | VL1010 | Nguyễn Viết Thành Công   | 08/08/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên | 8         | 1.19          | 20     | HCB        |         |
| 1877 | VL1046 | Trần Thanh Lan           | 24/08/2006 | Vật lí  | 11   | TH, THCS & THPT Victory   | 8         | 1.20          | 21     | HCB        |         |
| 1878 | VL1054 | Lê Văn Lợi               | 31/08/2006 | Vật lí  | 11   | THPT DTNT N' Trang Long   | 7.75      | 0.82          | 22     | HCB        |         |
| 1879 | VL1040 | Đinh Văn Thái Khang      | 02/02/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên | 7.75      | 1.09          | 23     | HCB        |         |
| 1880 | VL1045 | Đặng Văn Khoa            | 06/02/2006 | Vật lí  | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du     | 7.25      | 1.09          | 24     | HCB        |         |
| 1881 | VL1059 | Đặng Thị Tuyết My        | 05/10/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Ea H'leo             | 7.25      | 1.18          | 25     | HCB        |         |
| 1882 | VL1024 | Võ Văn Hải               | 26/08/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Phan Chu Trinh       | 7.25      | 1.28          | 26     | HCB        |         |
| 1883 | VL1074 | Nguyễn Viết Quân         | 27/07/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Cư M'gar             | 6.75      | 0.91          | 27     | HCB        |         |
| 1884 | VL1063 | Nguyễn Huỳnh Phong Nghĩa | 21/08/2006 | Vật lí  | 11   | THPT chuyên Nguyễn Du     | 6.75      | 0.99          | 28     | HCB        |         |
| 1885 | VL1035 | Lê Trung Hùng            | 19/02/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Lê Hồng Phong        | 6.75      | 1.17          | 29     | HCB        |         |
| 1886 | VL1095 | Trần Yên Vi              | 03/10/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Hùng Vương           | 6.25      | 0.91          | 30     | HCB        |         |
| 1887 | VL1070 | Nguyễn Xuân Phú          | 21/02/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Hùng Vương           | 6.25      | 1.01          | 31     | HCB        |         |
| 1888 | VL1021 | Hà Thị Hồng Gấm          | 22/03/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Võ Văn Kiệt          | 6.25      | 1.06          | 32     | HCB        |         |
| 1889 | VL1036 | Trần Thị Thu Hương       | 08/12/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Nguyễn Huệ           | 6.25      | 1.16          | 33     | HCB        |         |
| 1890 | VL1019 | Phùng Minh Đức           | 22/10/2006 | Vật lí  | 11   | TH, THCS & THPT Victory   | 6.25      | 1.22          | 34     | HCB        |         |
| 1891 | VL1097 | Trần Minh Vũ             | 26/01/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Nguyễn Thị Minh Khai | 6.25      | 1.39          | 35     | HCB        |         |
| 1892 | VL1084 | Bùi Dương Thanh Thu      | 25/03/2006 | Vật lí  | 11   | THPT DTNT N' Trang Long   | 6         | 0.95          | 36     | HCB        |         |
| 1893 | VL1080 | Nguyễn Minh Thảo         | 02/12/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Hồng Đức             | 6         | 1.44          | 37     | HCB        |         |
| 1894 | VL1065 | Lã Chính Nhân            | 02/09/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Krông Bông           | 5.75      | 0.87          | 38     | HCB        |         |
| 1895 | VL1008 | Nguyễn Trịnh Công Chi    | 08/04/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Võ Văn Kiệt          | 5.75      | 0.99          | 39     | HCB        |         |
| 1896 | VL1078 | Dương Tú Thanh           | 04/01/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Krông Ana            | 5.75      | 1.19          | 40     | HCB        |         |
| 1897 | VL1092 | Vũ Thị Cẩm Tú            | 03/07/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Lắk                  | 5.75      | 1.21          | 41     | HCB        |         |
| 1898 | VL1027 | Nguyễn Trung Hiếu        | 31/01/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Chu Văn An           | 5.75      | 1.27          | 42     | HCB        |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên             | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|-----------------------|------------|---------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1899 | VL1093 | Trần Quốc Minh Tuấn   | 02/01/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Nguyễn Văn Cừ        | 5.5       | 0.77          | 43     | HCB        |         |
| 1900 | VL1025 | Nguyễn Trần Mai Hạnh  | 15/09/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Võ Văn Kiệt          | 5.5       | 0.89          | 44     | HCB        |         |
| 1901 | VL1016 | Nguyễn Hoàng Đạt      | 10/10/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Phan Đình Phùng      | 5.5       | 1.13          | 45     | HCB        |         |
| 1902 | VL1053 | Nguyễn Đắc Lộc        | 10/02/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Buôn Hồ              | 5.5       | 1.14          | 46     | HCB        |         |
| 1903 | VL1087 | Nguyễn Thị Thanh Tiên | 28/03/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Lê Hồng Phong        | 5.25      | 1.19          | 47     | HCB        |         |
| 1904 | VL1060 | Trần Thiện Mỹ         | 27/02/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Huỳnh Thúc Kháng     | 5.25      | 1.24          | 48     | HCB        |         |
| 1905 | VL1094 | Nguyễn Ngọc Tuyền     | 02/03/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Nguyễn Huệ           | 5.25      | 1.24          | 48     | HCB        |         |
| 1906 | VL1075 | Phạm Bảo Quốc         | 08/06/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Ngô Gia Tự           | 4.75      | 0.44          | 50     | HCB        |         |
| 1907 | VL1088 | Nguyễn Ngọc Tín       | 04/01/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Quang Trung          | 4.75      | 0.92          | 51     | HCB        |         |
| 1908 | VL1081 | Trần Công Thiện       | 22/04/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Ea Súp               | 4.75      | 0.96          | 52     | HCB        |         |
| 1909 | VL1068 | Nguyễn Tấn Phát       | 09/11/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Nguyễn Công Trứ      | 4.5       | 0.76          | 53     | HCB        |         |
| 1910 | VL1064 | Phạm Bích Ngọc        | 16/09/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Huỳnh Thúc Kháng     | 4.5       | 0.87          | 54     | HCB        |         |
| 1911 | VL1058 | Đào Văn Mạnh          | 24/03/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Ea H'leo             | 4.5       | 0.99          | 55     | HCB        |         |
| 1912 | VL1086 | Võ Minh Thư           | 22/04/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Phạm Văn Đồng        | 4.5       | 1.00          | 56     |            |         |
| 1913 | VL1082 | Đinh Ngô Trường Thịnh | 28/01/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Lê Quý Đôn           | 4.5       | 1.04          | 57     |            |         |
| 1914 | VL1052 | Trần Long             | 23/10/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Krông Bông           | 4.25      | 0.96          | 58     |            |         |
| 1915 | VL1041 | Bạch Thị Hải Khánh    | 12/11/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Y Jut                | 4.25      | 1.06          | 59     |            |         |
| 1916 | VL1071 | Võ Hồng Phúc          | 13/04/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Lê Quý Đôn           | 4         | 1.04          | 60     |            |         |
| 1917 | VL1026 | Nguyễn Đình Hiếu      | 08/06/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Nguyễn Văn Cừ        | 3.75      | 0.54          | 61     |            |         |
| 1918 | VL1066 | Phạm Thị Ngọc Nhi     | 28/07/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Nguyễn Công Trứ      | 3.75      | 1.08          | 62     |            |         |
| 1919 | VL1042 | Nguyễn Tấn Quốc Khánh | 15/09/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Thực hành Cao Nguyên | 3.75      | 1.08          | 62     |            |         |
| 1920 | VL1089 | Nguyễn Cảnh Tịnh      | 10/06/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Quang Trung          | 3.75      | 1.08          | 62     |            |         |
| 1921 | VL1020 | Nguyễn Hoàng Tiến Đức | 07/02/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Krông Ana            | 3.75      | 1.10          | 65     |            |         |
| 1922 | VL1057 | Hoàng Thị Quỳnh Mai   | 14/06/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Chu Văn An           | 3.5       | 0.80          | 66     |            |         |
| 1923 | VL1029 | Phạm Thị Ngọc Hiền    | 15/08/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Tôn Đức Thắng        | 3.5       | 0.99          | 67     |            |         |
| 1924 | VL1022 | Phạm Hương Giang      | 16/01/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Ea Súp               | 3.5       | 1.01          | 68     |            |         |
| 1925 | VL1049 | Hoàng Khánh Linh      | 16/07/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Phan Đình Phùng      | 3.5       | 1.01          | 68     |            |         |
| 1926 | VL1007 | Nguyễn Thái Bình      | 27/10/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Trần Đại Nghĩa       | 3.25      | 1.00          | 70     |            |         |

| STT  | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Môn thi | Khối | Tên trường                | Tổng điểm | Độ lệch chuẩn | Vị thứ | Huy chương | Ghi chú |
|------|--------|------------------------|------------|---------|------|---------------------------|-----------|---------------|--------|------------|---------|
| 1927 | VL1009 | Nguyễn Huy Công        | 05/11/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Nguyễn Tất Thành     | 3.25      | 1.00          | 70     |            |         |
| 1928 | VL1003 | Trần Thị Ngọc Ánh      | 04/07/2006 | Vật lí  | 11   | PTDTNT Tây Nguyên         | 2.75      | 0.44          | 72     |            |         |
| 1929 | VL1091 | Lê Hữu Trường          | 22/12/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Nguyễn Thị Minh Khai | 2.75      | 0.57          | 73     |            |         |
| 1930 | VL1023 | Nguyễn Trường Giang    | 26/05/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Võ Nguyên Giáp       | 2.75      | 0.58          | 74     |            |         |
| 1931 | VL1005 | Phạm Thế Bảo           | 19/09/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Phan Đình Phùng      | 2.75      | 0.58          | 74     |            |         |
| 1932 | VL1073 | Nguyễn Ích Quốc Phương | 08/11/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Trường Chinh         | 2.75      | 0.82          | 76     |            |         |
| 1933 | VL1017 | Nguyễn Thành Đạt       | 21/09/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Krông Ana            | 2.5       | 0.55          | 77     |            |         |
| 1934 | VL1039 | Lại Hoàng Khang        | 25/01/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm    | 2.25      | 0.45          | 78     |            |         |
| 1935 | VL1001 | Đậu Phạm Thúy An       | 08/10/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Phan Đăng Lưu        | 2         | 0.45          | 79     |            |         |
| 1936 | VL1004 | Phạm Văn Ân            | 30/03/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Việt Đức             | 1.75      | 0.27          | 80     |            |         |
| 1937 | VL1099 | Lê Nhã Như Ý           | 24/06/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Nguyễn Công Trứ      | 1.75      | 0.42          | 81     |            |         |
| 1938 | VL1013 | Phạm Thị Thùy Duyên    | 04/10/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Phan Đăng Lưu        | 1.75      | 0.55          | 82     |            |         |
| 1939 | VL1067 | Lê Gia Phát            | 21/04/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Phan Đăng Lưu        | 1.75      | 0.55          | 82     |            |         |
| 1940 | VL1048 | Phạm Huyền Diệu Linh   | 01/01/2006 | Vật lí  | 11   | TH, THCS & THPT Victory   | 1.75      | 0.65          | 84     |            |         |
| 1941 | VL1028 | Nguyễn Văn Hữu Hiền    | 02/06/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Lê Quý Đôn           | 1.5       | 0.46          | 85     |            |         |
| 1942 | VL1085 | Trần Thị Thu           | 07/08/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Trần Quang Khải      | 1.5       | 0.56          | 86     |            |         |
| 1943 | VL1096 | Hoàng Trung Việt       | 11/01/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Nguyễn Chí Thanh     | 1.5       | 0.56          | 86     |            |         |
| 1944 | VL1051 | Trần Thị Bích Loan     | 20/09/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Krông Bông           | 1.25      | 0.30          | 88     |            |         |
| 1945 | VL1002 | Trần Thị Lan Anh       | 20/03/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Ea Súp               | 1.25      | 0.47          | 89     |            |         |
| 1946 | VL1076 | Trần Hữu Quyết         | 12/04/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Trường Chinh         | 1.25      | 0.47          | 89     |            |         |
| 1947 | VL1047 | Nguyễn Diệu Linh       | 23/04/2005 | Vật lí  | 11   | THPT Hồng Đức             | 1.25      | 0.47          | 89     |            |         |
| 1948 | VL1034 | Phúc Thị Ngọc Huyền    | 29/04/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Lê Hữu Trác          | 1         | 0.28          | 92     |            |         |
| 1949 | VL1083 | Nguyễn Anh Thống       | 21/05/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Lê Hữu Trác          | 1         | 0.28          | 92     |            |         |
| 1950 | VL1044 | Nguyễn Tiến Khiêm      | 30/06/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Nguyễn Trường Tộ     | 1         | 0.37          | 94     |            |         |
| 1951 | VL1098 | Phùng Ngọc Xuân        | 20/02/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm    | 0.5       | 0.12          | 95     |            |         |
| 1952 | VL1079 | Tạ Phan Nhật Thao      | 28/03/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Lê Hữu Trác          | 0.25      | 0.09          | 96     |            |         |
| 1953 | VL1056 | Phan Phạm Khánh Ly     | 12/04/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Y Jut                | 0.25      | 0.09          | 96     |            |         |
| 1954 | VL1012 | Nguyễn Thị Hồng Diễm   | 09/04/2006 | Vật lí  | 11   | THPT Nguyễn Bình Khiêm    | 0         | 0.00          | 98     |            |         |